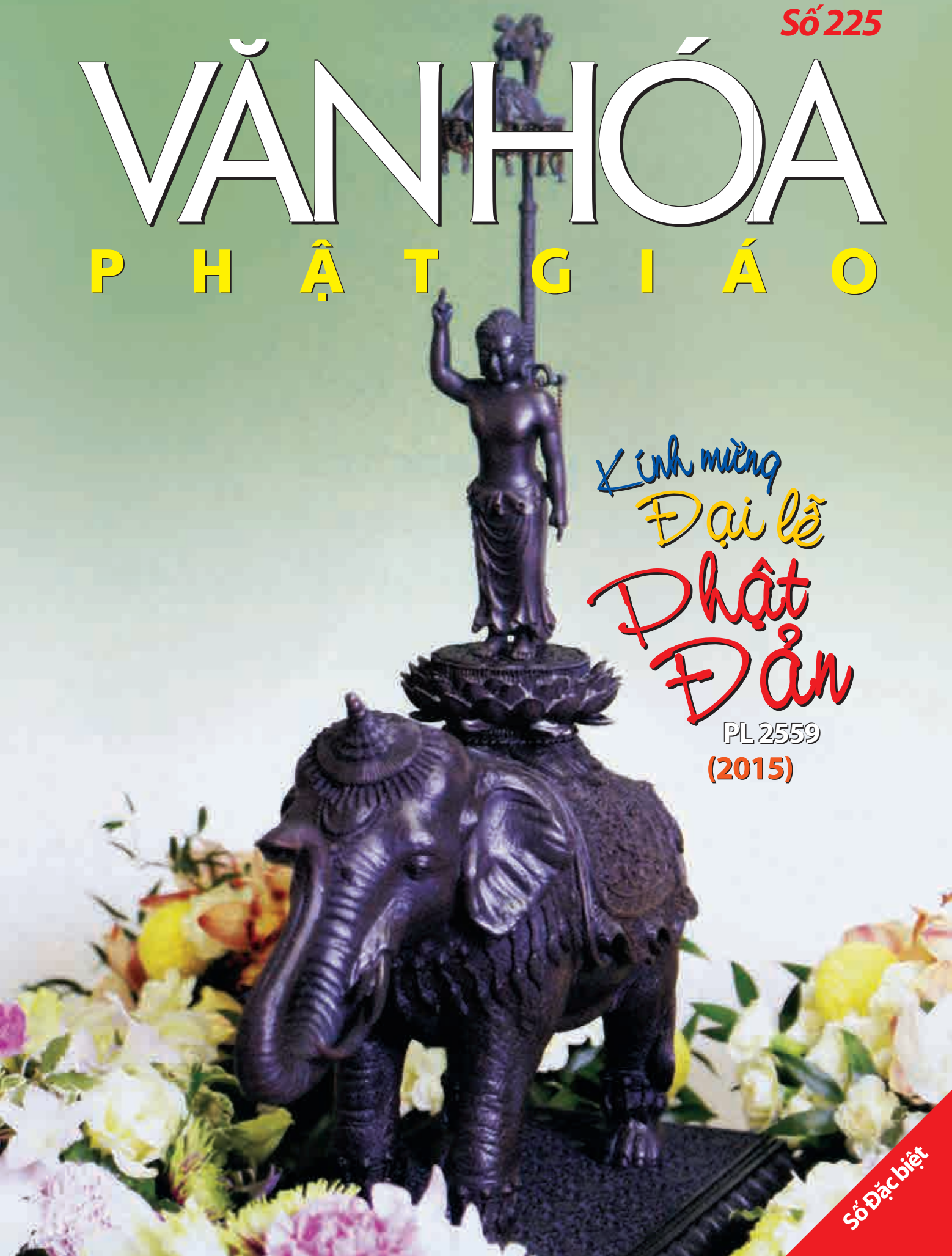


VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Kính mừng
Đại lễ
Phật
Đản

PL 2559
(2015)



Số Đặc biệt



Kính Mừng



ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN

Phật lịch: 2559



 **ỐNG KÉM HOA SEN**
Bền vững đến tương lai

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 

 **TÔN HOA SEN**
Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 

 **ỐNG NHỰA HOA SEN**
Dẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 

CAM KẾT BÁN ĐÚNG GIÁ, ĐÚNG TIÊU CHUẨN, ĐÚNG CHẤT LƯỢNG

GỌI NGAY  1800 1515

Tổng đài tư vấn miễn phí cuộc gọi từ thứ hai đến thứ bảy (từ 08g00 - 17g00)

www.hoasengroup.vn





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kèm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÀN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo
Pháp Tuệ, DD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VP Bank, Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Trích Thông điệp của Đức Pháp chủ GHPGVN	4
Trích Diễn văn Phật đản PL.2559 của HT. Chủ tịch HĐTS GHPGVN	5
Thông điệp hòa bình của Đức Phật (<i>Tâm Từong</i>)	6
Về ngày và năm Đản sinh của Đức Phật (<i>Nguyễn Văn Nhật</i>)	10
Hành trình xây dựng lại đạo đức xã hội (<i>Nguyễn Cảnh</i>)	14
Bổ-đề tâm (<i>Nguyễn Thế Đăng</i>)	17
Cõi Phật đâu xa! (<i>Đỗ Hồng Ngọc</i>)	20
Sự Thật chỉ phát sinh từ Hiểu Biết (<i>Walpola Rahula - Hoang Phong chuyển ngữ</i>)	23
Bảy hoa sen trên hồ sen (<i>Cao Huy Hóa</i>)	26
Tiếng chuông chùa trong ca dao xưa (<i>Đặng Việt Thủy</i>)	28
Từ Dục Đức đường đến Cổ nhạc từ (<i>Trần Văn Dũng</i>)	30
Về địa điểm Mai Sơn và Mai Khâu ở Gia Định xưa (<i>Tôn Thất Thọ</i>)	34
Chùa Nhắm Dương – Tổ đình tông Tào Động Việt Nam (<i>Quảng Tâm – Cẩm Vân</i>)	36
Liên tục ngả mũ kính cẩn (<i>Hồ Anh Thái</i>)	38
Nhu cầu thấu hiểu và thể hiện bản thân (<i>Nguyễn Hữu Đức</i>)	39
Một cuốn sách tham khảo thiếu độ tin cậy (<i>Văn Thức</i>)	42
Khoảng sân trước nhà (<i>Tư Hương</i>)	45
Phú quý có sinh lễ nghĩa? (<i>Lê Hải Đăng</i>)	46
Hợp tác là giúp đỡ nhau (<i>Trần Nguyên Hòa</i>)	48
Ký ức tháng Tư (<i>Nguyễn Văn Uông</i>)	50
Thơ (<i>Trường Khánh, Thạch Thị Sơn Ca, Nguyễn Từ, Vũ Xuân Hồng, Nguyễn Thị Bình, Phan Thành Minh</i>)	52
Trôi trên dòng thời gian trắng xóa (<i>Nhụy Nguyên</i>)	54
Lời cảm ơn cuộc sống	57

Bìa 1: Đức Phật xuất hiện ở đời. Nguồn: *Buddhist Summit News*, số 29 (2015)

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Đại lễ Phật đản Phật lịch 2559 lại đang về. Hòa vào niềm vui chung của mọi Phật tử trên toàn thế giới đang náo nức chờ đón Đại lễ kỷ niệm ngày Đản sanh của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo xin bày tỏ cùng quý độc giả niềm hân hoan và tin tưởng vào sự lan tỏa của giáo pháp mà Đức Bổn sư đã dày công trao truyền nhằm giải quyết những nỗi khổ nhân sinh vẫn đang đè nặng lên thân phận con người ở khắp cõi ta-bà.


Do ảnh hưởng những ngày nghỉ lễ kéo dài vừa qua, thời gian chuẩn bị cho số báo đặc biệt năm nay có phần ngắn hơn những lần chuẩn bị các số báo đặc biệt của những năm trước. Mặc dù vậy, với ý thức là cần đem đến với quý độc giả một sản phẩm tinh thần xứng đáng, tập thể tòa soạn đã tập trung mọi nỗ lực để tờ báo vẫn có được nội dung phong phú và sự trình bày trang nhã, vốn được tạp chí giữ gìn như một truyền thống. Bằng tất cả thành ý của mình, chúng tôi hy vọng quý độc giả sẽ có được sự hài lòng khi tiếp nhận số báo này.

Như đã trình bày trong số báo trước, theo thường lệ, VHPG số đặc biệt mừng Phật đản luôn luôn được phát hành trước ngày lễ chính khoảng 8 hay 10 ngày. Năm nay, ngày lễ chính lại rơi vào ngày 1-6-2015, mà VHPG là một bản nguyệt san, phát hành vào ngày 1 và 15 mỗi tháng; do đó, số báo đặc biệt mừng Phật đản chỉ có thể được phát hành trước 15 ngày. Như vậy, đến ngày 1-6-2015 tới, tức là ngày rằm tháng Tư năm Ất Mùi, một số báo tiếp theo cũng được gửi đến tay quý độc giả. Hy vọng số báo ấy cũng được quý độc giả hoan hỷ đón nhận.

Trong niềm thành kính hướng về ngày Đản sanh của Đức Từ phụ, VHPG xin dâng lên Tam bảo lời nguyện cầu cho Đạo pháp trường tồn, chúng sanh an lạc, đất nước phát triển vững bền. Kính chúc quý độc giả, quý vị cộng tác viên, ân nhân và thân hữu luôn tràn đầy pháp lạc.

Văn Hóa Phật Giáo





Một người, này các Tỳ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

Một người ấy là ai? Chính là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Chính một người này, này các Tỳ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

Kinh Tăng Chi Bộ,
Chương I, Một pháp

Trích THÔNG ĐIỆP

CỦA ĐỨC PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM Gửi Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử nhân Đại lễ Phật đản PL 2559

... Kính mừng ngày Đức Phật Bản Sư Thích-ca Mâu-ni đản sinh Phật lịch 2559, dương lịch 2015, năm Ất Mùi, tôi kính gửi tới chư tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức, Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài lời chúc mừng Phật đản đại hoan hỷ, an lạc, thành tựu trên bước đường phụng sự Đạo pháp và Dân tộc, cùng nhau đoàn kết xây dựng một cõi Niết-bàn Tịnh độ tại nhân gian dưới ánh hào quang hộ trì của mười phương chư Phật

...

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

PHÁP CHỦ
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
Trưởng lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ
(ấn ký)

Trích DIỄN VĂN PHẬT ĐẢN PL.2559

CỦA HÒA THƯỢNG CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

... Ngày trăng tròn tháng 4 âm lịch, tháng Vesakha thiêng liêng đối với hàng triệu triệu tín đồ Phật tử trên toàn thế giới. Ngày đánh dấu một sự kiện lịch sử trọng đại của chư thiên và nhân loại, đó là ngày Đức Phật đản sinh. Ngày ra đời của Đấng Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ Bi, một bậc Đại Giác Ngộ với bức thông điệp về hòa bình và tình thương từ cách đây hơn 2.600 năm vẫn còn nguyên giá trị, đó là thông điệp về lòng từ bi và trí tuệ, thông điệp về sự tỉnh thức để từ đó nhận biết bản thân, hành động của mình, nhận biết về thế giới xung quanh, xua tan màn vô minh, tràn ngập tình thương yêu bảo tồn sự sống, để thăng hoa những giá trị chân-thiện-mỹ thánh thiện của cuộc sống được thắp sáng và hiện thực đến với mỗi con người, cho từng gia đình, mỗi quốc gia xã hội, mà rộng hơn là cả pháp giới chúng sinh đều thấm nhuần chân hạnh phúc và an lạc đích thực.

... Phát huy những thành quả đã đạt được, nhân dịp kính mừng ngày Đản sinh của Đức Từ Phụ năm nay, tôi mong muốn toàn thể Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử Việt Nam ở trong nước, cũng như ở nước ngoài hãy tinh tấn tu học, nỗ lực trong tu tập pháp hành, trau dồi Giới - Định - Tuệ để thực sự là bậc phạm hạnh; thực hiện lời dạy của Đức Phật theo con đường Trung đạo, xóa bỏ cực đoan, đoàn kết hòa hợp vì Phật sự chung, vì lợi ích của dân tộc và sự nghiệp phục vụ chúng sinh có được cuộc sống an lạc, hạnh phúc.

...

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật tác đại chứng minh.





Thông điệp hòa bình của Đức Phật

TÂM TƯỞNG

Những ngày này, muôn người con Phật ở khắp nơi trên thế giới đều hân hoan tiến hành Đại lễ kỷ niệm Đản sinh lần thứ 2.639 của Đức Phật Gotama, đánh dấu sự xuất hiện kỳ diệu của bậc Thế Tôn Chánh Đẳng Giác, một nhân vật lịch sử, đã thị hiện trong cõi đời này với một thông điệp có giá trị miên viễn đối với sự sống hạnh phúc của con người và muôn loài trên hành tinh. Đó là bức thông điệp nhấn mạnh về hòa bình và giá trị to lớn của nếp sống hòa bình mà chính Đức Phật đã tự thân chứng ngộ và thể hiện trọn vẹn trong suốt cuộc đời của Ngài.

Đức Phật xuất hiện ở đời vì hạnh phúc và an lạc cho số đông, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc và an lạc cho chư Thiên và loài người. Ngài đến với thế giới này như thể chỉ để nói với mọi người rằng không có gì cao quý hơn nội tâm hòa bình, hãy nỗ lực nuôi dưỡng tâm thức hòa bình và sống hòa bình với mọi loài, vì đây là lẽ sống hạnh phúc cao quý nhất mà con người có thể thành tựu. Rõ ràng, trong cục diện một thế giới mà nhân loại phải thường xuyên đối mặt với bầu không khí đầy tranh chấp, hận thù và chiến tranh bởi tệ tham-sân-si thì sự xuất hiện của Đức Phật, bậc đã chiến thắng tham-sân-si, chính là sự xuất hiện của niềm tin về đức cảm thông, tinh thần

hòa hiếu, hòa bình; và những lời dạy nhấn mạnh sự đoạn trừ tham-sân-si của Ngài đích thực là những giáo huấn về hạnh phúc và hòa bình. Jawaharlal Nehru nói rằng Đức Phật có cá tính rất đặc biệt đến độ ngày nay người ta vẫn còn nhớ như in mỗi khi nghĩ đến Ngài. Ngài là mẫu người hoàn chỉnh của sự uy nghiêm, thanh thản và dịu dàng, vô vàn triu mến chúng sinh và thương cảm những kẻ bất hạnh, một con người hoàn toàn tự do về tinh thần và không hề có chút định kiến đối với bất cứ ai.¹ Sử gia Will Durant thì cho rằng Ngài sống cơ hồ như chỉ để hòa giải những kẻ chia rẽ, khuyến khích những kẻ muốn hòa hợp với nhau. Ngài yêu hòa bình, phụng sự hòa bình; chỉ thốt những lời hòa bình.²

Đức Phật được tôn xưng là sứ giả hòa bình vì Ngài đã chứng đạt nội tâm hòa bình, tức dứt sạch tham-sân-si, đạt đến Niết-bàn tịch tĩnh và không ngừng kêu gọi và khuyến khích mọi người nỗ lực thực tập và chứng nghiệm hòa bình nội tâm giống như Ngài. Ngài đã nỗ lực phụng sự hòa bình cho nhân loại trong suốt 45 năm. Ngài hiểu rõ khả năng tịch tĩnh vốn có sẵn trong mỗi con người và tin tưởng rằng nhân loại sẽ sống hạnh phúc an lạc một khi biết phát huy các phẩm chất hòa bình ở trong chính mình. Theo lời của bậc Giác ngộ thì hòa bình hay an tịnh nội tâm là khát vọng sâu xa muôn thuở của con người. Nó là trạng thái vắng lặng an ổn tuyệt đối ở nội tâm mà biểu hiện là sự hân hoan, thanh thản, không bạo động, không chiếm đoạt, không giận dữ, không hận thù, không chiến tranh. Trạng thái ấy có sẵn trong mỗi người nhưng cần phải được đánh thức, khuyến khích, nuôi dưỡng và phát triển. Khi hòa bình được củng cố và phát triển vững chắc trong lòng mỗi người và mọi người thì thế giới sẽ không còn bạo động, xâm lăng, hận thù và chiến tranh. Tiếp nối quan điểm minh triết hơn 25 thế kỷ trước của Đức Phật, Hiến chương UNESCO cũng xác nhận:

"Chiến tranh bắt nguồn trong tâm thức con người; do đó, chính trong tâm thức con người hòa bình phải được xây dựng".

Để nuôi dưỡng và kiến lập hòa bình nội tâm, Đức Phật nhấn mạnh đến khả năng chuyển hóa tâm thức của con người, bắt nguồn từ sự nhận ra tính chất nguy hại của tâm tham-sân-si, bản chất lợi lạc của tâm không tham-sân-si song song với sự nỗ lực chuyển đổi tâm tham-sân-si thành ra tâm không tham-sân-si. Theo quan điểm Ngài thì tham-sân-si là gốc rễ của lối sống mê lầm dẫn đến khổ đau; chúng là nguyên nhân của mọi suy nghĩ bất chánh, lời nói bất chánh, hành động bất chánh đưa đến hại mình và hại người, gây phiền não khổ đau cho mình và gây phiền muộn khổ đau cho người khác. Vì vậy chúng cần được loại trừ khỏi tâm thức để tâm trở nên trong sáng, thanh tịnh, không cấu uế, đạt đến tịch tĩnh, thân thiện, hòa bình, không còn là nhân tố kích động các hành vi bất thiện đưa đến khổ đau:

"- Thưa Hiền giả, do thấy nguy hại của tham-sân-si như thế nào, các Người tuyên thuyết đoạn tận tham-sân-si?"

- Người có tham-sân-si, thưa Hiền giả, bị tham-sân-si chinh phục, tâm mất tự chủ, nghĩ đến hại mình, nghĩ đến hại người, nghĩ đến hại cả hai, cảm giác khổ ưu thuộc về tâm. Khi tham-sân-si được đoạn tận, không nghĩ đến hại mình, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm giác khổ ưu thuộc về tâm.

Người có tham-sân-si, thưa Hiền giả, bị tham-sân-si hình phục, tâm bị mất tự chủ, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Khi tham-sân-si được đoạn tận, thân không làm ác, miệng không nói ác, ý không nghĩ ác.

Người có tham-sân-si, thưa Hiền giả, bị tham-sân-si chinh phục, tâm mất tự chủ, không như thật rõ biết lợi mình, không như thật rõ biết lợi người, không như thật rõ biết lợi cả hai. Khi tham-sân-si được đoạn tận, như thật rõ biết lợi mình, như thật rõ biết lợi người, như thật rõ biết lợi cả hai.

Tham-sân-si, thưa Hiền giả, làm thành mù, làm thành không mắt, làm thành không trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tổn não, không đưa đến Niết-bàn"³

Cụ thể hơn, Đức Phật đã nêu rõ các dục (tức sự mê đắm đối với các lạc thú thế gian như tiền tài vật chất, danh vọng quyền lực, sắc đẹp khác phái, ăn uống no say, ngủ nghỉ êm ái, một cách gọi khác của tâm bị tham-sân-si chi phối) là cội nguồn của các việc làm sai trái xấu ác, là nguyên nhân của mọi tranh chấp, cãi vã, đấu tranh, giành giật, chiến tranh, xâm lăng, tàn hại lẫn nhau giữa con người và con người, giữa các thành viên trong gia đình, giữa các giai cấp hay đảng phái xã hội, giữa các quốc gia hay các khối chủ nghĩa và nhấn mạnh đến sự nhiếp phục và đoạn trừ lòng dục (đoạn trừ tham-sân-si) như là biện pháp chặn đứng các hành động sai trái xấu ác, chấm dứt mọi tranh chấp khổ đau, thiết lập hòa bình an lạc:

"Lại nữa, này các Tỳ-kheo, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nguyên nhân, do chính dục làm nhân, họ đột nhập nhà cửa, họ cướp giật đồ đạc, họ hành động như kẻ cướp, họ phục kích các đường lớn, họ đi đến vợ người.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, do dục làm nhân... do chính dục làm nhân, vua tranh đoạt với vua, Sát-đế-ly tranh đoạt với Sát-đế-ly, Bà-la-môn tranh đoạt với Bà-la-môn, gia chủ tranh đoạt với gia chủ, mẹ tranh đoạt với con, con tranh đoạt với mẹ, cha tranh đoạt với con, con tranh đoạt với cha, anh em tranh đoạt với anh em, anh tranh đoạt với chị, chị tranh đoạt với anh, bạn bè tranh đoạt với bạn bè. Khi họ đã dẫn mình vào tranh chấp, tranh luận, tranh đoạt; họ công phá nhau bằng tay; họ công phá nhau bằng đá; họ công phá nhau bằng gậy; họ công phá nhau bằng kiếm. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, do dục làm nhân... do chính dục làm nhân, họ cầm mâu và thuẫn, họ đeo cung và tên,



họ dàn trận hai mặt, và tên được nhắm bắn nhau, đao được quăng ném nhau, kiếm được vung chém nhau. Họ bắn đâm nhau bằng tên, họ quăng đâm nhau bằng đao, họ chặt đầu nhau bằng kiếm. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, do dục làm nhân... do chính dục làm nhân, họ cầm mâu và thuẫn, họ đeo cung và tên, họ công phá thành quách mới trét vôi hồ và tên được nhắm bắn nhau, đao được quăng ném nhau, kiếm được vung chém nhau. Ở đây, họ bắn đâm nhau bằng tên, họ quăng đâm nhau bằng đao, họ đổ nước phân sôi, họ đè bẹp nhau bằng đá, họ chặt đầu nhau bằng kiếm. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong.⁴

Như vậy, thông điệp hòa bình do Đức Phật tuyên bố và ngày nay tiếp tục được UNESCO tán đồng chính là bức thông điệp nhấn mạnh về tâm thức con người - tâm điểm của chiến tranh hay hòa bình, và về khả năng chuyển hóa tâm thức con người từ tham-sân-si thành ra vô tham-sân-si hay từ tham dục thành ra ly dục nhằm chấm dứt chiến tranh khổ đau, kiến tạo hòa bình an lạc. Đây hẳn là tiếng nói đầy trí tuệ của Phật giáo đóng góp thiết thực cho giải pháp hòa bình của nhân loại trên hành tinh.

Bên cạnh lời khuyên nỗ lực loại bỏ tham-sân-si hay nhiếp phục lòng tham dục để thực nghiệm hòa bình nội tâm và thể hiện nếp sống hòa bình trên cuộc đời, Đức Phật còn khuyên nhắc mọi người nên nuôi dưỡng cái nhìn như thật về bản thân mình và về người khác để thực thi nếp sống thân thiện từ ái đối với mọi người và mọi loài. Ngài kêu gọi lối sống hiểu biết, cảm thông, thiện chí, hòa bình, tôn trọng sự sống và hạnh phúc của người khác bằng những lời khuyên tận đáy lòng:

*Tâm ta đi cùng khắp,
Tất cả mọi phương trời,
Cũng không tìm thấy được,
Ai thân hơn tự ngã.
Tự ngã đối mọi người,
Quá thân ái như vậy;
Vậy ai yêu tự ngã,
Chớ hại tự ngã người.⁵*

Thế nào là yêu mến tự ngã và không làm hại tự ngã người khác? Bạc Giác ngộ giảng rõ như vậy:

“Ở đây, này các Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: Ta muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ. Nếu có ai đến đoạt mạng sống của ta, một người muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý đối với ta. Nhưng nếu ta đoạt mạng sống một người muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý đối với người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp ấy cũng không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho một người khác? Do suy tư như vậy, vị ấy từ bỏ sát sanh, khuyến khích người khác từ bỏ sát sanh, nói lời tán thán từ bỏ sát sanh.

Lại nữa, này các Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy tư như sau: Nếu có ai lấy của không cho của ta, gọi là ăn trộm, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta lấy của không cho của người khác, gọi là ăn trộm, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp ấy cũng không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho người khác? Do suy tư như vậy, vị ấy từ bỏ lấy của không cho, khuyến khích người khác từ bỏ lấy của không cho, nói lời tán thán từ bỏ lấy của không cho.

Lại nữa, này các Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: Nếu ai có tà hạnh với vợ của ta, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta có tà hạnh với vợ của người khác, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp này không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho người khác? Do suy tư như vậy, vị ấy tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục, khuyến khích người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục, nói lời tán thán từ bỏ tà hạnh trong các dục.

Lại nữa, này các Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: Nếu có ai làm tổn hại lợi ích ta với lời nói láo, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta cũng làm tổn hại lợi ích người khác với lời nói láo, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này... cho một người khác? Do suy tư như vậy, vị ấy tự mình từ bỏ nói láo, khuyến khích người khác từ bỏ nói láo, nói lời tán thán từ bỏ nói láo.

Lại nữa, này các Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy tư như sau: Nếu có ai chia rẽ bạn bè ta bằng lời nói hai lưỡi, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta chia rẽ bạn bè người khác bằng lời nói hai lưỡi, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp không khả ái... đem cột pháp ấy cho một người khác? Do suy tư như vậy, vị ấy tự mình từ bỏ nói hai lưỡi, khuyến khích người khác từ bỏ nói hai lưỡi, nói lời tán thán từ bỏ nói hai lưỡi.

Lại nữa, này các Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy tư như sau: 'Nếu có ai đối xử với ta bằng thô ác ngữ, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta cũng đối xử với người khác bằng thô ác ngữ, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Và một pháp không khả ái... đem cột pháp ấy cho một người khác?'. Do suy tư như vậy, vị ấy tự mình từ bỏ thô ác ngữ, khuyến khích người khác từ bỏ thô ác ngữ.

Lại nữa, này các Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy tư như sau: 'Nếu có ai đối xử với ta với lời tạp ngữ, với lời phù phiếm, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta cũng đối xử với người khác với lời tạp ngữ, với lời phù phiếm, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Và một pháp không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp ấy cũng không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho một người khác?'. Do suy tư như vậy, vị ấy tự mình từ bỏ lời nói phù phiếm, tán thán từ bỏ nói lời phù phiếm⁶.

Trên đây là nếp sống đầy hiểu biết và từ ái, đưa đến cảm thông và hòa bình mà bậc Giác ngộ mong muốn mọi người thể hiện với nhau trong cuộc đời, một nếp sống chân chánh, sáng suốt, không tham-sân-si, không dục vọng, được mệnh danh là "đại bố thí", tức "đem cho không sợ hãi cho vô lượng chúng sinh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sinh, đem cho không hại cho vô lượng chúng sinh"⁷.

Một biện pháp thiết thực sáng suốt khác nhằm chặn đứng nguy cơ chiến tranh khổ đau, xây dựng nếp sống hòa bình an lạc do Đức Phật chủ trương, đó là giữ tâm không hận thù đối với kẻ gây thù hận hay dùng tình thương để xóa bỏ hận thù. Với trí tuệ của bậc Giác ngộ, Đức Phật thấy rõ tính chất trói buộc, luẩn quẩn khổ đau của tâm thù hận và do vậy Ngài khuyên mọi người không nên ôm ấp và dung dưỡng lòng hận thù, không nên dùng hận thù để giải quyết thù hận mà nên dùng tình thương để hóa giải hận thù:

Với hận diệt hận thù,
Đời này không có được;
Không hận thù diệt hận thù,
Là định luật ngàn thu.⁸
"Nó mắng tôi, đánh tôi,
Nó thắng tôi, cướp tôi";
Ai ôm hiềm hận ấy,
Hận thù không thể nguôi.⁹
"Nó mắng tôi, đánh tôi,
Nó thắng tôi, cướp tôi";
Không ôm hiềm hận ấy,
Hận thù được tự nguôi.¹⁰

Theo kinh nghiệm của bậc Giác ngộ thì để thoát khỏi tâm oán thù hay xua tan lòng thù hận, con người

cần có sự hiểu biết đúng đắn về bản chất duyên sinh huyền ảo của tâm thù hận, cần tỉnh táo nhận ra nỗi ám ảnh nguy hại của nó và kiên quyết không để cho các ý tưởng oán thù ngự trị và chi phối tâm thức. Ngài xem oán thù là một loại vọng tưởng mê lầm dẫn đến tàn hại khổ đau và chỉ rõ cách thức trừ diệt:

"Này Tỳ-kheo, do bất cứ nhân duyên gì, một số hý luận vọng tưởng ám ảnh một người. Nếu ở đây không có gì đáng tùy hỷ, đáng đón mừng, đáng chấp thủ, thời như vậy là sự đoạn tận tham tùy miên, sự đoạn tận sân tùy miên, sự đoạn tận kiến tùy miên, sự đoạn tận nghi tùy miên, sự đoạn tận mạn tùy miên, sự đoạn tận hữu tham tùy miên, sự đoạn tận vô minh tùy miên, sự đoạn tận chấp trước, chấp kiến, đấu tranh, tránh tranh, luận tranh, kháng tranh, ly gián ngữ, vọng ngữ. Chính ở đây, những ác, bất thiện pháp này đều được tiêu diệt, không còn dư tàn"¹¹

Không chỉ có các hành động sai lầm tàn bạo cần được hóa giải và tha thứ mà ngay cả ý tưởng oán hận cũng phải xem là hành vi sai lầm nguy hại đưa đến khổ đau cần phải được loại trừ trong mỗi con người thì chiến tranh khổ đau mới chấm dứt, hòa bình an lạc mới xuất hiện trong nhân loại và trên thế giới.

Nhìn chung, Đức Phật ra đời là vận may tối thượng (mahamangala) cho con người và muôn loài chúng sinh, vì sự xuất hiện của Ngài là đồng nghĩa với mê chấp biến mất, hiểu biết xuất hiện, ác pháp biến mất, thiện pháp xuất hiện, chiến tranh biến mất, hòa bình xuất hiện, oán thù biến mất, tình thương xuất hiện, khổ đau biến mất, an lạc xuất hiện. Với thông điệp "Lấy không giận thắng giận, Lấy thiện thắng không thiện, Lấy thí thắng xan tham, Lấy chân thắng hư ngụy"¹², Đức Phật đã đến với thế gian này và đã mở ra cho nhân loại một con đường tuyệt đối sáng suốt và bình an để cho đến ngày nay muôn triệu con tim trên thế giới vẫn mãi hoài nhớ ơn và cảm kích về Ngài: "Một vị hữu tình không bị si chi phối, đã sanh ra ở đời vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người"¹³ ■

Chú thích:

1. Phạm Thủy Ba, *Phát hiện Ấn Độ*, tập 1, tr.212.
2. Nguyễn Hiến Lê, *Lịch sử Văn minh Ấn Độ*, tr.78.
3. Kinh Channa, *Tăng Chi Bộ*.
4. Đại kinh Khổ uẩn, *Trung Bộ*.
5. Kinh Mallikà, *Tương Ưng Bộ*.
6. Kinh Những người ở Veludvāra, *Tương Ưng Bộ*.
7. Kinh Nguồn nước công đức, *Tăng Chi Bộ*.
8. *Pháp Cú*, kệ số 6.
9. *Pháp Cú*, kệ số 4.
10. *Pháp Cú*, kệ số 5.
11. Kinh Mật hoàn, *Trung Bộ*.
12. *Pháp Cú*, kệ số 223.
13. Đại kinh Su tử hống, *Trung Bộ*.



Về ngày và năm Đản sinh của Đức Phật

NGUYỄN VĂN NHẬT

Đối với mọi Phật tử trên toàn thế giới, lễ Phật đản là ngày trọng đại hàng năm. Vào dịp này, tất cả những người con Phật ở khắp địa cầu đều dâng lên bậc Giác ngộ lòng kính ngưỡng sâu xa nhất của họ bằng việc tưởng niệm những hình ảnh thánh hóa của cuộc Đản sinh, thực hiện những nghi thức tôn giáo để chào mừng sự kiện hy hữu đã xảy ra cách nay trên hai ngàn sáu trăm năm khi vị Thái tử Tất-đạt-đa của dòng Thích-ca ra đời tại khu vườn Lâm-tì-ni gần thành Ca-tỳ-la-vệ trên đất nước Ấn Độ cổ (nay thuộc Nepal); để rồi

35 năm sau đó, Ngài chứng ngộ giáo pháp dẫn đến sự giải thoát tuyệt đối, mang lại con đường cứu khổ cho loài người. Ngài là thủy tổ của đạo Phật, con đường tinh thức mà hệ thống giáo lý chứa đựng trong đó được coi như một tôn giáo hòa bình, đang ngày càng được loài người tìm hiểu để thực hiện hầu mang lại an lạc cho mình, cho người và sự an toàn cho môi trường sống của loài người.

Là bậc đại nhân mà tư tưởng đã có ảnh hưởng sâu xa tới cuộc sống của nhân loại cho đến tận ngày nay, ra đời vào lúc hầu hết loài người còn chìm đắm trong mê

tín, sự xuất hiện và sau đó là toàn bộ lịch sử của Ngài tất nhiên đã được mô tả bằng nhiều hình ảnh siêu thực, khiến cho những học giả duy lý phương Tây có lúc nghĩ rằng Phật chỉ là một nhân vật có trong tưởng tượng của các dân tộc vùng châu Á. Không những thế, giáo pháp của Đức Phật sau khi được truyền bá đã có nhiều biến thể, hình thành nhiều tông phái khác nhau, và mỗi dòng truyền thừa lại có một phiên bản riêng mình về hành trạng của Đức Bổn sư, khiến những câu chuyện liên quan đến Phật Thích-ca một mặt là vô cùng phong phú nhưng mặt khác lại càng củng cố quan điểm cho rằng Đức Phật chỉ là nhân vật huyền thoại!

Tuy nhiên, sau khi so sánh tất cả những phiên bản về hành trạng của Đức Phật, người ta thấy rằng ngoài những chi tiết, về đại thể, mọi câu chuyện kể về cuộc đời của Phật Thích-ca đều có nhiều điểm chung với những nét chính như sau:

Ngài Siddhattha Gotama xuất thân giai cấp Kshatriya (Sát-đế-lợi) trong bộ tộc Sakya (Thích-ca), là trưởng tử của vua Suddhodana (Tịnh Phạn) và hoàng hậu Maha Maya (Ma-ha Ma-da). Khi mang thai, hoàng hậu trở về quê cha để sinh nở theo phong tục đương thời. Đến vườn Lumbini (Lâm-tì-ni), hoàng hậu sinh hạ một hoàng nam dưới gốc cây vô ưu.

Bảy ngày sau khi sinh, hoàng hậu qua đời; Thái tử Siddhattha được em của mẹ và cũng là mẹ kế là bà Maha Pajapati (Ma-ha Ba-xà-ba-đề) chăm sóc. Thái tử đã được nuôi dưỡng trong nhung lụa và được giáo dục chu đáo về mọi mặt để trở thành người thừa kế ngôi vị lãnh đạo sau này. Năm 16 tuổi, theo sự dàn xếp của vua cha, Thái tử Siddhattha kết hôn với công nương Yasodhara (Da-du-đà-la) và sau đó có một người con trai là Rahula.

Ngay trong ngày Rahula ra đời, Thái tử Siddhattha từ bỏ cuộc sống vương giả để tìm đường giải thoát; lúc ấy, ngài được 29 tuổi; từ đây, ngài trở thành một du tăng khát sĩ, được gọi là sa-môn Gotama (Cổ-đàm), tinh cần thực hiện mọi kỹ thuật tu tập, kể cả có thời gian thực hành các phép tu khổ hạnh khiến thân thể suy kiệt.

Nhận ra rằng cả lối sống phóng túng chạy theo dục lạc lẫn cách sống khổ hạnh quá mức đều không phải là con đường thích hợp cho việc tìm cầu giác ngộ, ngài quyết định từ bỏ lối tu khổ hạnh, áp dụng biện pháp gọi là trung đạo, từ bỏ hai cực đoan. Ngài đến ngồi dưới gốc cây bồ-đề gần bờ sông Neranjara (Ni-liên) ở ngoài thành Rajagaha (Vương Xá) thuộc nước Magadha (Ma-kiệt-đà), sau 49 ngày đêm thiền định miên mật, đến rạng sáng ngày cuối cùng, Ngài tuyên bố đã hiểu được bản chất của sinh tử, trở thành người đã giải thoát, đã thành Phật. Năm đó Ngài được 35 tuổi.

Suốt 45 năm tiếp theo, Ngài không ngừng tuyên thuyết để giáo hóa chúng sinh theo giáo pháp từ bi và trí tuệ. Giáo pháp của Ngài được quần chúng hân hoan tiếp nhận để xây dựng nên một giáo đoàn thanh

tịnh gồm tứ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di, nghĩa là các đệ tử xuất gia nam và nữ cùng hàng đệ tử tại gia nam và nữ, không phân biệt chủng tộc, nguồn gốc, giai cấp... Dần dần giáo đoàn ấy phát triển thành một tôn giáo có chủ trương từ bi và trí tuệ lan rộng khắp vùng đồng bằng sông Hằng ở Tây bắc Ấn Độ và đến ngày nay đã lan tràn khắp thế giới.

Với những nét chính trong cuộc đời của Đức Phật Thích-ca được tất cả mọi truyền thống khác nhau nhất trí công nhận như vậy, các học giả phương Tây đã bị thuyết phục rằng Đức Phật Thích-ca thực sự là một nhân vật lịch sử. Từ đó, những hoạt động nghiên cứu về lịch sử Đức Phật đã được tiến hành một cách thận trọng, một mặt căn cứ trên các nguồn tài liệu thu góp được, mặt khác, đã có những công trình khảo cổ được lên kế hoạch để thực hiện ở những nơi đã từng in dấu chân của Ngài. Gần đây và có quy mô nhất là công trình khai quật một di chỉ ở Lumbini (Nepal) vốn là di tích đền thờ đức bà Maya, thân mẫu của Thái tử Siddhattha, do khoa Khảo cổ của Durham University (Vương quốc Anh) thực hiện dưới sự bảo trợ của tổ chức UNESCO thuộc Liên Hiệp Quốc, tiến hành trong hai năm 2012 và 2013. Kết quả của cuộc khảo sát đã nhìn nhận ngôi đền này được xây trên nền của một công trình thờ phụng dành cho một gốc cây cổ thụ mà những di tích còn lại được xác định có niên đại trước thế kỷ thứ VI trước Tây lịch; các nhà khoa học cũng đã có cơ sở để nghĩ rằng gốc cây ấy chính là cây vô ưu mà năm xưa đức bà Maya đã vịn vào lúc hạ sinh thái tử Siddhattha. Qua cuộc khảo sát này, các nhà khoa học kết luận rằng việc tìm hiểu sâu hơn về lịch sử Đức Phật là điều hoàn toàn có thể thực hiện được với sự chính xác tương đối.

Tuy vậy, niên đại về Đức Phật chưa có sự nhất trí. Do mọi truyền thống đều công nhận Đức Phật trụ thế 80 năm, và những tài liệu liên quan đến lúc Ngài nhập Niết-bàn lại phong phú hơn, điều quan trọng là phải xác định được Ngài nhập Niết-bàn vào thời điểm nào.

Nói chung, có hai nguồn sử liệu chính, đều lấy thời điểm lên ngôi của vua Asoka (A-dục) thuộc vương triều Maurya (Khổng Tước) làm căn cứ, vì niên đại của vương triều này khá xác thực; hơn nữa sau khi cảm thấy hối hận trước những sự giết chóc tàn bạo gây ra bởi các cuộc chinh phạt do mình khởi xướng, vua Asoka đã tự mình quay về với Phật pháp, tích cực truyền bá giáo pháp và dựng nhiều trụ đá thể hiện công cuộc hoàng pháp đó. Theo biên niên sử của Sri Lanka thể hiện trong các tập *Mahavamsa* và *Dipavamsa* thì vua Asoka đăng quang năm 265 trước Tây lịch và sau ngày Đức Phật nhập Niết-bàn 218 năm; như vậy, Đức Phật nhập Niết-bàn vào năm 483 trước TL; và do Ngài trụ thế 80 năm, năm Đản sinh là năm 563 trước TL. Trong khi đó, theo ghi nhận ở *Thập bát bộ luận* của Phật giáo Trung Quốc thì vua Asoka lên ngôi sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn



118 năm; suy ra, Phật nhập diệt vào năm 383 trước TL và Ngài đản sinh vào năm 463 trước TL.

Bên cạnh hai nguồn sử liệu chính này, trong *Lịch đại Tam bảo ký* do Phí Trường Phòng biên soạn khoảng năm 579 TL có thuật lại một giai thoại gọi là *Chúng thánh điểm ký*. Giai thoại này kể rằng dưới thời Nam Bắc triều ở Trung Hoa, vào năm 489, thuộc niên hiệu Vĩnh Minh thứ 7 đời Tề Vũ đế, một vị Tỳ-kheo Ấn Độ là Sanghabara (Tăng-già-bạt-đa-la) mang bộ luật *Thiện Kiến* đến chùa Trúc Lâm, Quảng Châu rồi dịch ra Hán văn. Truyền thuyết cho rằng bộ luật *Thiện Kiến* này vốn được Tôn giả Upali soạn xong vào mùa an cư đầu tiên ngay sau sự kiện Đức Phật nhập diệt. Vào ngày Tự tứ, ngài Upali mang hương hoa cúng dường bộ luật; nhớ đến Đức Bốn sư, ngài rơi lệ và ghi một dấu chấm vào bộ luật để trước mặt với mục đích ghi nhận đã một năm từ ngày Phật nhập Niết-bàn. Tôn giả Upali giữ việc đó thành lệ rồi truyền cho các đệ tử giữ lệ đó hàng năm. Những vị được truyền thừa theo hệ thống của ngài Upali nối tiếp nhau thực hiện việc ghi thêm một dấu chấm vào mỗi lần chấm dứt lễ tự tứ. Ngày lễ Tự tứ năm 489, Tỳ-kheo Sanghabara theo lệ, ghi thêm một dấu chấm vào bộ luật, và đếm lại thấy rằng trên bộ luật đã có 975 điểm. Từ đó, suy ra Đức Phật nhập diệt vào năm 486 trước TL. Các học giả đã nhận định rằng sự kiện Chúng thánh điểm ký này chỉ là một giai thoại, vì lẽ mọi kinh sách Phật giáo đều chỉ được viết lại thành văn bản rất lâu sau khi Đức Phật nhập diệt.

Hiện nay, ngay cả các quốc gia theo truyền thống Phật giáo Theravada cũng còn những nhận thức hơi khác biệt một chút về niên đại của Đức Phật. Sri Lanka, Myanmar và Cam-bốt đều thống nhất khẳng định Đức Phật nhập diệt vào năm 544 trước TL, và như vậy, Ngài Đản sinh vào năm 624 trước TL; nhưng Thái Lan và Lào

đẩy lùi các niên đại ấy lại một năm, nghĩa là 543 và 623 trước TL. Các khẳng định này cũng căn cứ trên những dữ kiện thuộc *Mahavamsa* và *Dipavamsa* nhưng lại nhận thức rằng năm vua Asoka lên ngôi là trước năm được ghi trong các bộ biên niên sử đó 60 năm hoặc 61 năm.

Vào năm 1954, một kỳ Đại hội kết tập kinh điển được tổ chức tại Myanmar và được coi là nối tiếp những kỳ đại hội kết tập kinh điển trước đó nên được gọi là Đại hội Kết tập Kinh điển lần thứ VI; đặc biệt, kỳ đại hội này có sự tham dự của đại diện Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam. Trong đại hội này các đại biểu đã nhất trí công nhận năm Đức Phật nhập diệt là năm 544 trước TL, lấy năm đó là năm đầu Phật lịch, và đồng ý tổ chức mừng năm 2500 của Phật lịch vào năm 1956 TL; chính vì vậy, năm nay là 2015 tương đương với Phật lịch 2559. Tuy nhiên, theo truyền thống, Thái Lan và Lào vẫn coi năm 543 trước TL là năm đầu của Phật lịch và với hai quốc gia này thì năm nay, 2015, vẫn là Phật lịch 2558.

Về ngày kỷ niệm sự kiện Đản sinh, theo kinh điển Nguyên thủy thì Đức Phật sinh vào ngày trăng tròn tháng Visakha, là tháng thứ hai theo lịch Ấn Độ cổ. Các quốc gia theo truyền thống Nguyên thủy lấy ngày đó làm ngày Vesak, cùng một lúc tổ chức kỷ niệm các sự kiện Phật đản sanh, Phật thành đạo và Phật nhập Niết-bàn. Trong khi đó, các quốc gia theo Phật giáo Bắc tông như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam vẫn mừng lễ Phật đản vào ngày 8 tháng Tư âm lịch hàng năm và trong ngày này Phật tử Bắc tông chỉ kỷ niệm sự kiện Đản sinh. Việc các quốc gia này chọn ngày 8 tháng Tư âm lịch làm ngày Phật đản là căn cứ theo bản luận *Phật sở hành tán (Buddhacarita)*, vốn là một tập thi kệ xuất hiện trong khoảng thế kỷ I trước TL đến thế kỷ II sau TL được sáng tác bởi ngài Ashvaghosa (Mã Minh) để ca ngợi hành trạng của Đức Phật Thích-ca, đã được dịch

ra tiếng Hán vào khoảng thời gian từ 414 đến 421TL. Trong phẩm thuật lại sự kiện Đức Phật đản sanh, *Phật sở hành tán* có những câu kệ như sau: "... Ngày mồng tám tháng Tư, Thanh tịnh khí an hòa, Trai giới tu tịnh đức, Từ hồng phải đản sanh...". Các học giả cũng chưa hiểu ngài Ashvagoshā dựa vào đâu để nêu thời điểm đản sanh là ngày mồng tám tháng Tư như có ghi trong đoạn kệ nói trên; và tất nhiên, khi bản dịch tiếng Hán nói tới ngày tháng thì mọi người đều nghĩ ngày tám tháng Tư đó được tính theo lịch pháp Trung Hoa.

Từ khi có sự dung hợp với văn minh Tây phương, việc so sánh các hệ thống lịch pháp cho thấy ngày trăng tròn tháng Visakha thường rơi vào tháng Năm dương lịch. Trong cuộc hội nghị đầu tiên của Hội Liên hữu Phật tử Thế giới (World Fellowship of Buddhists) tổ chức tại Sri Lanka năm 1950, đại biểu của 26 quốc gia thành viên đã đồng ý tổ chức ngày Phật đản vào ngày trăng tròn của tháng 5 dương lịch. Về sau, khi việc so sánh lịch pháp cũng cho thấy ngày rằm tháng Tư âm lịch (ngày trăng tròn) thường rơi vào ngày trăng tròn tháng Năm dương lịch, Phật giáo Việt Nam cũng đã tổ chức mừng Phật đản vào ngày rằm tháng Tư âm lịch. Riêng Nhật Bản, vốn đã sử dụng Tây lịch làm lịch pháp chính thức từ thời Minh Trị (1868-1912), vẫn giữ ngày Phật đản là ngày 8 tháng Tư theo tây lịch.

Một điều đáng ghi nhận là không phải luôn luôn ngày trăng tròn tháng Visakha theo lịch Ấn Độ hay ngày rằm tháng Tư theo âm lịch cũng rơi vào tháng năm dương lịch. Cụ thể, trong năm nay, ngày rằm tháng Tư lại là ngày 1-6-2015; trong khi các xứ Myanmar, Sri Lanka, Cambodia và Tây Tạng lại mừng Phật đản từ ngày 3-5-2015. Lại nữa, tháng 5-2007 có tới hai ngày trăng tròn; ngày 1-5-2007 là ngày rằm tháng 3 năm Đinh Hợi và ngày 31-5-2007 là ngày rằm tháng 4 năm Đinh Hợi. Trong năm đó, người ta ghi nhận Thái Lan và Lào mừng Phật đản vào ngày 31-5-2007 trong khi Myanmar tổ chức Phật đản ngày 30-4-2007, còn Sri Lanka và Cambodia lại chọn ngày 1-5-2007. Điều này được một số nhà nghiên cứu giải thích là còn tùy thuộc vào việc quan sát thiên văn ở các địa phương khác nhau.

Vào tháng 11-1998, một hội nghị Phật giáo quốc tế được tổ chức tại Sri Lanka, các thành viên tham dự đề nghị nên yêu cầu Liên Hiệp Quốc công nhận ngày Vesak là một ngày lễ quốc tế để vinh danh Đức Phật; sau đó, vào ngày 15-12-1999, Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc đã chính thức công nhận Đại lễ Vesak là một ngày lễ văn hóa và tôn giáo thế giới của Liên Hiệp Quốc. Vào năm 2000, Đại lễ Vesak lần đầu tiên đã được tổ chức long trọng tại Trụ sở Liên Hiệp Quốc ở New York có sự tham dự của đại diện Phật giáo ở 34 quốc gia. Việt Nam đã hai lần tổ chức Đại lễ Vesak vào các năm 2008 và 2014.

Từ năm 1998, một tổ chức Phật giáo quốc tế với danh xưng World Buddhist Summit (Thượng đỉnh

Phật giáo Thế giới) được thành lập với sự tham dự của nhiều quốc gia Phật giáo, trong đó có Việt Nam. Trải qua nhiều năm hoạt động, hiện nay World Buddhist Summit có 41 thành viên là đại biểu Phật giáo của các quốc gia có tín đồ đạo Phật trên toàn thế giới. Trong kỳ Hội nghị Thượng đỉnh Phật giáo Thế giới lần thứ sáu tổ chức tại Nhật Bản vào năm 2014 vừa qua, các đại biểu đã ký một Thông cáo chung, thể hiện ý chí thống nhất 510 triệu Phật tử trên khắp địa cầu. Một trong những hành động thể hiện ý chí thống nhất đó là các quốc gia Phật giáo đã đồng ý chọn ngày 8 tháng Tư dương lịch hàng năm làm Ngày Phật giáo Quốc tế. Về ý nghĩa của sự lựa chọn này, bản Thông cáo chung có nhắc đến việc Đức Phật đản sinh nơi vườn Lumbini giữa những cành hoa vô ưu đang nở rộ rỡ, và chung quanh ngày 8 tháng Tư dương lịch tại Đại sảnh đường Hoàng gia Phật giáo ở Tokyo, hoa anh đào cũng đang nở rộ, xứng đáng là một dịp để kỷ niệm sự Đản sinh của Đức Bổn sư Thích-ca Mâu-ni.

Phật đản là một ngày trọng đại. Tuy nhiên, việc ấn định cho thật chính xác ngày và năm sinh của Đức Phật vẫn là một việc chưa thể thực hiện ngay, vẫn cần có những nghiên cứu sâu rộng hơn. Hiện nay, về mặt niên đại, vẫn còn những nhận thức khác biệt giữa các cộng đồng Phật tử khác nhau trên thế giới. Những niên đại ghi nhận năm Đản sinh và năm nhập diệt của Đức Phật được nhiều cộng đồng công nhận gồm (623-543), (624-544) và (523-443) [trước TL]. Bên cạnh đó, vẫn còn những học giả nêu ra những niên đại muộn hơn như Nakamura Hajime đề nghị niên đại (463-383) hay Heinz Bechert đề nghị niên đại (448-368) chẳng hạn. Về ngày Đản sinh, những ngày 8 tháng 4 âm lịch, ngày rằm tháng 4 âm lịch hay ngày trăng tròn tháng 5 dương lịch vẫn được các cộng đồng Phật tử địa phương nhìn nhận tùy theo truyền thống.

Người ta có thể thấy những khác biệt nêu trên chỉ là vấn đề nhận thức lịch sử vì có một vài sự kiện chưa được làm sáng tỏ bằng những chứng cứ xác thực. Điều quan trọng là không chỉ mọi Phật tử mà ngay cả những học giả duy lý nhất cũng đã phải nhìn nhận Đức Phật là một nhân vật lịch sử, đã thực sự xuất hiện trên đất Ấn Độ cổ, nước Ca-tỳ-la-vệ, thành Ca-tỳ-la-vệ, tại khu vực nay thuộc Nepal, đã đưa ra một cuộc cách mạng tư tưởng với thông điệp hòa bình để giúp loài người có thể tạo dựng được cuộc sống an lạc.

Vi thế, theo nhận thức của từng tông phái, mỗi cộng đồng Phật giáo vẫn có thể tổ chức các buổi lễ kỷ niệm phù hợp với truyền thống và lịch pháp của xứ mình. Mặc dù vậy, nhu cầu thống nhất ý chí Phật tử trên toàn thế giới cũng là điều cần thực hiện. Trong tinh thần ấy, Phật tử Việt Nam đã nhiều lần thể hiện thái độ sẵn sàng tiếp nhận những đề nghị hợp lý của các tổ chức Phật giáo quốc tế để hòa mình vào những hoạt động chung của mọi người Phật tử trên toàn thế giới. ■



Hành trình xây dựng lại đạo đức xã hội

NGUYỄN CĂN

Vi sao và từ đâu?

Chúng ta đang trong quá trình xây dựng một nhà nước pháp quyền, dân chủ và văn minh. Nhưng trên con đường dài còn nhiều thử thách ấy, chúng ta đã và đang đối diện với rất nhiều vấn đề xã hội. Có người hoài nghi vào tính khách quan, nghiêm minh của luật pháp khi xảy ra không ít những vụ khiếu kiện tranh chấp mà cách xử lý hay phán quyết của tòa án không thuyết phục. Tệ nạn “lót tay” chung chi diễn ra đều khắp từ trên đường phố khi vi phạm luật giao thông cho đến những loại giấy phép hay đấu thầu những công trình lớn. Báo cáo “Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh” (PAPI),

do Chương trình Phát triển UNDP của Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam phối hợp với Mặt trận Tổ quốc VN thực hiện, công bố ngày 14-4-2015 tại Hà Nội đã ít nhiều mô tả bức tranh còn nhiều gam màu xám ấy!

Những nhà thống kê ghi nhận có đến 49% doanh nghiệp thừa nhận có “bôi trơn” mới xong việc. Tình trạng chạy chức chạy quyền chạy trường diễn ra từ lúc đứa trẻ vào mẫu giáo cho đến ông giáo sư bạc đầu muốn được phong học hàm học vị! Vì sao? Chúng ta hãy thử đi tìm nguyên nhân căn bệnh đạo đức xã hội đang xuống cấp nghiêm trọng có thể làm liệt kháng cả dân tộc, hầu tìm ra phương thuốc “đặc trị” cho căn bệnh trầm kha ấy.

Khi nền kinh tế dựa vào quan hệ

Có người nói đùa, nhưng không xa sự thật, là ở Việt Nam thì “know-who” quan trọng hơn “know-how (công nghệ)”. Biết và nắm được những mối quan hệ, người ta dễ thành công hơn trong công việc của mình. Nói như thế thì ở đâu trên thế giới này chẳng vậy? Nhưng ở VN, điều làm nên sự khác biệt chính là sự tham gia của những chủ thể có quyền lực trong việc ra quyết định. Nghĩa là có những anh “vừa đá bóng vừa thổi còi” mà không có một cơ chế hiệu quả để kiểm soát; vì chính ông trọng tài cũng đang mãi mê chuyển bóng! Thế nên, mới có những thuật ngữ “sân sau”, “cánh tay nối dài của cổ đông lớn” (hay của các quan chức), những người lẽ ra phải kiểm soát hay “huyýt còi” thì lại dàn dựng cho chính công ty của mình hoặc gia đình mình chiếm thế thượng phong trong việc “trúng thầu” hay thực hiện các dự án do mình có nhiệm vụ điều hành. Báo chí trong và ngoài nước khi mô tả kinh tế VN đã dùng từ “nhóm lợi ích”, hay nói cách khác, đó là biểu hiện của nền kinh tế “cánh hầu”; tiếng Anh gọi là *crony capitalism*, được Wikipedia giải thích là một thuật ngữ mô tả một nền kinh tế mà những thành công trong kinh doanh dựa trên mối quan hệ giữa giới kinh doanh và quan chức chính phủ dưới hình thức cấp phép, trợ cấp nhà nước, ưu đãi thuế, hay những hình thức can thiệp mang tính chất ưu đãi khác của chính phủ. Ở đây diễn tả thực trạng xung đột lợi ích, một hiện tượng xảy ra khi một cá nhân hay tổ chức bị những ràng buộc về lợi ích làm vô hiệu hóa khả năng thực thi trách nhiệm xã hội hay chức trách nghề nghiệp của mình. Người ta dựa vào quyền lực chi phối nguồn lực của nhà nước hay nhân dân. Có những dự án nhân danh đủ thứ mục đích cao đẹp rồi đến bù cho dân chẳng đáng là bao so với giá trị kinh tế khai thác sau đó, thậm chí một số dự án “treo” đất của dân, không cho sửa sang mua bán sang nhượng nhưng hàng chục năm vẫn không “nhúc nhích” hay đất thu hồi xong bỏ hoang. Người ta có quyền hoài nghi những hình thức như “chỉ định thầu” lấy lý do hạn chế thời gian nhưng thực chất là dùng “sân sau” thực hiện. Thế nên nhiều dự án phải bỏ sung vốn, thay đổi phạm vi, thời gian thì kéo dài vô hạn... Ví dụ thì không thiếu. Người ta có thể trích dẫn từ dự án đường sắt trên cao Cát Linh – Hà Đông, một số dự án bất động sản bỏ hoang ở Đà Nẵng, Hà Nội và nhiều tỉnh thành khác... Tất cả góp phần tạo nên một thể chế lỏng lẻo trong điều hành nhưng lại vô cùng chặt chẽ trong bảo vệ quyền lợi của “nhóm lợi ích”. Hệ lụy của nó là những khoản nợ xấu khổng lồ ở các ngân hàng khi các ông chủ cho “sân sau” vay (chuyện Ngân hàng Đại Dương, Ngân hàng Agribank...) Đó cũng là nguyên nhân làm cho tình trạng tham nhũng không hề thuyên giảm. Chúng ta có thể phân loại các kiểu mua quan hệ, nhanh như anh cảnh sát giao thông “làm luật” trên đường để người lái xe vi phạm thoát những

chế tài pháp lý như tịch thu bằng lái, giam xe; hoặc thương lượng theo từng vụ việc như với hải quan, thuế vụ... và xa hơn, bền chặt hơn là gậy dựng “mạng lưới” làm ăn khấp kín như cung cấp hàng qua lại giữa các công ty “ăn cánh” hay cho công ty mẹ...

Luật pháp do đó khó có thể công minh tuyệt đối nếu người xử án bị chi phối vì tình trạng luật không thể thực thi hay tuân thủ đúng mức khi ông luật sư của bị can hay bị cáo tác động phía sau. Ở mức độ thấp hơn, chúng ta cũng đã từng nghe “tiếng còi méo” của ông trọng tài, “ngòi bút cong” của anh nhà báo, con dao mổ “lắt léo” của ông bác sĩ...

Dù nền kinh tế đất nước hiện đang phải vật lộn với những căn bệnh hiểm nghèo về nợ nần, về cơ cấu, đầu tư, khả năng cạnh tranh, quản lý, chính sách đối với đất đai, đối với kinh tế quốc doanh đã bộc lộ đầy đủ những khuyết điểm, gây ra những tổn thất lớn về kinh tế, về chính trị-xã hội, chúng ta vẫn bị giam hãm trong thể chế cũ, bị chi phối bởi nhóm người có lợi ích trong việc duy trì hiện trạng.

Thể chế mới tinh thần mới

Chúng ta không ngạc nhiên trong một xã hội như thế, những giá trị tinh thần như lòng trung thực, sự liêm chính, tinh tận tụy, đức hy sinh... dần phai nhạt. Thay vào đó, mạnh ai nấy vận dụng chức trách của mình để “làm ăn”: anh bác sĩ kê toa ăn hoa hồng bất kể thuốc ấy có cần cho bệnh nhân không; ông luật sư vẽ vời với thân chủ; còn những kẻ có chức quyền như đã nói ở trên thì dùng quyền lực để tận thu mọi thứ đang phải “chạy”... Trong bài viết *Cải cách thể chế và đạo đức xã hội* đăng trên *Thời báo Kinh tế Sài Gòn* số tháng 4 năm 2015, Tiến sĩ Lê Vĩnh Triển của Đại học Quốc Tế, Đại học Quốc gia TP.HCM đã nhận định:

“... xã hội đa số là người nghèo, sẽ không tin vào sự bảo vệ của pháp luật dành cho mình, từ đó rút lại cổ thủ, trở nên ích kỷ hơn, trở nên thờ ơ, vô cảm với những khó khăn của cộng đồng. Gặp người bị nạn ngoài đường không dám cứu vì sợ liên lụy mà pháp luật không đủ phân minh để giải oan cho mình. Tổ cáo việc sai trái của cấp trên chỉ mang họa vào thân vì không đủ tiền để theo đuổi kiện tụng, trừ dập”.

Và người ta trở nên vô cảm “mackeno” (mặc kệ nó) với sự việc bất bình quanh mình sống khôn ngoan, mũ ni che tai với thời cuộc. Rồi suy rộng ra, người ta bắt đầu cầu xin ngoại lực: cầu xin cấp trên, cầu thánh thần phò hộ...

Thể chế hiện nay khiến người dân trở nên rụt rè, khép nép và hèn yếu, thiếu tinh thần dân chủ – tiền đề cho một xã hội dân sự tương lai...

Vậy, biện pháp hay định chế nào hữu hiệu để hạn chế việc lạm dụng quyền lực? Liệu sự công khai, minh bạch có thể ngăn ngừa được không? Nên biết là chúng ta đứng thứ trên 100 về sự minh bạch theo đánh

giá của Tổ chức Minh bạch Thế giới (Transparency International). Có cần phải để cao phạm vi và vai trò báo chí, có cơ chế bảo vệ phóng viên hay người đưa tin? Những dự án, quyết sách liên quan đến dân phải theo đúng khẩu hiệu: dân biết, dân bàn, dân kiểm tra. Việc người dân tham gia giám sát như thế nào, có nghĩa vụ và quyền lợi gì... cần phải có một hệ thống theo dõi, đánh giá cụ thể của chính phủ. Suy cho cùng, tiếng nói của một công dân, một chủ thể của đất nước cần phải có trọng lượng. Mọi quyền lực đều nhất thiết phải được kiểm soát, giám sát, kiểm chế một cách hữu hiệu. Quyền lực bao giờ cũng có xu hướng lạm quyền, muốn áp đặt sự cai trị của mình, muốn chuyên chế, muốn làm quan chức không muốn làm “đầy tớ dân”. Theo tác giả Hồ Anh Hải trong bài viết *Vi sao phải giám sát quyền lực* được đăng trên VietnamNet ngày 24-12-2012 thì “... các bậc khai quốc công thần của nước Mỹ đã sớm thấy trước hậu quả khủng khiếp của quyền lực không bị giám sát, kiểm chế, vì thế năm 1787, khi dự thảo bản Hiến pháp đầu tiên và duy nhất của nước Mỹ, họ kiên quyết đòi thiết lập một cơ chế phân quyền kèm theo cơ chế kiểm soát, giám sát và kiểm chế quyền lực nhà nước. Nhờ đó họ đã xây dựng nên chế độ nhà nước cộng hòa dân chủ, khởi đầu một xu hướng tiến bộ phổ biến của xã hội loài người”. Và ông trích dẫn *Tuyển tập Mác-Ăngghen tiếng Việt, tập I, tr.364* để thêm rằng, “*Vi vậy Karl Marx khen ngợi, ‘Những nước như Bắc Mỹ là những nước bắt đầu ngay bằng một thời đại lịch sử đã phát triển thì sự phát triển diễn ra rất nhanh ... Thí dụ hoàn hảo nhất về nhà nước hiện đại là nước Mỹ’*”.

Thực tế cho thấy đúng như Marx nói, nước Mỹ phát triển rất nhanh, trở thành quốc gia có nền dân chủ vào loại mạnh nhất thế giới và giữ địa vị ấy cho tới nay.

Sử gia và nhà tư tưởng chính trị Lord Acton (1834-1902), một trong những nhân vật có ảnh hưởng lớn nhất nước Anh thế kỷ XIX rút ra một kết luận bất hủ: “Quyền lực thì có xu hướng suy đồi và quyền lực tuyệt đối thì suy đồi tuyệt đối”. Jean Jacques Rousseau đã viết: “Người mạnh nhất không bao giờ đủ mạnh để mãi mãi ở vị trí lãnh đạo, trừ khi người ấy chuyển đổi sức mạnh thành lễ phải, và chuyển đổi sự khuất phục thành bổn phận”. Chúng ta phải thay đổi thể chế giám sát, hạn chế quyền lực hiệu quả ngay lúc này vì nếu không “cái bộ phận không nhỏ” những quan chức lạm dụng quyền lực với sân sau, nhóm lợi ích ấy đang làm “mục ruỗng” ngân sách và xói mòn niềm tin của nhân dân. Trong bài viết *Nhận định nguy cơ tan vỡ từ bên trong* đăng trên Vietnam Net ngày 27-12-2012, tác giả Lê Nhung dẫn lời Phó Giáo sư Vũ Văn Phúc, Tổng Biên tập Tạp chí *Cộng Sản*, rằng, “*Những giặc nội xâm, những căn bệnh tự diễn biến ấy đang tiềm tàng và hiện hình ngay trong không ít cán bộ đảng viên nhưng rất khó định lượng. Đó chính là những nguy cơ tự tan vỡ từ bên trong*”. Chúng ta biết **mục đích của chính trị là điều hòa nhân tính cho xã hội được**

an vui hay nói cách khác, chính trị là thiết kế và chấp hành nhân sinh vì vậy giác ngộ nhân chủ là con người phải tự mình làm chủ, lấy con người làm mục đích phục vụ. Một chế độ dân chủ trên nền tảng con người làm chủ - nhân chủ - là yêu cầu tối thượng.

Đức Phật dạy: “Kẻ thù nguy hiểm nhất là chính mình” hay chính là lòng tham tồn tại trong lòng mình. Đó chính là tử huyệt của mỗi con người, của mỗi chế độ khi không có cơ chế đủ mạnh để khắc chế. Chính cơ chế và pháp luật phải có sức mạnh hướng con người về đường ngay nẻo chánh rồi đến lượt những công dân chính trực ấy tác động trở lại nền pháp chế. Nói theo ngôn ngữ nhà Phật, duyên khởi là người, nên tất cả do con người và cho con người. Khi hiểu rõ hay “giác ngộ”, con người biết làm chủ tự thân, được giải thoát khỏi tác động của ngoại lực như thần quyền, vật quyền hay tác động nội tại như lòng tham, sự mong muốn chiếm đoạt tài sản đất nước và nhân dân; bấy giờ họ hiểu rõ hạnh phúc của mình trong quan hệ tương sinh, tương tức với đồng bào, và do chính mình tạo ra trên nền tảng dân chủ.

Đời sống vật chất suy giảm, kéo theo đời sống tinh thần và đạo đức xã hội suy giảm nghiêm trọng hơn còn đáng lo hơn. Phải nhớ rằng cứu cánh của đời người là hạnh phúc chứ không phải quyền lực. Một câu chuyện trong tập kinh *Phật tự thuyết* (Udana) thuộc *Tuyển tập Tiểu Bộ* (Khuddhaka Nikaya) nhắc chúng ta điều ấy:

Tôn giả Bhaddiya vốn thuộc dòng Thích-ca, địa vị cao sang, thế lực lớn, đã từ bỏ tất cả để xuất gia rồi đắc quả A-la-hán, đã cảm hứng thốt lên, “Ôi hạnh phúc! Ôi, hạnh phúc! Hạnh phúc của tôi!”. Đức Phật biết được gọi Tôn giả đến hỏi vì sao có lời thốt lên như vậy. Tôn giả bạch Phật, “Trước kia khi còn là cư sĩ, sống trong vương quyền, được bảo vệ cả ở trong và ngoài hoàng cung, trong và ngoài thành, trong và ngoài biên địa; thế mà con vẫn sống trong sợ hãi dao động, lo lắng và ngại ngùng bối rối. Nay thì con đi một mình đến nơi hoang vắng, đến gốc cây, đến ngôi nhà trống... mà con không sợ hãi, không dao động, không ngại ngùng, không bối rối. Con muốn được thỏa ý trong tâm như con nai rừng. Đó là lý do khi đến các nơi ấy, con luôn thốt lên rằng, ‘Ôi hạnh phúc! Ôi hạnh phúc! Hạnh phúc của tôi!’”

Quyền lực phải đem lại hạnh phúc và bình an, trước tiên là cho người nắm giữ nó rồi sau mới đến những người chịu ảnh hưởng của quyền uy ấy. Nếu không, như đã nói ở trên, chỉ làm suy đồi lương tâm ta và chế độ mà ta phụng sự.

Đạo đức xã hội được nâng cao khi người lãnh đạo dù nhỏ hay lớn, biết xây dựng và tôn trọng sự an nguy của bá tánh, nhất là trong xã hội hiện tại, trong những thách thức của cuộc sống vật chất, sự khó khăn của nền kinh tế nước ta hiện nay và trong sự đi xuống nhiều mặt của xã hội. Cần bắt đầu cuộc hành trình dựng lại người, dựng lại nhà ngay hôm nay! ■

Bồ-đề tâm

NGUYỄN THẾ DẰNG

Phát Bồ-đề tâm là phát sanh một ý nguyện đạt đến giác ngộ để cứu thoát tất cả chúng sanh. Đây là Bồ-đề tâm nguyện. Hành động thực hiện điều đó là Bồ-đề tâm hạnh hay thực hành Bồ-tát hạnh.

Đạt đến giác ngộ là đạt đến tánh Không hay Pháp thân một cách trọn vẹn, đây là phương diện trí huệ. Cứu thoát tất cả chúng sanh là tâm đại bi. Như vậy, con đường Bồ-tát là đi trong trí huệ và đại bi. Trí huệ và đại bi làm phát sanh phương tiện thiện xảo, mà phương tiện thiện xảo căn bản nhất là Báo thân và Hóa thân để làm việc trong sanh tử.

Trong bài này, chúng ta tìm học về Bồ-đề tâm theo con đường Bồ-tát hạnh của Đồng tử Thiện Tài trong phẩm Nhập Pháp Giới thứ 39 của kinh *Hoa Nghiêm*. Trong phẩm này, Đồng tử Thiện Tài trải qua 110 vị thiện tri thức, ở chỗ nào Thiện Tài cũng hỏi, “Bạch đức thánh, tôi đã phát tâm Vô thượng Bồ-đề, mà chưa biết Bồ-tát học Bồ-tát hạnh thế nào, tu Bồ-tát đạo thế nào?”.

Ban đầu, khi gặp Bồ-tát Văn-thù, ngài nói bài kệ:

*Lành thay tạng công đức
Có thể đến gặp ta
Phát khởi tâm đại bi
Siêng cầu Vô thượng giác.
Đã phát nguyện rộng lớn
Diệt trừ khổ chúng sanh
Vì khắp các chúng sanh
Tu hành Bồ-tát hạnh.
Nếu có các Bồ-tát
Chẳng chán khổ sanh tử
Thời đủ đạo Phổ Hiền
Tất cả không hoại được...
Vô lượng chúng sanh đây
Nghe người nguyện đều mừng
Đều phát tâm Bồ-đề
Nguyện học hạnh Phổ Hiền.*

“Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam tử, người đã phát tâm Vô thượng Bồ-đề, cầu hạnh Bồ-tát. Nay thiện nam tử, nếu có chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ-đề, đây là rất khó. Đã có thể phát tâm Bồ-đề rồi, lại cầu Bồ-tát hạnh, việc này càng khó gấp bội!”.

Khi gặp Cư sĩ nữ Hưu Xả, Thiện Tài được dạy:

“Nay thiện nam tử! Bồ-tát chẳng vì giáo hóa điều phục một chúng sanh mà phát Bồ-đề tâm. Chẳng vì giáo hóa

chúng sanh trong một thế giới nhằm đến vô số thế giới mà phát Bồ-đề tâm. Chẳng vì cúng dường một Đức Phật nhằm đến vô số Đức Phật mà phát Bồ-đề tâm. Chẳng vì nghiêm tịnh một thế giới nhằm đến vô số thế giới mà phát Bồ-đề tâm. Chẳng vì trụ trì giáo pháp của một Đức Phật nhằm đến vô số Đức Phật mà phát Bồ-đề tâm”.

“Mà chính vì muốn giáo hóa điều phục tất cả chúng sanh không để sót nên phát Bồ-đề tâm. Vì muốn cúng dường tất cả chư Phật không để sót nên phát Bồ-đề tâm. Vì muốn nghiêm tịnh tất cả cõi Phật không để sót nên phát Bồ-đề tâm. Vì muốn hộ trì Chánh pháp của tất cả chư Phật không để sót nên phát Bồ-đề tâm. Bồ-tát dùng vô lượng trăm ngàn vô số phương tiện như vậy mà phát Bồ-đề tâm”.

“Nay thiện nam tử, Bồ-tát hạnh vào khắp tất cả pháp, vì đều chứng được. Vào khắp tất cả cõi, vì đều nghiêm tịnh. Vì thế, thiện nam tử, khi nghiêm tịnh tất cả thế giới thì nguyện tôi mới hết. Khi dứt hết phiền não tập khí của tất cả chúng sanh thì nguyện tôi mới mãn”.

Vì Bồ-đề tâm nguyện trùm khắp toàn bộ pháp giới, vì Bồ-đề tâm hạnh làm việc khắp tất cả pháp giới nên một Bồ-tát có thể nhập pháp giới. Lời nguyện Bồ-đề tâm ảnh hưởng toàn bộ pháp giới làm tất cả đều rung động, vui mừng.

Lời nguyện Bồ-đề tâm bao trùm tất cả không gian, kéo dài suốt tất cả thời gian. Thế nên phát Bồ-đề tâm chính là chấp nhận sự thách thức với tất cả khổ đau và tất cả giải thoát an vui của tất cả chúng sanh. Thách thức trong việc khai phá tất cả kho tàng Phật tánh và Phật pháp ở trong hiện thể của mình đồng thời thách thức đối với khổ đau mê mờ của chúng sanh suốt hết không gian và thời gian. Chấp nhận thách thức vĩ đại và cao cả ấy là một Bồ-tát. Thế nên các kinh thường nói sự phát tâm Bồ-đề của một người làm rung động cả ba cõi.

Với Bồ-đề tâm, một hành giả phát huy tất cả những thiện căn tiềm ẩn trong Phật tánh của mình:

Trí huệ: Đó là trí huệ tánh Không, nhân vô ngã và pháp vô ngã, trí huệ thấy thật tướng của tất cả các pháp.

Đại bi: Mở rộng khắp pháp giới, không gian và thời gian vô tận.

Nối kết với các bậc giác ngộ: “Được trí huệ của Như Lai chiếu đến. Dòng Nhất thiết trí tương tục chẳng dứt. Thân và tâm chẳng rời Phật pháp. Thần lực tất cả chư Phật gia hộ. Quang minh tất cả Như Lai chiếu đến”.

Giới: “Chư Bồ-tát trì giới đại bi, giới ba-la-mật, giới đại thừa, giới tương ưng với Bồ-tát đạo, giới vô chướng ngại,

giới chẳng lui sụt, giới chẳng bỏ Bồ-đề tâm, giới thường dùng Phật pháp làm cảnh sở duyên, giới thường chú tâm vào Nhất thiết trí, giới như hư không, giới dựa vào tất cả thế gian, giới không mất, giới không tổn giảm, giới không khuyết không tạp, giới không hối, giới thanh tịnh, giới ly trần, giới ly cấu”.

Chỉ cái giới như vậy, chúng ta thấy gồm đủ tất cả định huệ, chỉ quán, tất cả sáu ba-la-mật, Bồ-tát hạnh...

Nguyện: “Bạch đức thánh! Tôi trước đã phát tâm Vô thượng Bồ-đề, vì muốn thờ tất cả chư Phật, vì muốn gặp tất cả chư Phật, vì muốn thấy tất cả chư Phật, vì muốn nghe pháp của tất cả chư Phật, vì muốn thọ pháp, hiểu pháp, hộ pháp của tất cả chư Phật, vì muốn đồng một thể với tất cả chúng Bồ-tát, vì muốn đồng một thiện căn với tất cả Bồ-tát, vì muốn viên mãn ba-la-mật của tất cả Bồ-tát, vì muốn thành tựu hạnh tu hành của tất cả Bồ-tát, vì muốn xuất sanh nguyện thanh tịnh của tất cả Bồ-tát, vì muốn được pháp tạng vô tận trí huệ đại quang minh của tất cả Bồ-tát...”

Đức Phật Thích-ca nói, “Ta là Phật đã thành, các ông là Phật sẽ thành”. Phát Bồ-đề tâm là thực hiện sự việc “Phật sẽ thành” này, trở thành một Phật tử, một người con của chư Phật.

“Nếu có người phát được Bồ-đề tâm thời là chẳng dứt mất tất cả Phật chủng. Thời là nghiêm tịnh tất cả cõi Phật. Thời là thành thực tất cả chúng sanh. Thời là thấu rõ tánh tất cả pháp. Thời là tỏ ngộ tất cả nghiệp chủng. Thời là viên mãn tất cả các hạnh. Thời là chẳng dứt tất cả đại nguyện... Thời được tất cả Như Lai nhiếp giữ. Thời được tất cả chư Phật nhớ nghĩ. Thời bình đẳng với tất cả Bồ-tát. Thời được tất cả hiền thánh khen mừng. Thời được tất cả Phạm vương kính lễ. Thời được tất cả Thiên vương cúng dường. Thời được tất cả Dạ-xoa thủ hộ. Thời được tất cả La-sát hầu hạ... Thời làm cho tất cả cõi chúng sanh đều được an ổn”.

Việc làm ở đời: “Trưởng giả Vô Thượng Thắng nói: Ta ở trong tất cả nơi đó vì tất cả chúng sanh mà thuyết pháp. Làm cho họ bỏ phi pháp, dứt tranh luận, trừ chiến đấu, thôi giận tranh, phá oan kiết, mở trói buộc, khỏi lao ngục, thoát sợ hãi, không sát sanh nhẫn đến không tà kiến. Đều làm cho họ cấm chỉ tất cả nghiệp xấu ác, những sự chẳng nên làm, khiến họ thuận làm tất cả pháp lành, khiến họ học tất cả kỹ nghệ, làm lợi ích ở thế gian. Vì họ mà phân biệt các thứ luận khiến cho họ hoan hỷ, cho họ dần dần thành thực. Tùy thuận ngoại đạo, vì họ mà giảng thẳng trí, cho họ dứt kiến chấp, cho họ nhập Phật pháp. Nhẫn đến tất cả Phạm thiên cõi Sắc, ta cũng vì họ mà nói pháp siêu việt.

“Ta cũng vì tất cả chúng sanh mà giảng nói Phật pháp, Bồ-tát pháp, Thanh văn pháp, Độc giác pháp. Ta giảng nói địa ngục súc sanh, chúng sanh địa ngục súc sanh, nghiệp đạo hướng địa ngục, súc sanh. Ta giảng nói cõi người, khổ vui của cõi người, nghiệp đạo hướng cõi người...”

“Ta thuyết pháp vì muốn khai hiển công đức của Bồ-tát, vì làm cho chúng sanh bỏ lìa khổ hoạn sanh tử, thấy biết những công đức diệu kỳ của Nhất thiết trí, vì cho họ

thấy biết pháp không chướng ngại, vì muốn bày rõ nhân duyên sanh khởi thế gian, vì muốn bày rõ thế gian tịch diệt là vui, làm cho chúng sanh bỏ những tướng chấp, vì làm cho họ chứng pháp vô y của Phật, vì làm cho họ diệt hẳn các phiền não, vì làm cho họ có thể chuyển Phật pháp luân”.

Có thể kể nhiều, rất nhiều, những đức tính cao đẹp trong Bồ-đề tâm mà một Bồ-tát phải có. Những đức tính ấy được phát huy rộng lớn bao trùm cả pháp giới nên kinh gọi là các biển: biển trí huệ, biển đại bi, biển đại nguyện, biển công đức, biển đại hạnh... Thế nên kinh nói bồ-đề tâm là “tất cả Phật pháp”.

Bồ-đề tâm là tất cả hạt giống Phật tánh nằm sẵn trong tâm, phát huy cho chúng nở hoa tròn vẹn, đó là sự thực hành. Tâm và cảnh là một, nên tất cả mọi hoàn cảnh của một con người đều là mọi cơ hội để phát huy những hạt giống trong tâm. Pháp giới là sự tròn vẹn, viên mãn, thanh tịnh của tâm cảnh nhất như.

Như vậy, thực hành Bồ-đề tâm là thực hành tất cả Phật pháp. Ở đây, trích ra một số ít câu Bồ-tát Di-lặc ca ngợi Bồ-đề tâm:

“Bồ-đề tâm như hạt giống có thể sanh tất cả Phật pháp. Bồ-đề tâm như ruộng tốt vì có thể sanh trưởng pháp trắng sạch cho tất cả chúng sanh. Bồ-đề tâm như đại địa vì có thể giữ gìn tất cả thế gian. Bồ-đề tâm như nước sạch vì có thể rửa sạch phiền não dơ bẩn. Bồ-đề tâm như gió lớn vì vô ngại ở khắp thế gian. Bồ-đề tâm như lửa mạnh vì có thể đốt tiêu tất cả kiến chấp. Bồ-đề tâm như mặt trời trong sáng vì chiếu khắp tất cả thế gian. Bồ-đề tâm như con đường lớn vì dẫn vào thành đại trí. Bồ-đề tâm như khu vườn vì ở trong đó dạo chơi hưởng pháp lạc. Bồ-đề tâm như ngôi nhà vì an ổn tất cả chúng sanh. Bồ-đề tâm là chỗ về vì lợi ích tất cả thế gian. Bồ-đề tâm là chỗ dựa vì tất cả Bồ-tát hạnh nương dựa vào đó. Bồ-đề tâm như cây như ý vì có thể mưa tất cả công đức trang nghiêm. Bồ-đề tâm như áo lông ngỗng vì chẳng dính bụi sanh tử. Bồ-đề tâm như chỉ trắng vì tánh xưa nay thanh tịnh...”

“Này thiện nam tử! Bồ-đề tâm thành tựu vô lượng công đức như vậy. Tóm lại, phải biết bồ-đề tâm đồng với công đức của tất cả Phật pháp. Vì sao thế? Vì nhân nơi Bồ-đề tâm mà xuất sanh tất cả Bồ-tát hạnh. Chư Như Lai ba thời từ Bồ-đề tâm mà xuất sanh. Vì thế, nếu có ai phát tâm Vô thượng Bồ-đề tức là đã xuất sanh vô lượng công đức, có thể nhiếp giữ khắp đạo Nhất thiết trí”.

Bồ-đề tâm tánh xưa nay vốn thanh tịnh. Đây là điều được các luận sư về sau gọi là Bồ-đề tâm tuyệt đối, tức là Phật tánh vốn sẵn đủ, chưa từng nhiễm ô. Còn Bồ-đề tâm tương đối là Bồ-đề tâm nguyện và Bồ-đề tâm hạnh của từng người theo con đường Bồ-tát. Gọi là tương đối vì Bồ-đề tâm ấy được phát khởi và thực hành trong không gian và thời gian tương đối.

Theo kinh Hoa Nghiêm, Bồ-đề tâm tuyệt đối là nền tảng trên đó Bồ-đề tâm tương đối phát khởi, như Bản giác là tánh giác vốn có sẵn so với Thủy giác là cái giác

của sự tu hành cá nhân. Cho đến một lúc nào, Bồ-đề tâm tương đối có phát khởi và có thực hành gặp gỡ và hòa nhập làm một với Bồ-đề tâm tuyệt đối chính là Pháp thân, thì đó là sự thành tựu của Bồ-đề tâm tương đối, vì xưa nay vốn chỉ có một Bồ-đề tâm tuyệt đối là Pháp thân tánh Không mà thôi.

Nói một cách khác, xưa nay chỉ có một pháp giới Hoa Nghiêm Minh-Không thanh tịnh, và sự phát tâm Bồ-đề của một cá thể được thành tựu khi nó gặp gỡ và hòa nhập làm một với tâm Bồ-đề tuyệt đối là pháp giới vốn đã viên thành của chư Phật.

Bồ-đề tâm tương đối là Bồ-đề tâm phát trong sanh tử, Bồ-đề tâm tuyệt đối thì chẳng sanh chẳng diệt, chẳng dơ chẳng sạch, chẳng tăng chẳng giảm của Niết-bàn tánh Không. Tu Hoa Nghiêm thì sanh tử tức Niết-bàn, thế giới chúng sanh là pháp giới, Bồ-đề tâm tương đối tức là Bồ-đề tâm tuyệt đối. Niết-bàn ấy là vô trụ xứ Niết-bàn, tức là pháp giới. Kinh nói, "Cầu sự thị hiện việc làm của Bồ-tát tại thế gian, cầu sự tùy thuận của Bồ-tát với tâm của chúng sanh, cầu môn sanh tử – Niết-bàn của Bồ-tát, cầu sự quán sát hữu vi vô vi tâm không chấp trước của Bồ-tát".

Thậm chí đến mức Niết-bàn đầy trong mỗi vi trần:

*Phật tử ở lâu này
Thấy trong một vi trần
Vô lượng cõi đạo tràng
Chúng sanh và các kiếp.
Như trong một vi trần
Tất cả trần cũng vậy
Các thứ đều đầy đủ
Xứ xứ đều vô ngại.*

Cuối đoạn nói về Bồ-đề tâm, Đức Di-lặc dùng những thí dụ để nói Bồ-đề tâm tương đối cũng là Bồ-đề tâm tuyệt đối:

"Như vương tử mới sanh, được tất cả các quan đều tôn trọng, vì là dòng vua tự tại. Cũng vậy, Đại Bồ-tát ở trong Phật pháp phát Bồ-đề tâm thì được các bậc tôn túc tu Phạm hạnh, bậc Nhị thừa đều tôn trọng, vì đại bi tự tại.

"Như vương tử dầu chưa được tự tại nơi tất cả các quan, nhưng đã đủ vương tướng nên chẳng đồng với tất cả các quan, vì dòng dõi tôn thặng. Cũng vậy, Đại Bồ-tát dầu chưa được tự tại trong tất cả nghiệp và mê lầm nhưng đã đủ tướng Bồ-đề nên chẳng đồng với tất cả bậc Nhị thừa, vì là chủng tánh Phật. . .

"Như kim cương không gì có thể tiêu diệt, cũng vậy, tất cả pháp không thể tiêu diệt Bồ-đề tâm. Như kim cương, tất cả vật khác không làm hoại được, mà kim cương lại có thể làm hoại các vật, thể tánh của nó vẫn không tổn giảm.

"Như trên tòa kim cương trong đại thiên thế giới có thể giữ vững chư Phật ngồi đạo tràng, hàng ma thành Vô thượng Chánh đẳng giác, tất cả những tòa khác không kham được. Cũng vậy, Đại Bồ-tát có thể giữ vững tất cả hạnh nguyện, các môn ba-la-mật, các nhẫn, các địa, hồi hướng, thọ ký, tu các pháp trợ đạo, cúng dường chư Phật, nghe pháp, thọ hành của Bồ-tát, tất cả tâm khác không có công năng này".

Cuối cùng, Thiện Tài gặp lại Bồ-tát Phổ Hiền, ngài vẫn dạy về Bồ-đề tâm, kết thúc cuộc hành hương học đạo tu Bồ-tát hạnh của Thiện Tài. Khi Bồ-đề tâm của Thiện Tài hoàn toàn đồng với Bồ-đề tâm của Bồ-tát Phổ Hiền, nghĩa là đồng với Bồ-đề tâm của chư Phật, Thiện Tài thành Phật:

"Ngay lúc đó, Thiện Tài lần lượt được những biển hạnh nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền, đồng với Phổ Hiền, đồng với chư Phật một thân sung mãn tất cả thế giới, đồng quốc độ, đồng hạnh, đồng chánh giác, đồng thần thông, đồng chuyển pháp luân, đồng biện tài, đồng ngôn từ, đồng âm thanh, đồng lực vô úy, đồng chỗ trụ của Phật, đồng đại từ bi, giải thoát tự tại chẳng thể nghĩ bàn đều đồng". ■





Thấp thoáng Lời Kinh

Cõi Phật đâu xa!

Có người cắt tóc lên núi cao tìm cõi Phật. Có người khoác áo nâu sống vào rừng sâu tìm cõi Phật. Có người xây chùa to, dựng tượng, đúc chuông lớn tìm cõi Phật... nhưng cõi Phật làm gì có trên núi cao, trong rừng sâu, trong chùa lớn?

Khi được hỏi cõi Phật ở đâu? Phật trả lời “Các loài chúng sanh là cõi Phật của Bồ-tát” (*chúng sinh chi loại thị Bồ-tát Phật độ*). Thì ra vậy. Thì ra cõi Phật của Bồ-tát không ở đâu xa. Ở nơi các loài chúng sanh thôi. Quanh ta và trong ta thôi. Đó là những chúng sanh muôn hình vạn trạng, nheo nhóc, khổ đau, chằng chịt, quẩn quít, xà quần sáu nẻo luân hồi bay nhảy không ngừng sáng trưa chiều tối, kiếp này kiếp khác, quẩn quật không an. Bồ-tát chỉ cần “thành tựu” chúng sanh đó, tức thì cõi Phật hiện ra ngay. Không phải tìm kiếm đâu xa. Nhưng thật không dễ. Chúng sanh ngoan cường, cứng cỏi, lì lợm ở cõi ta-bà này không dễ mà hàng phục, không dễ mà trụ lại một chỗ an vui. Nhưng cũng chính nơi cõi ta-bà đầy gian khó này mới cần có Bồ-tát, và ngược lại, cũng là nơi Bồ-tát hoàn thiện chính mình. Không có chúng sanh cũng chẳng cần Bồ-tát! Cho nên khi Bồ-tát “thành tựu chúng sanh” thì chúng sanh cũng “thành tựu Bồ-tát” vậy.

Ý dẫn các pháp. Nhất thiết duy tâm tạo (mọi thứ do tâm tạo ra). Tâm tịnh thì Phật độ tịnh. Tìm kiếm đâu xa. Hãy quay về nương tựa chính mình. Phật đã chẳng khuyên như vậy từ khởi thủy sao? Cớ sao ta cứ mãi loay hoay, mãi chạy vạy, mãi tìm kiếm đâu đâu? Mấy ngàn

năm trước, đệ tử giải Không hạng nhất của Phật đặt câu hỏi: “Vân hà ưng trụ? Vân hà hàng phục kỳ tâm?” (An trụ tâm cách nào? Hàng phục tâm cách nào?). Phật nói dễ lắm, dễ lắm, chỉ cần “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” (đừng có trụ cái tâm vào đâu cả) là xong. Nhưng đâu có dễ mà “vô trụ”. Ta hết trụ thứ này thì trụ thứ kia, hết trụ người này thì trụ người khác, chỉ quên... trụ vào chính mình. Nghĩa là... trụ vào cái **Không** của chính mình. Phải. Khi Bồ-tát Quán Tự Tại (tức Quán Thế Âm) hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa một cách thâm sâu thì bỗng bừng ngộ thấy rõ ngũ uẩn đều *không*: “chiếu kiến ngũ uẩn giai không”, tức khắc “độ nhất thiết khổ ách” nghĩa là đưa tất cả khổ đau ách nạn đi chỗ khác, tâm trở nên hoàn toàn thanh tịnh và như thế cõi Phật đã hiện tiền! Từ đó mà đã có thể “từ nhân thị chúng sanh”, nhìn chúng sanh với con mắt đầy yêu thương, thấu cảm, bởi cõi Phật đó ai cũng sẵn có, chỉ vì không thấy biết mà “luân hồi sanh tử” mãi miết đó thôi!

Buổi mai hôm đó, Phật vừa rời khỏi tịnh thất sau ba tháng an cư kiết hạ, đưa mắt nhìn các đệ tử mình nghiêm trang tu tập, người ngồi dưới gốc cây, người ngồi trên tảng đá, tất cả đều tinh cần, chánh niệm, tỉnh giác, tất cả đều sống một đời sống đạm bạc, kham nhẫn, tri túc đúng như lời Phật dạy, Ngài rất hài lòng. Đa số các vị này đã là A-la-hán, đã tròn đầy phạm hạnh, đã đặt gánh nặng xuống và đã... vô sinh, không trở lại cõi ta-bà ô trược này nữa. Một số vị Bồ-tát lớn thì đang rày đây mai đó, bươn chải nơi này nơi kia, thuyết giảng cho chúng sanh con đường giải thoát, còn số Bồ-tát



ĐỒ HỒNG NGỌC

nhỏ mới tu thì đang quét lá, dọn dẹp chỗ trú sau mùa mưa bão.

Nơi Phật an cư kiết hạ mùa này không xa thành Tỳ-da-ly dưới kia, một thành phố lớn, một đô thị giàu có, dân cư đông đúc, nơi chúng sanh người thì neho nhóc lặn ngụp trong bao nỗi lo toan, sợ hãi, ốm đau, già nua bệnh hoạn..., người thì trọc phú huênh hoang, nứt đổ đổ vách, lặn ngụp trong cảnh xa hoa, lên xe xuống ngựa, kẻ hầu người hạ, bên cạnh là các vương tôn công tử áo gấm quần hoa ăn chơi trác táng, tửu điểm trà đình, và rất nhiều thanh lâu sang trọng với những cô kỹ nữ khuynh thành đón người cửa trước rước người cửa sau và rượu, và thuốc gây nghiện tràn lan; bên cạnh đó là những bậc trí giả ngày đêm tranh luận không ngừng về những triết thuyết cao siêu huyền bí, giải thích mọi hiện tượng của vũ trụ và loài người, ai cũng cho mình đúng nhất hay nhất. Nơi thành Tỳ-da-ly đó không ít kẻ vì tranh ngôi đoạt vị mà tay không ngần ngại nhúng máu nhúng chàm, gây oán chuốc thù, chiếm đất giành dân không ngớt...

Thành Tỳ-da-ly rục rờ ánh đèn dưới kia khiến Phật thấy đã đến lúc phải thay đổi cách tiếp cận mới mong giải thoát được chúng sinh. Làm sao mà các vị A-la-hán, các vị Bồ-tát đạo cao đức trọng đã xuất gia theo Phật bấy nay đang tính tọa xung quanh Phật bây giờ lại có thể tiếp cận được với các bậc vương tôn công tử, với các quan chức, với các nhà buôn dưới kia? Làm sao mà các vị A-la-hán, các vị Bồ-tát đạo cao đức trọng đã xuất gia theo Phật bấy nay tiếp cận được với các cô nàng kỹ

nữ nhan sắc kiều kỳ ở các thanh lâu trà đình tửu điểm dưới kia? Làm sao mà các vị A-la-hán, các vị Bồ-tát đạo cao đức trọng lại có thể vào tận các ổ mại dâm, động ma túy sa đọa dưới kia để thuyết giảng lời Phật? Nhớ lại có lần một đệ tử đi khát thực suốt nửa thì rơi vào tay một kỹ nữ, Phật không khỏi bần khoăn. Ai đây có thể tiếp cận được? Cách nào đây có thể tiếp cận được? Ai đây sẵn lòng xâm nhập vào chốn bần nhơ mà đủ năng lực giúp đỡ, hỗ trợ người khác vượt qua, không chỉ với những lời khuyên suông, lý thuyết trên mây, cao ngạo và xa cách, mà từ những thực tế của cuộc sống vì Phật đạo không xa cách thế gian, Phật đạo ở ngay trong lòng thế gian. Làm sao cho những cánh sen xanh biếc mọc lên từ chốn bần nhơ?

Phật là một nhà sư phạm tuyệt vời, thường dùng phương pháp giáo dục chủ động, dựa vào đối tượng đích mà thuyết giảng, thế mà cũng có lúc hằng mấy ngàn thính chúng đã bỏ đi vì không thể tin, không thể hiểu được điều Phật dạy. Người ta không dễ tin có viên ngọc trong chéo áo kẻ bần cùng, không thể tin Đê-bà-đạt-đa, một người phạm tội vô gián như thế được Phật thọ ký thành Phật mai sau.

Cách tốt nhất để tiếp cận ở đây là phương pháp “tiếp cận dựa vào cộng đồng” (Community-based approach). Cộng đồng Tỳ-da-ly có những đặc thù của nó, phải tiếp cận dựa vào nó, tự trong nó. Không thể đưa các vị A-la-hán đạo cao đức trọng, phạm hạnh tròn đầy, đến thuyết phục được các bậc vương tôn công tử, doanh nhân thành đạt, các cô kỹ nữ lầu xanh... Không thể đưa các vị Bồ-tát trí huệ thâm sâu đến thuyết phục các bậc vương tôn công tử, doanh nhân thành đạt, các cô kỹ nữ lầu xanh... về nhất thiết duy tâm, vô thường vô ngã, thực tướng vô tướng...! Phải có người tại chỗ. Phải từ bần mà sen mọc lên. Có lần các vị Bồ-tát phương xa đến cõi ta-bà tình nguyện giúp Phật một tay, Phật từ chối và ngay lúc đó đã có vô số các Bồ-tát “tùng địa dũng xuất”, tại chỗ, từ đất vọt lên, sẵn sàng lãnh trách nhiệm. Phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng này đòi hỏi phải có sự tham gia của cộng đồng (community involvement), và có kỹ thuật học thích hợp (appropriate technology)... mới thành công. Không có sự tham gia của cộng đồng, không sử dụng kỹ thuật học thích hợp... thì các phương pháp dù hay cách mấy mà áp đặt, xa lạ, cũng trở nên vô ích, thui chột vì không hợp “thổ ngơi”!

Đối tượng đích (target population) lần này là năm trăm con nhà trưởng giả, trẻ tuổi, vương tôn công tử, đại gia, doanh nhân, trí thức của thành Tỳ-da-ly. Tất cả họ đều đã phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề (Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác) ... nhưng chưa biết cách phải thực hành thế nào vì họ không thể xuất gia như các vị Bồ-tát kia.

Vấn đề là làm thế nào để các vị trưởng giả trẻ tuổi, doanh nhân, trí thức... này có thể trở thành Bồ-tát



ngay tại cộng đồng của họ mà không cần phải cắt tóc, đầu tròn áo vuông của một vị Sa-môn?

Thực ra buổi thuyết giảng đặc biệt hôm nay của Phật tại Vườn Xoài không chỉ dành cho “đối tượng đích” nói trên mà chủ yếu còn dành cho tất cả các vị A-la-hán, Bồ-tát cùng các đệ tử gần xa của Phật, để chính họ tự nhìn lại chính mình và cũng tự thay đổi. Bởi thay đổi “cái nhìn” vốn là một sự thay đổi không hề dễ dàng! Phật muốn giới thiệu một phương pháp tiếp cận mới, tiếp cận dựa vào cộng đồng qua một “mô hình” Bồ-tát mới, “Bồ-tát tại gia”, qua hình tượng một nhân vật kiệt xuất Duy-ma-cật ở ngay trong thành Tỳ-da-ly vậy.

Cho nên lần này đến Vườn Xoài của Am-ba-pa-li có đến tám ngàn Đại Tỳ-kheo, ba mươi hai ngàn vị Bồ-tát, mười ngàn Phạm Thiên Vương, mười hai ngàn vị thiên đế, chư thiên, long thần, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, thầy đều đến ngồi nơi pháp hội. Có đủ các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di.

“Trong thành Tỳ-da-ly có một chàng con nhà trưởng giả, tên là Bảo Tích, cùng năm trăm chàng con nhà trưởng giả khác, thầy đều cầm những lọng bảy báu, đến nơi Phật ngự, đầu và mặt làm lễ sát chân Phật. Mỗi chàng đều đem lọng của mình mà cúng dường Phật. Oai thần của Phật khiến cho các lọng báu hiệp thành một cái lọng duy nhất, che trùm cả thế giới tam thiên đại thiên”.

Năm trăm vị vương tôn công tử, trí thức, doanh nhân... của Tỳ-da-ly đến diện kiến Phật, ai nấy đều trình bày cái hay cái giỏi của mình, cái “logo” với cờ xí oai hùng của mình nhưng Phật đã tức khắc “khiến cho các lọng báu hiệp thành một cái lọng duy nhất”. Bởi không có gì chia chẻ ở đây. Bình đẳng tuyệt đối. Buổi thuyết giảng này là về một mô hình mới: Bồ-tát tại gia Duy-ma-cật với Pháp môn Bất Nhi, Bất khả tư nghĩ!

Bảo Tích thưa: *“Bạch Thế Tôn! Năm trăm chàng con nhà trưởng giả đây, thầy đều đã phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bô-đề, nay muốn nghe việc được quốc độ thanh tịnh của Phật. Xin đức Thế Tôn giảng thuyết các hạnh tịnh độ của chư Bồ-tát”.*

Phật dạy: *“Lành thay, Bảo Tích! Ông đã vì chư Bồ-tát hỏi Như Lai về hạnh tịnh độ. Hãy lắng nghe, lắng nghe! Hãy suy nghĩ cho kỹ. Ta sẽ vì ông mà giảng thuyết”.*

“Các loài chúng sinh là cội Phật của Bồ-tát. Tại sao vậy? Bồ-tát tùy theo chỗ giáo hóa chúng sinh mà giữ lấy cội Phật. Tùy theo chỗ điều phục chúng sinh mà giữ lấy cội Phật. Tùy các chúng sinh muốn dùng cội nước nào để vào trí huệ Phật mà giữ lấy cội Phật. Tùy các chúng sinh muốn dùng cội nước nào để phát khởi căn Bồ-tát mà giữ lấy cội Phật. Tại sao vậy? Bồ-tát giữ lấy cội nước thanh tịnh là vì muốn làm lợi ích cho chúng sinh. Nhưng nếu muốn xây cất nơi hư không thì không thể được. Bồ-tát cũng vậy, vì muốn giúp cho chúng sinh được thành tựu, cho nên nguyện giữ lấy cội Phật. Việc nguyện giữ lấy cội Phật đó, chẳng phải là việc xây cất nơi hư không”.

“Bảo Tích! Bồ Tát tùy lòng ngay thẳng (trực tâm) mà khởi làm. Tùy chỗ khởi làm mà được lòng sâu vững (thâm tâm). Tùy lòng sâu vững mà tâm ý được điều phục. Tùy chỗ điều phục tâm ý mà làm được theo đúng như thuyết dạy. Tùy chỗ làm theo đúng như thuyết dạy mà có thể hồi hướng. Tùy chỗ hồi hướng mà có sức phương tiện. Tùy sức phương tiện mà giúp cho chúng sinh được thành tựu. Tùy chỗ thành tựu cho chúng sinh mà được cội Phật thanh tịnh. Tùy cội Phật thanh tịnh mà thuyết pháp thanh tịnh. Tùy chỗ thuyết pháp thanh tịnh mà trí huệ được thanh tịnh. Tùy trí huệ thanh tịnh mà tâm được thanh tịnh. Tùy tâm được thanh tịnh mà tất cả công đức đều thanh tịnh. Bảo Tích! Cho nên, nếu Bồ-tát muốn được cội nước thanh tịnh hãy làm cho tâm thanh tịnh. Tùy tâm thanh tịnh, ắt cội Phật thanh tịnh”.

“Muốn được cội nước thanh tịnh hãy làm cho tâm thanh tịnh. Tùy tâm thanh tịnh, ắt cội Phật thanh tịnh”.

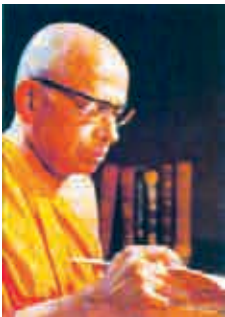
Cho nên, cội Phật đâu xa đó vậy! ■

Sự Thật

chỉ phát sinh từ

Hiểu Biết

WALPOLA RAHULA
HOANG PHONG chuyển ngữ



Walpola Rahula là một vị đại sư Tích Lan rất nổi tiếng, trong một dịp ghé Pháp đã có nhã ý trả lời phỏng vấn do một ngôi chùa ở Bourget tổ chức vào ngày 27 tháng 7 năm 1994. Cuộc phỏng vấn xem như bình thường này dường như tiềm ẩn một sự nghịch lý nào đó vì đã phản ánh một hương vị [thiền học] toát ra từ phong thái của các vị thầy Nhật Bản - là những người chủ trương một sự hiểu biết trực nhận - thế nhưng Walpola Rahula lại là một vị thầy tu tập theo Phật giáo Theravada. Phải chăng điều này cho thấy là trí tuệ của Ngài Walpola Rahula đã vượt lên trên tất cả các học phái [của Phật giáo nói chung]? Người thực hiện cuộc phỏng vấn này là Thierry Truillet.

Lời giới thiệu trên trang mạng Terre d'Eveil
(Mảnh đất Giác ngộ)

Ngài cảm thấy thế nào về sự phát triển của Phật giáo ở phương Tây?

Tôi nghĩ rằng xưa nay số người theo Phật giáo chưa bao giờ đông đảo, kể cả ở các quốc gia mang truyền thống Phật giáo như Ấn Độ và Tích Lan. Ngay cả ở Ấn Độ vào thời kỳ của Đức Phật, nhiều người trong số các đệ tử của Ngài cũng không [đủ sức] hiểu được giáo huấn của Ngài. Ngày nay cũng chẳng khác gì hơn. Không sao có thể đạt được sự hiểu biết sự thật bằng một phép luyện tập nào cả. Việc luyện tập [đơn thuần] không đủ sức mang lại việc đó. Theo kinh sách Phật giáo thì một người nào đó dù từ trước chưa bao giờ có dịp diện kiến với Đức Phật, tức có nghĩa là chưa bao giờ [may mắn được] luyện tập, [thế nhưng chỉ cần] nghe Ngài thuyết giảng cũng có thể hiểu biết được sự thật.

Vậy thì ngài nghĩ thế nào về các phương pháp đã được đem ra giảng dạy nhằm mang lại sự thực hiện ấy, chẳng hạn như các phép thiền định Vipassana và Samatha? Chẳng phải đây cũng chính là các kỹ thuật luyện tập, kết hợp giữa các tư thế của thân xác và các phép luyện tập tâm thần...

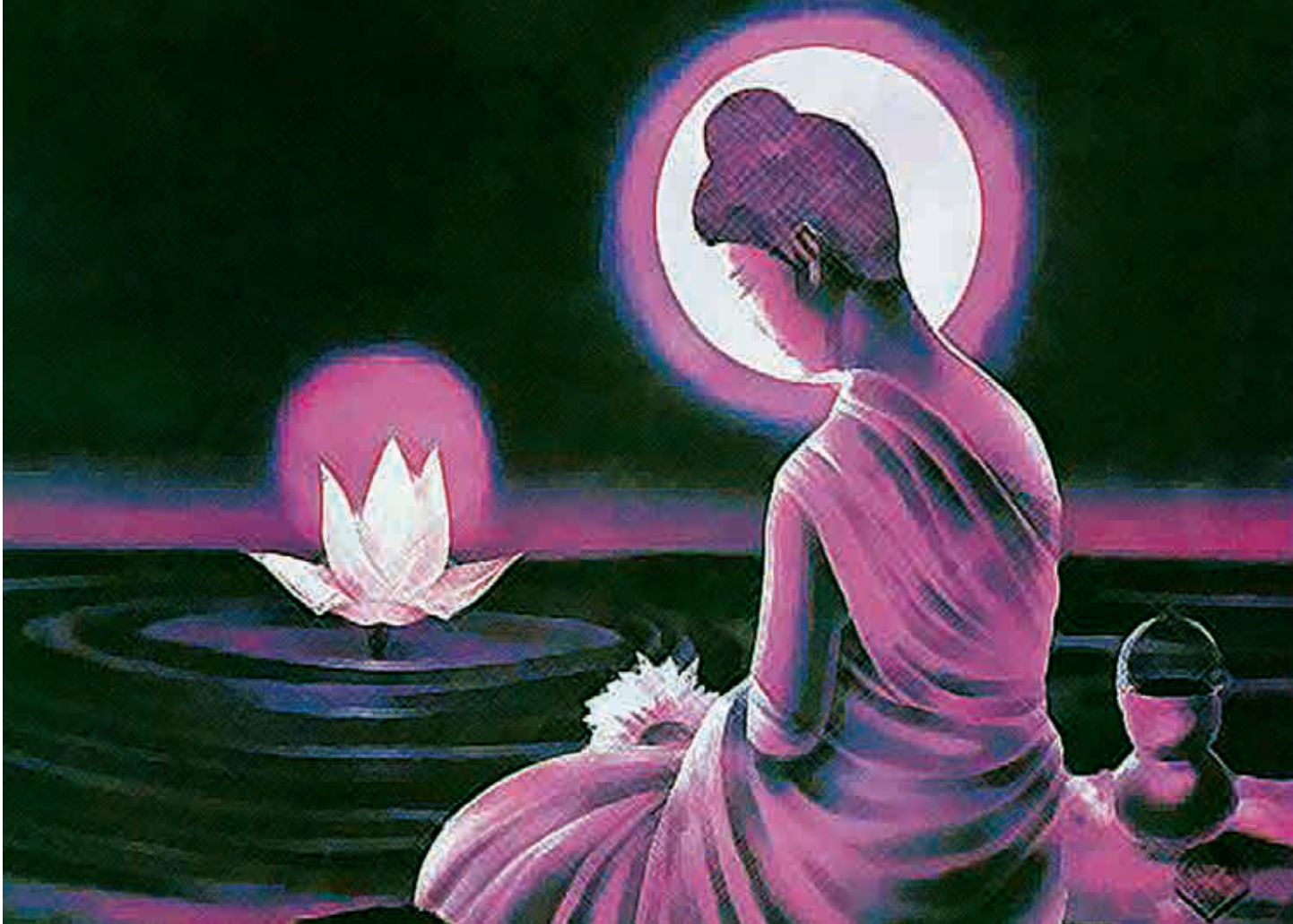
Tất cả các thứ ấy chỉ ích lợi cho những kẻ không biết làm gì khác hơn!

Vậy theo ngài thì phải bước theo con đường nào bây giờ?

Chẳng có con đường nào cả. Một khi nêu lên một con đường hay một kỹ thuật nào đó, thì mọi sự sẽ chấm dứt ở đấy. Phép thiền định Vipassana [tự nó] không hàm chứa một kỹ thuật nào cả. [Đó chỉ là cách mà] bạn phải luôn ý thức về tất cả các hành động mình thể thôi. Không phải là chỉ trong một hay hai giờ, mà suốt đời mình, dù ở trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Câu hỏi của tôi cũng có ý gợi lên một thắc mắc là giữa sự hiểu biết của người Đông phương và người Tây phương phải chăng cũng có một sự khác biệt nào đó?

Không có một sự khác biệt nào cả. Đối với giáo huấn của Đức Phật, [thì] kinh sutra, kinh tantra ..., hoặc [các kinh] không phải là tantra cũng thế. Tất cả đều nhất loạt xuất hiện sau Đức Phật. Kim Cương thừa, Đại thừa, Tiểu thừa, Theravada, v.v., đều xuất hiện sau [thời đại] của Đức Phật. Tất cả đều được triển khai sau này bởi các vị thầy Phật giáo, tương tự những gì mà các vị cổ đạo đã triển khai cho Ki-tô giáo. Không sao tránh khỏi sai lầm đối với những lời giáo huấn nguyên thủy.



Câu trả lời của ngài phải chăng cũng có nghĩa là bất cứ ai một khi đã bước vào con đường tu tập Phật giáo thì đều rơi vào sai lầm...

Sai lầm là vì bám víu vào hình thức. Nếu bạn cứ khư khư nắm chặt sự thật trong lòng bàn tay mình, thì mọi sự đều chấm dứt [ở đấy]. Tôi nghĩ rằng điều ấy có thể nói lên được bản chất của sự thật. [Bởi vì] sự thật không phải là một thứ gì đó mà người ta có thể tìm thấy được. Sự thật không thể diễn tả được bằng ngôn từ.

Thế nhưng cũng phải vượt qua nhiều giai đoạn thì mới có thể giúp cho tri thức đạt được sự thực hiện ấy...

Các kiếp sống nào? Các giai đoạn nào? Đức Phật có nói: chẳng có con đường nào cả. Một người Bà-la-môn có một người con gái thật xinh đẹp để nghị với Đức Phật hãy cưới người con gái ấy. Đức Phật khước từ và tuyên bố rằng Ngài không thích chạm ngay cả vào bàn chân của người con gái ấy. Người Bà-la-môn bèn hỏi là do đâu mà Ngài đã đạt được cấp bậc hiểu biết ấy. Đức Phật trả lời: không phải nhờ vào sự luyện tập, cũng không phải nhờ vào một phương pháp nào hay một vật nào cả, mà bằng cách không có những thứ ấy. Điều ấy có nghĩa là bạn tu tập, thế nhưng bạn không nô lệ cho sự tu tập.

Ngài nghĩ thế nào về cái tôi và các thứ xúc cảm bồn loạn [khác]? Nếu một người nào đó không được hướng dẫn đúng đắn thì làm thế nào có thể đạt được sự thật ấy?

Đối với Phật giáo, không phải kiến thức hay trí nhớ là điều quan trọng, mà là sự hiểu biết, và cũng không phải là thứ hiểu biết dựa vào trí nhớ. Kiến thức về Đạo Pháp (Dharma) là trí nhớ, và chẳng là gì cả. Đấy chỉ là một hình thức quá trình. Hiểu biết sự thật không phải là [một thể dạng] trí nhớ (memory). Người ta không thể nào “quên” sự thật, và bên trong sự thật không có gì để mà “nhớ” lại cả. Sau khi đạt được giác ngộ, Đức Phật đã khẳng định về điều này: ấy là sự quán thấy [thể thôi], chẳng có gì khác cả. Nếu bạn trông thấy một cánh hoa, thì [cũng có nghĩa là] bạn trông thấy nó, chỉ [đơn giản] có thế. Điều ấy chẳng có gì tai hại cả. Thế nhưng tất cả mọi thứ sẽ xảy ra sau đó, khi bạn [tiếp tục] suy nghĩ về chuyện ấy. Tôi vẫn thường hay sử dụng các kỹ thuật của Kim Cương thừa (Vajrayana) giúp tri thức hiện tại thực hiện thể dạng không-nắm-bắt các kinh nghiệm cảm nhận. Có một số vị thầy giảng dạy về các kỹ thuật này giúp chúng ta hiểu rằng bên trong sự thật ấy không có gì thêm vào đấy cả.

Thế thì đấy cũng lại là một con đường. Vậy ngài khuyên những người muốn đạt được sự thật ấy thì phải làm thế nào?

Chẳng có lời khuyên nào cả, nếu không thì đấy cũng chỉ là con đường.

Các vị thầy giảng dạy Đạo Pháp sắp họp nhau ở Karma Ling (một tu viện Phật giáo Tây Tạng ở một vùng núi non thuộc Đông nam nước Pháp, gần biên giới Thụy

Sĩ) nhằm hình dung một số các đường hướng [tu tập] có thể cho cả Phật giáo Tây phương sau này. Nhiều người [Tây phương] bước theo con đường Đạo Pháp tỏ ra rất quan tâm đến vấn đề này...

Tình trạng này cũng chẳng mới lạ gì. Trong quá khứ các vị Đại Bồ-tát, các vị Thanh văn và các vị Bích chi Phật, v.v. cũng đã từng thảo luận và tranh biện với nhau [nhằm tìm hiểu] xem sự thật là gì. Nếu tôi nhớ không lầm thì có tất cả ba mươi hai cách định nghĩa [về sự thật]. Mỗi vị đưa ra cách định nghĩa riêng của mình. Sau cùng, thay cho lời kết luận vị Đại Bồ-tát đã giữ một sự yên lặng thật mênh mông, bởi vì mỗi khi có một ngôn từ được thốt ra, thì [tức khắc] một thể dạng nhị nguyên (duality) sẽ hiển hiện. Câu chuyện vừa kể chẳng phải là tuyệt vời hay sao!

Sự phát triển của Phật giáo ở Á châu thật hết sức chậm. Ở thế giới Tây phương hiện nay, quá trình ấy thật vô cùng nhanh chóng. Do đó sự thất lạc của những vị thầy giảng dạy Đạo Pháp sẽ là: những gì cần phải làm và không nên làm? Những thứ sai lầm nào cần phải tránh? Theo như lời ngài vừa nói thì mọi chuyện đều có thể xảy ra được...

Ở phương Tây, Phật giáo chưa [hoàn toàn] được thiết lập [một cách vững chắc]. Điều mà tôi muốn nói thuộc lãnh vực tổ chức, không liên hệ gì đến sự thật. Ở nơi này các tiến bộ vật chất và kỹ thuật được phát triển

rất cao, thế nhưng sự hiểu biết về tâm thức thì chỉ là con số không. Triết gia nổi tiếng của quý vị là Descartes có nói: "Tôi suy nghĩ tức là tôi hiện hữu" (*Je pense, donc je suis*). Câu nói đó không hợp lý chút nào. Đối với Phật giáo thì không hề có cái tôi cũng chẳng có một tư duy nào cả, chỉ có hành động mà thôi, nhưng [tuyệt nhiên] không hề có ai ở phía sau [các hành động ấy] cả. Nước chảy, nhưng chẳng có ai [điều khiển] khiến cho dòng nước ấy chảy cả. ■

Ngài Walpola Rahula là một nhà sư Tích Lan, mất ngày 18 tháng 9 năm 1997 ở Colombo lúc 91 tuổi. Sự uyên bác của Ngài vượt xa hơn lãnh vực của Phật giáo Theravada, còn gọi là "Phật giáo của người xưa", là một tông phái Phật giáo mà Ngài tu tập. [Thế nhưng] Ngài cũng đã từng nghiên cứu các kinh sách bằng tiếng Hán và cả tiếng Tây Tạng của Đại thừa Phật giáo.

Là một trong số những người tiên phong mang giáo huấn của Đức Phật vào thế giới Tây phương, Walpola Rahula đã từng sống 25 năm trên đất Pháp và giảng dạy ở Đại học Sorbonne vào thập niên 1950. Ngài là một trong số những người đã góp phần vào việc quảng bá Đạo Pháp trong thế giới Tây phương. Quyển sách "Giáo huấn của Đức Phật" (*L'Enseignement du Bouddha*) của ngài đã được dịch ra 14 thứ tiếng và là một trong số các quyển sách đầu tiên về Phật giáo [ở Pháp trong thời cận đại] và mặc dù đã được xuất bản từ năm 1961, thế nhưng đến nay vẫn còn là một quyển sách thật căn bản.

Ghi chú của trang mạng *Terre d'Eveil*

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2015

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2015, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả	: 50 cuốn/kỳ	Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ	Cty TNHH Thép Thiên Tâm	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 44 cuốn/kỳ	Cô Tú Oanh, Hà Nội	: 5 cuốn/kỳ	Cty Tân Hiệp, Q.6	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy	: 45 cuốn/kỳ	Ô/Bà Nguyễn Văn Bàn, USA	: 5 cuốn/kỳ	Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp	: 2 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ	Phật tử Trương Trọng Lợi	: 5 cuốn/kỳ	Nguyễn Dũng	: 2 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ	Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT	: 5 cuốn/kỳ	Phật tử Quảng Kính	: 2 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa	: 14 cuốn/kỳ	Cô Nguyễn Kim Sơn, Q.2	: 5 cuốn/kỳ	Bác sĩ Thanh, Q.3, TP.HCM	: 2 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 12 cuốn/kỳ	Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết	: 5 cuốn/kỳ	Phật tử Quảng Mỹ	: 1 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,		Lakin.com	: 5 cuốn/kỳ	Cô Diệp Anh và Chị Ngân	: 1 cuốn/kỳ
Chùa Báo Ân	: 12 cuốn/kỳ	Cô Nguyễn Hòa	: 4 cuốn/kỳ	Cô Kim	: 1 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ	Cô Nguyễn Thị Ninh, USA	: 4 cuốn/kỳ	Phật tử Chánh Hiếu Trung	: 1 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ	Cô Huệ Hương	: 4 cuốn/kỳ	Phật tử Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên	: 10 cuốn/kỳ	Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ	Thầy Hạnh Thông, TCPH ĐN	: 1 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT	: 10 cuốn/kỳ	Bà Lê Tự Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ	Cty Dược phẩm Phúc Thiện	: 1 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc	: 10 cuốn/kỳ	Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ	Chị Kiều Oanh	: 1 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ	Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ	PT. Nguyen Thuan	
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh,		Cháu Thiên An	: 3 cuốn/kỳ	(namgiao1942@yahoo.com)	: 1 cuốn/kỳ
Q.5, PD: Diệu Đức	: 10 cuốn/kỳ	Phật tử Diệu Ân	: 2 cuốn/kỳ	Cô Châu	: 1 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định	: 10 cuốn/kỳ	BBT www.thuongchieu.net	: 2 cuốn/kỳ	Tổng số báo tặng kỳ này:	454 cuốn
Phật tử Diệu Định	: 10 cuốn/kỳ	Chị Tuyền,			
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ	Cty TNHH Cơ khí Mê Linh	: 2 cuốn/kỳ		
Phật tử Nguyễn Thị Hoa	: 7 cuốn/kỳ	Bà Kim Anh, Q.2	: 2 cuốn/kỳ		
Cô Cẩm Hà (USA)	: 6 cuốn/kỳ	Phật tử Từ Minh	: 2 cuốn/kỳ		
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ	BBT Viện khongtu.com	: 2 cuốn/kỳ		
Ô. Võ Ngọc Khôi	: 5 cuốn/kỳ	Cty Nền Hạnh Phúc, Q.BT	: 2 cuốn/kỳ		
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT	: 5 cuốn/kỳ	Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 2 cuốn/kỳ		

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.**

Email: toasoanvhp@gmail.com

Ban Biên tập



Bảy hoa sen trên hồ sen

Bài và ảnh: CAO HUY HÓA

Hòa vào niềm vui chung của Phật tử khắp nơi, Phật tử cố đô Huế cử hành Đại lễ Phật đản bằng nhiều buổi lễ trọng thể, trang nghiêm, ngoài ra còn có các lễ hội như xe hoa, thuyền hoa, trình diễn văn nghệ Phật giáo... Đặc biệt những năm sau này, kể từ năm 2008, **Bảy hoa sen trên sông Hương** trong mùa Phật đản là sáng tạo kỳ thú, cùng với hàng ngàn hoa đăng rực rỡ lung linh trên sông nước, gây ấn tượng tốt đẹp trong lòng người dân cố đô và du khách gần xa.

Vừa sinh ra, thái tử Tất Đạt Đa đã bước đi bảy bước, dưới mỗi bước đi là hoa sen nở, truyền thuyết đó chính là nguồn cảm hứng cho Bảy hoa sen trên sông Hương, mà đêm thấp sáng càng làm sáng thêm niềm tin của hàng hàng Phật tử vào đạo giải thoát nhiệm mầu.

Bảy hoa sen không chỉ thấp sáng trên sông Hương. Đến lượt *Bảy hoa sen trên kinh Nhiều Lộc* tại TP.HCM, lung linh giữa hai bờ sông rực rỡ đèn và cờ, rồi *Bảy hoa sen trên sông Hàn* đầm thắm xanh tươi giữa những cây cầu rực rỡ sắc màu của Đà Nẵng, và cũng có thể tại nhiều nơi khác. Xin cho tôi dừng lại, ngắm *Bảy hoa sen*

tại một hồ sen nơi một ngôi chùa quê, không xa lắm thành phố Huế.

Đó là ngôi chùa Cổ Lão, do một sư cô trẻ làm trụ trì, thuộc làng Cổ Lão, xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chùa đẹp theo kiểu kiến trúc truyền thống, như là hình mẫu những ngôi chùa ở nông thôn, hiền lành mà trang nghiêm. Cổng tam quan dáng xưa và thanh nhã, bên trái, từ ngoài nhìn vào chùa, là tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm lộ thiên, phía sau là cây xanh bát ngát, phía trước là ruộng lúa. Chùa đẹp thêm bởi con đường đi từ ngoài đường làng vào sân chùa, khá dài để cho khách nhìn từ xa ngôi chùa trong tổng thể hài hòa của một vùng quê thanh bình. Khách khoan vào chùa đã nhé, vì không thể không dừng chân dưới cây thị cao, phủ bóng mát, một loại cây bây giờ quý hiếm, đã đi vào chuyện cổ tích Tấm Cám. Và còn nữa, hơi bị che khuất bởi hàng cây, đó là một hồ sen nhỏ.

Hồ sen đó, nếu bình thường thì sống ẩn dật bên ruộng lúa, cây xanh, cùng với ngôi nhà lục giác nhỏ dựng giữa hồ, thanh mảnh, đơn sơ, nối với bờ bằng chiếc cầu tre gập ghềnh; nhưng khi mùa Phật đản về



thì bỗng trở mình, bừng dậy. Như mọi chùa khác, Phật tử hân hoan đón mừng Phật đản bằng chỉnh trang vườn chùa, quét vôi, sơn tượng, giăng cờ, treo đèn, lập bàn thờ Đức Phật đản sinh trước chánh điện, nhưng đặc biệt, Phật tử ở đây còn thực hiện *Bảy hoa sen hồng* như là mô hình nhỏ của *Bảy hoa sen trên sông Hương*, để thả giữa hồ và kết lại thành hàng, và đêm đêm ánh sáng vẫn lung linh huyền ảo trên mặt hồ, tạo niềm vui thanh khiết cho mọi người trong làng.

May mắn chúng tôi được về thăm chùa trước ngày Phật đản. Lâu lắm, chúng tôi tận hưởng hương lúa chín, nơi thì lúa vừa gặt xong, nơi thì lúa đã chín vàng, đợi thu hoạch chỉ trong mấy ngày tới. Rẽ vào đường làng, xa xa thấp thoáng cờ, và trải dài theo con đường đất vào chùa là hàng cờ Phật giáo tung bay phất phới, trên màu vàng của đồng lúa chín. Vào đến sân chùa, nhìn bên trái, nổi bật sắc hồng của bảy hoa sen trên mặt hồ, lúc này, sen chỉ mới trái lá tròn, phơi trên nắng. Công việc làm đẹp chùa đã đâu vào đấy. Chánh điện uy nghi, tôn tượng Quán Thế Âm trắng tinh nổi bật trên nền trời, các công trình đều đã được sơn quét, và các anh Phật tử vẫn chăm chút hoàn chỉnh cho đẹp hơn. Nho nhỏ, xinh xinh, mộc mạc là cầu tre nhỏ, là nhà lục giác, là hồ sen và bảy hoa sen, gọn trong tầm mắt, đơn sơ, chân chất như tấm lòng người dân quê thấm nhuần đạo Phật, đem lại chút lãng mạn vui vui cho mọi người. Nhưng đúng hơn cả, sự tô điểm chăm chút cảnh quan vườn chùa của những người con Phật ở đây thể hiện tâm cúng dường Ngày Đản sinh của Đức Từ Phụ một cách cụ thể.

Mùa Phật đản qua đi thì sen trong hồ đã trưởng thành, và ba tháng an cư kiết hạ thì hồ sen nở hoa, kết hạt, cũng đủ để cho sư cô trụ trì cúng Phật và cúng dường một số chùa. Tâm cúng dường đó cũng như tâm của người dân quê đem từ vườn nhà củ khoai, củ

sắn, trái bắp cúng dường chùa, mà nhiều khi gặp dịp, sư cô trụ trì cho chúng tôi hưởng lộc.

Chúng tôi tìm đến *Bảy hoa sen trên hồ sen* tại chùa Cổ Lão cũng là tìm về Phật giáo ở vùng nông thôn trên địa bàn các huyện bao quanh thành phố Huế. Thật là vui và thân thương khi nhận ra các ngôi chùa bình dị nằm trong vùng quê yên tĩnh, dầu người xuất gia hành đạo tại chỗ không nhiều, nhưng lòng tin Phật của người dân, lòng tôn kính Tăng Ni là vô biên; các đạo tràng được củng cố và phát triển, các Gia đình Phật tử được sinh hoạt, tạo sức hút thiếu niên và nhi đồng trong tình trạng thiếu sân chơi lành mạnh nhưng lại thừa những trò chơi điện tử và trò chơi trên mạng. Phật giáo đất cố đô được xây dựng trên nền móng Phật giáo ở khắp các địa bàn thành thị, nông thôn, miền núi, miền biển, từ nơi đô hội đến nơi hẻo lánh. Tri ân biết bao các bậc tông lâm thạch trụ, các bậc thiện tri thức lớn từ thời kỳ canh tân Phật giáo qua các giai đoạn khó khăn sau này đã xây dựng nền móng đó, và vinh dự thay, đất Thừa Thiên là nơi phát tích những khuôn hội, những Gia đình Phật tử, từ đó nhân rộng ra khắp nơi, và những áo nâu, áo lam trưởng thành qua các thế hệ đã góp phần xây dựng ngôi nhà Phật giáo thêm vững vàng qua bão tố.

Sự kế tục lịch sử được thể hiện ở đây và rất nhiều vùng quê khác. Sư cô trụ trì, các bác khuôn hội, Gia đình Phật tử cùng lo lắng chung Phật sự. Chùa vừa mới khánh thành nhà khách, nhà bếp, đơn sơ mà ấm cúng. Sư cô về chùa cũng chỉ hơn một năm thôi mà đã làm sinh động ngôi chùa làng: tổ chức Lễ quy y Tam bảo cho nhiều người, trẻ cũng như già; lễ Vu-lan và lễ Bông hồng cài áo cho Phật tử trong vùng, duy trì và phát triển sinh hoạt Gia đình Phật tử, sinh hoạt đạo tràng,...

Vui thay mùa Phật đản tại một ngôi chùa quê như thế! ■



Nguồn: kienthuc.net.vn

Tiếng chuông chùa trong ca dao xưa

ĐẶNG VIỆT THỦY

Những ai đã từng lên chùa vãng cảnh hay đi lễ chùa chắc không dưới một lần ngắm nhìn những chiếc chuông được đặt nghiêm cẩn trong chùa và càng không thể nào quên được tiếng chuông ngân.

Tiếng chuông chùa ngân nga không chỉ làm vơi đi bao phiền muộn, khổ đau mà còn làm cho tâm hồn thư thái, thanh thản, nhẹ nhàng. Có người nói rằng tiếng chuông chùa là âm thanh có tác dụng cảnh tỉnh, tức là nó mang tính gợi mở, tính nhắc nhở cho tâm hồn con người, đồng thời trong tiếng chuông chùa chứa đựng nhiều thiên vị, tức là những ý vị mang tính thâm trầm mà mênh mông của ý nghĩa đạo Thiên.

Từ nghìn xưa tiếng chuông chùa luôn tô điểm cho bức tranh thiên nhiên thêm sống động, nhất là giữa lúc sương mù lan tỏa, dưới ánh trăng ngà, con người đã

cảm nhận một cách trọn vẹn như hơi thở của nhịp đập con tim. Một tiếng chuông chùa vang vọng, dẫn con người vào chốn tĩnh tâm. Đó cũng là mái che ân tình cho muôn nẻo đời người trong bao nhiêu biến cải của nhân tình thế thái.

Trong cuộc sống con người, tiếng chuông chùa còn đi vào ca dao, thi ca một cách nhẹ nhàng sâu lắng, bình dị mà thiêng liêng. Ở kinh đô Thăng Long xưa, Hà Nội ngày nay hầu như ai cũng thuộc bài ca dao:

*Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.
Mịt mù khói tỏa ngàn sương,
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.*

Bài ca dao nói về cảnh đẹp Hồ Tây ở kinh đô Thăng Long được lưu truyền rộng rãi và trở thành lời ru quen thuộc. Hồ Tây xưa có tên là hồ Lăng Bạc (cái bến có sóng

lớn), hay còn gọi là hồ Dâm Đàm (hồ sương mù) vì thường vào lúc sáng sớm hay chiều tối, sương mù phủ dày trên mặt nước. Gọi Hồ Tây vì hồ ở phía tây kinh thành Thăng Long. Xung quanh hồ có những địa danh nổi tiếng của đất Thăng Long như chùa Trấn Vũ, huyện lỵ Thọ Xương, làng Yên Thái chuyên nghề làm giấy (vỏ cây dó được ngâm mềm, giã nhuyễn ra rồi cán mỏng thành giấy)...

Qua bài ca dao, bắt đầu từ gió đưa cành trúc la đà, rồi đến các âm thanh hòa quyện với nhau: tiếng chuông ngân nga của chùa Trấn Vũ, tiếng gà gáy rộn rã báo hiệu một ngày mới bắt đầu. Tiếng chuông chùa vang vọng giữa thình không gợi cảm giác bình yên. Tiếp đến là màn sương dày đặc bao phủ mặt hồ, nhịp chày giã cây dó để làm giấy dòn dập của người dân Yên Thái, cùng với mặt trời dần dần lên xua tan sương mù, tỏa ánh sáng xuống mặt nước Hồ Tây như một mặt gương khổng lồ long lanh, ngời sáng! Bằng vài nét chấm phá, bài ca dao đã miêu tả cảnh Hồ Tây như một bức tranh thủy mặc phương Đông. Với thủ pháp nghệ thuật phong phú, độc đáo, tiết tấu hài hòa, bài ca dao là một viên ngọc quý trong kho tàng văn học của dân tộc ta.

Ở cố đô Huế cũng có câu ca dao:

*Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương.
Tiêu điều mặt nước sông Hương
Héo khô đỉnh Ngự tang thương cổ thành.*

Tiếng chuông chùa ở đây có âm điệu buồn bã ngân lên chia sẻ cùng núi sông trong hoàn cảnh tang thương, suy sụp của đất nước, quê hương thuở còn lầm than, nô lệ.

Lại có câu khác:

*Thương thời thương, chẳng thương thời chớ
Làm chi cho lỡ dở thêm buồn
Bên chùa Thiên Mụ đã gióng tiếng chuông
Gà thượng thôn đã gáy, tiếng chim nguồn đã kêu!*

Cố đô Huế còn có chùa Diệu Đế. Chùa ở giữa cầu Gia Hội phía Đông nam và cầu Đông Ba phía Đông kinh thành:

*Đông Ba, Gia Hội hai cầu
Có chùa Diệu Đế bốn lầu hai chuông.*

Ở thành phố Đà Nẵng có chùa Non Nước ở trên núi Non Nước. Tuy chùa không lớn lắm nhưng ở vị trí đặc biệt với cảnh trí thiên nhiên rất đẹp, nên thơ, chùa trở thành một danh lam cổ tự bậc nhất ở vùng Quảng Nam, Đà Nẵng và cả miền Nam Trung Bộ:

*Em đứng nơi cửa sông Hàn
Ngó sang bãi Tiên Sa
Ngũ Hành Sơn ở trên
Mũi Sơn Trà ngoài khơi
Nghe chuông chùa Non Nước
Em nhớ mấy lời thề ước
Anh làm sao cho duyên nợ được vuông tròn
Kéo lòng người xứ Quảng mời mơn đợi trông.*

Trở ra Bắc, tại chân núi Pháo Sơn, thị trấn Phả Lại,

huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương có chùa Phả Lại vươn cao, soi mình trên sông nước. Ở đây gần chỗ hợp lưu của sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam làm thành sông Thái Bình. Sơn thủy hữu tình đã tô điểm cho cảnh chùa vẻ đẹp mơ màng qua câu ca dao:

*Xa đưa vắng vắng tiếng chuông
Kìa chùa Phả Lại chập chùng bên sông.*

Hội chùa Ngo ở xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, Hà Nội rất tập nập, đông vui, là một nơi hấp dẫn, đặc biệt là các đôi trai gái:

*Nhất vui là hội chùa Thầy
Vui thì vui vậy chẳng tày hội Ngo
Chùa Ngo khánh đá chuông đồng
Muốn chơi thì trả của chồng mà chơi!*

Còn ở Đường Lâm, Sơn Tây có chùa Viễn là ngôi chùa cổ với bảo vật nổi tiếng:

*Nước giếng đồng chưa hâm đã nóng
Chuông chùa Viễn chưa gióng đã kêu!*

Hà Nội còn có chùa Cầu Đông:

*Cầu Đông vắng tiếng chuông chùa
Trăng soi giá nến, gió lùa khói hương.*

Chùa Khánh Long ở huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Ở đây có ngọn núi Nưa tức Na Sơn cao nhất so với các núi khác. Phong cảnh rất đẹp, bên ngoài có bốn dòng suối giao lưu như những chiếc vôi bạch tuộc. Trên đỉnh núi có hang động lập thành chùa, gọi là Khánh Long tự:

*Huyện Nông cao nhất rừng Na
Tối linh vạn cổ nhất chùa Khánh Long
Lại thêm khánh đá chuông đồng
Long Quân tại tả, hữu ông Thổ thần
Phật đà phù hộ cho dân...*

Chùa có mặt ở khắp các vùng quê với những tiếng chuông âm vang mà giản dị:

*Quê tôi có gió bốn mùa
Có trăng giữa thán, có chùa quanh năm
Chuông hôm gió sớm trăng rằm
Chỉ thanh đạm thế, âm thầm thế thôi.*

Chuông là một pháp khí không thể thiếu được trong lễ nghi Phật giáo. Chuông còn xem là hiệu lệnh của chùa chiền. Chuông được thình vào sáng sớm, nó phá tan màn đêm đánh thức người ta dậy. Chuông ngân lên vào lúc hoàng hôn sẽ biến đổi màn đêm, khai thông những thành phần tâm tối. Ca dao có câu:

*Lắng nghe chuông gọi trên chùa
Hỡi ai mê ngủ hãy chừa dục tham.*

và:

*Chuông rơi từng tiếng gọi về,
Lòng trần từng hạt bụi mê rụng rời!*

Tiếng chuông chùa trong ca dao xưa còn nhiều, không thể dẫn hết được. Cùng với ca dao, tiếng chuông chùa luôn in sâu trong tâm khảm của mỗi người và còn ngân nga vang vọng mãi hôm nay và cả mai sau... ■

Từ Dục Đức đường đến Cổ nhạc từ

Bài và ảnh: TRẦN VĂN DŨNG

Di tích nhà thờ Cổ nhạc là di sản văn hóa đặc biệt của một loại hình nghệ thuật đặc sắc, thể hiện nét đẹp tinh thần tạo nên bản sắc văn hóa Huế. Nhưng ít ai biết được trên nền đất ngôi nhà thờ linh thiêng ấy, trước đây đã từng tọa lạc phủ hoàng tử, rồi sau lại chuyển thành biệt miếu của hoàng gia thờ vua Dục Đức.

1. Từ Dục Đức đường, một biệt phủ hoàng gia...

Ngược dòng lịch sử, Dục Đức đường tọa lạc tại phường Thuận Cát, phía Tây bắc ngoài Hoàng thành, sát bờ hồ Tân miếu. Dục Đức đường là một biệt phủ do vua Tự Đức cho xây dựng vào năm 1870 để ban cho hoàng tử Nguyễn Phúc Ứng Chân đến ở và học hành, đồng thời giao cho Hoàng quý phi Vũ Thị Duyên (sau này là Lệ Thiên - Anh Hoàng hậu) trông coi, dạy bảo hoàng tử. Vua Tự Đức tuyển chọn những vị quan đại thần có trình độ học vấn uyên thâm để giảng dạy cho hoàng tử Ứng Chân. Sách *Đại Nam thực lục* chép rằng vua Tự Đức phê:

“chuẩn cho làm nhà ở phía ngoài cửa Hiển Nhân, đặt tên là Dục Đức đường để cho hoàng trưởng tử ra ở đọc sách. Lại nghị chuẩn cho đặt quan đại thần đi lại dạy dỗ và giảng tập cho đến các viên, thuộc trưởng sử, tư vụ. Khi hoàng trưởng tử ra vào châu hầu, đều có chuẩn cho phái binh đi hộ vệ (Định đến tháng 7 năm nay cho ra ở)” [6: 339 - 340].

Trong công trình khảo cứu *Kinh thành Huế: Địa danh của L. Cadière*, tác giả còn cho biết:

“Vua Tự Đức đã cho đặt ở cung này một tấm hoành có hai chữ Hán ‘Dục Đức’, do đó người ta lấy tên cung này để chỉ vị hoàng thân ấy” [3:154].

Dục Đức tên húy là Nguyễn Phúc Ứng Ái sinh ngày 4 tháng Giêng năm Quý Sửu (11-2-1853), là con thứ hai của Thụy Thái vương Nguyễn Phúc Hồng Y và bà Trần Thị Nga. Vua Tự Đức vì lúc nhỏ bị bệnh đậu mùa nên về sau không có con, ông có xin ba con trai của hai người em làm con nuôi. Năm 1869, Ứng Ái được vua Tự Đức chọn làm con nuôi và đổi tên là Nguyễn Phúc Ứng Chân. Năm 1883, ông được phong làm Thụy Quốc công. Tháng Sáu năm Quý Mùi (1883) vua Tự Đức băng hà, để lại di chiếu, truyền ngôi vua cho người con nuôi lớn của mình là Dục Đức, nhưng trong di chiếu có đoạn viết:

“... Nhưng vì có tật ở mắt nên hành vi mờ ám sợ sau này thiếu sáng suốt, tính lại hiếu dâm cũng là điều chẳng tốt chưa chắc đã đảm đương được việc lớn. Nước có vua lớn tuổi là điều may cho xã tắc, nếu bỏ đi thì biết làm sao đây” [2:371].

Lúc làm lễ đăng quang, Dục Đức đã cho đọc lướt đoạn này nên ba ngày sau hai Phụ chính Đại thần là Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường đã phế bỏ Dục Đức theo lệnh của Từ Dũ Thái hoàng Thái hậu (thần mẫu vua Tự Đức) và Lệ Thiên-Anh Hoàng hậu (chính thê của vua Tự Đức). Ở trên ngôi vua ba ngày chưa kịp đặt niên hiệu thì Dục Đức đã bị phế bỏ và bị giam ở Dục Đức đường, rồi Thái Y viện và cuối cùng là ngục Thừa Thiên cho đến khi mất. Theo điển lệ của triều đình, vua Dục Đức không được thờ ở Thế miếu trong Hoàng thành vì chưa chính thức lên ngôi vua, chưa có niên hiệu và không băng hà lúc tại vị.

Năm 1889, do một hoàn cảnh bất ngờ, con trai của vua Dục Đức là Nguyễn Phúc Bửu Lân được đưa lên làm vua, đặt niên hiệu là Thành Thái (1889-1907). Ngay từ năm đầu lên ngôi, vua Thành Thái đã nghĩ đến việc xây dựng lăng mộ và tôn miếu để thờ tự vua cha, thể hiện sự hiếu thảo của phận làm con đối với người cha quá cố.

Mùa hạ, tháng 4 năm 1890, vua Thành Thái ban dụ:

“Lễ không gì lớn bằng nối đạo thống, hiếu không gì lớn bằng tôn người thân... sai bề tôi Bộ Lễ kính chọn ngày tốt bưng kim sách kim bảo dâng tôn thụy cho hoàng khảo là Cung Huệ hoàng đế, xây dựng tấm miếu riêng trong kinh thành. Tôn lăng chiếu theo quy cách trước đây, truy xưng là lăng, tên là An lăng, bốn mùa thờ cúng, kính sai quan trông coi, tới như kính gặp ngày sinh ngày kỵ cùng theo mùa dâng cúng, trăm sẽ kính tới chiêm bái, làm lễ người nhà để tỏ lòng hiếu...” [7:135].

Đầu năm 1890, vua Thành Thái cho xây đắp lăng mộ của vua cha ngay trên nấm mồ *“thiên táng”* trong địa phận chùa Tường Quang, đặt tên là An lăng nhưng chưa có điện thờ. Tiếp đến năm 1891, vua Thành Thái đã cho tôn tạo Dục Đức đường và khởi công xây dựng thêm một số công trình kiến trúc mới theo quy định của một biệt miếu thờ vua Dục Đức gồm một tòa nhà kép đặt ở giữa trong thờ thần khám vua Dục Đức, trước có hai nhà Túc gia, sau có nhà Tông viện. Quanh miếu



có tường gạch bao bọc, có hệ thống cửa theo kiểu “tứ khẩu” đặt trên tường ở cả bốn phía, trong đó cửa chính ở phía Nam, làm kiểu tam quan-môn lâu, ba cửa còn lại là các nguyệt môn. Sách *Đại Nam nhất thống chí* soạn dưới thời vua Duy Tân ghi rõ về điều này:

“... Miếu chính có một nóc chính và nóc tiền, trong thờ thần khám Cung Tôn Huệ Hoàng đế, tứ thời kỳ hưởng cũng như lệ ở Thế miếu; trước dựng Túc gia ở tả hữu, ở sau dựng Tòng viện, ngoài xây thành gạch, trở một cửa, trước là cửa tam quan trên có lầu, trong xây Tắc môn (bình phong) phía tả, hữu và hậu đều mở cửa sách, có từ - tế - phụng thủ, ấy là biệt miếu vậy” [5:31].

Sau khi xây dựng xong ngôi miếu, vua Thành Thái sai khắc biển ngạch “Hoàng Khảo miếu” treo ở chính đường, danh xưng miếu Hoàng Khảo (còn gọi là Tân miếu) ra đời từ đây. Mọi lễ nghi thờ cúng vua Dục Đức đều được tổ chức ở đây. Năm 1892, vua Thành Thái truy tôn cha mình là Cung Tông Huệ Hoàng đế. Năm 1897, nhà vua đổi tên miếu là Cung Tông miếu (do húy chữ Tông, tên vua Thiệu Trị nên vẫn đọc là Cung Tôn miếu). Miếu Cung Tôn là biệt miếu của hoàng gia, được xếp ở bậc đại tự (trong ba bậc, đại tự, trung tự và quân tự), nghi lễ tế tự sánh ngang hàng với các miếu như: miếu Phụng Tiên (thờ các vị vua Nguyễn), cung Khánh Ninh (thờ vua Minh Mạng), cung Bảo Định (thờ vua Thiệu Trị).

Vào năm Thành Thái thứ 11 (1899), nhà vua cho xây dựng điện Long Ân phía hữu lăng mộ, làm nơi thờ cúng vua cha. Từ đây, Tân miếu trở thành nơi tu hành thờ Phật, làm nơi nương tựa tinh thần của bà Từ Minh

(chính thê của vua Dục Đức). Sau khi Hoàng thái hậu Từ Minh qua đời, triều đình mai táng thi hài của bà bên phải mộ vua Dục Đức theo thế “Càn Khôn hiệp đức” như ở lăng vua Gia Long. Đồng thời, bài vị vua Dục Đức và hoàng hậu Từ Minh cũng được đưa về thờ phụng ở An lăng. Tân miếu cũng không còn lý do để tồn tại. Năm 1916, miếu bị triệt hạ.

Triều Nguyễn chấm dứt sau 143 năm trị vì (1802-1945), các công trình kiến trúc còn sót lại của Tân miếu không còn được sử dụng như công năng của nó nên dần rơi vào cảnh hoang tàn, đổ nát và dần chìm vào quên lãng. Trong tác phẩm *Đường xưa Thành Nội*, nhà nghiên cứu Võ Hương An đã bày tỏ cảm giác ngậm ngùi, xót xa khi nhìn đồng gạch vụn của Tân miếu xưa: “*Khi đi qua khu Tân miếu, miếu thờ vua Dục Đức do vua Thành Thái (1889-1907) lập nên, thấy sao âm u quá; sau 1945, chỉ còn là đồng gạch vụn*”. Lúc này, cảnh Tân miếu trở thành phế tích, chỉ còn đọng lại trong ký ức những người dân sống trong Thành Nội.

2. ... đến Cổ nhạc từ, những cơ duyên lịch sử

Người gìn giữ và bảo tồn cổ nhạc, đầu tiên phải kể đến Hoàng Thái hậu Từ Cung (thân mẫu vua Bảo Đại, hoàng hậu dưới thời vua Khải Định). Sau năm 1945, bà đứng ra bảo trợ và duy trì đội Nhã nhạc Cung đình dưới biên chế của đoàn Ba Vũ cổ nhạc. Đặc biệt, để thực hiện ý nguyện xây dựng ngôi nhà thờ Tổ nghề của các nghệ nhân cổ nhạc, Hoàng thái hậu Từ Cung đã đồng ý chuyển giao mặt bằng sở đất Tân miếu cho Ban Cổ nhạc Đại Nội

để xây dựng nhà thờ Cổ nhạc (nay tọa lạc tại số 05, kiệt 127 đường Nguyễn Trãi, phường Thuận Hòa, thành phố Huế). Thời điểm xây dựng chính thức nhà thờ Cổ nhạc vào ngày 11 tháng Tám năm Bính Ngọ (25-09-1966). Căn cứ vào những dòng ghi chép bằng chữ Hán trên văn bia hiện nay vẫn còn lưu giữ tại nhà thờ Cổ nhạc thì công việc tổ chức xây dựng nhà thờ do là ông Nguyễn Ngọc Cung làm trưởng ban, thủ quỹ Nguyễn Hiếu Lại, thư ký Trần Tẩu, cùng các huấn luyện viên và các nhạc sinh trong Ban Cổ nhạc. Nhà thờ Cổ nhạc ra đời từ đó.

Nhà thờ Cổ nhạc được kiến trúc trên bình đồ hình chữ nhật với các hạng mục công trình như: cổng, chính đường, tiền đường, la thành và sân vườn. Kiến trúc chính của nhà thờ nằm ở giữa khuôn viên khu đất gồm hai công trình là chính đường và tiền đường. Trong những dịp lễ tế tổ nghề, tiền đường là nơi những người hành lễ chỉnh đốn y phục, chuẩn bị lễ vật trước khi dâng cúng các vị tổ sư ở chính đường. Chính đường tiếp sau tiền đường, nối với tiền đường bằng hệ thống máng đưa nước mưa từ mái sau tiền đường và mái trước chánh đường đổ sang hai bên. Chính đường có diện tích khoảng 39m², nội thất chính đường chia thành ba gian có thiết trí các bệ thờ chư vị tổ sư Cổ nhạc. Ở gian giữa nội thất chính đường có đắp nổi bức hoành phi dạng cuốn thư đề ba chữ Hán:

“古樂祠 Cổ nhạc từ” (Nhà thờ Cổ nhạc).

Trên các vách gian thờ đều có trang trí các câu đối chữ Hán viết bằng mực tàu. Trải qua thời gian dài, cộng thêm thời tiết nóng ẩm xứ Huế, phần lớn chữ trên các câu đối bị mờ hoặc mất nét nên không đọc được nội dung. Vì vậy, chúng tôi xin trích dẫn nguyên văn một câu đối còn rõ nét để đọc giả tiện tham khảo:

Nguyên văn:

歷代祖師棟宇新成乾人嗣
累朝帝主榮褒舊典尙方冠

Phiên âm:

*Lịch đại tổ sư đồng vũ tân thành càn nhân tự,
Lũy triều đế chủ vinh bao cựu điển thượng phương quan.*

Lê Nguyễn Lưu dịch nghĩa:

*Từng thuở tổ sư nhà mới dựng xây người nối dõi,
Các triều vua chúa điển xưa khen ngợi chốn tôn nghiêm.*

Một điểm đáng chú ý là sát vách hai bên tả hữu nội thất chính đường có lưu lại hai tấm bia viết chữ Hán bằng mực tàu: Bia vách tả viết phương hướng, kỷ niệm sự kiện đặt đá đầu tiên xây dựng nhà thờ Cổ nhạc vào ngày 11 tháng Tám năm Bính Ngọ (25-09-1966) và danh tánh những người đứng ra tổ chức xây dựng, đóng góp tài chính.

Trong điều kiện thời tiết và thực trạng của nhà thờ Cổ nhạc, trùng tu là việc cần làm ngay bởi nhà thờ đang xuống cấp từng ngày, hơn thế trùng tu nhà thờ

là tâm nguyện của người trong ngành cổ nhạc nhằm giữ gìn những giá trị văn hoá và tâm linh cho hôm nay và muôn đời sau.

Các nghệ nhân cổ nhạc cao tuổi cho biết, nhà thờ Cổ nhạc là nơi thờ phụng tổ tiên chế nhạc liệt vị tôn sư, lịch đại thánh hiền giáo truyền nhạc nghệ, chư hương linh tiền hậu nhạc sĩ, ca công quá cố, các vị thánh tổ khai sáng âm nhạc Trung Quốc và Việt Nam. Theo chúng tôi, người ta không thể xác định được một cách rõ ràng và chính xác danh tính tổ nghề là ai. Họ đành tôn xưng một cách chung chung là các Thánh sư, Tổ sư, Thiên sư và lấy đó làm đối tượng thờ cúng. Muốn tìm hiểu tổ sư ngành cổ nhạc là ai, chúng ta có thể khảo sát danh sách các vị Thánh tổ trong bản văn tế còn lưu tại nhà thờ Cổ nhạc liệt kê rất nhiều nhân vật như Đào Duy Từ, Cửu Thiên Huyền Nữ, Đoàn Thanh Xà, Đạo đức Thiên tôn, Hiền Viên Hoàng đế, Thọ Kỳ Bá, Cao Tiệm Ly... Đào Duy Từ (1572-1634) là một nhân vật lịch sử, có sự cống hiến lớn lao trên nhiều lĩnh vực (chính trị, quân sự, văn học, kiến trúc, sân khấu...) đã đưa ông vào hàng các danh nhân trong lịch sử dân tộc. Ông có nhiều công lao giúp nhà Nguyễn xây dựng vương triều mới nên được coi là bậc khai quốc công thần. Khi mất, ông được vua ban đặc ân truy tặng hàm Quận công và được thờ phụng ở Thái miếu. Cần phải khẳng định rằng dù cho những nhân vật còn lại kể trên có thật hay không, là người Việt hay người Hoa, họ vẫn được tôn xưng là những vị tổ sư ngành cổ nhạc và được tôn thờ ở vị trí trang nghiêm trên các bệ thờ tại nội thất chính đường nhà thờ Cổ nhạc.

Trước đây, lễ tế tổ nghề tại nhà thờ Cổ nhạc được tổ chức vào ngày 16 tháng Mười âm lịch. Công việc tổ chức lễ tế tổ nghề thuộc về Hội Ca nhạc truyền thống Huế - tiền thân là Hội Ái hữu Cổ nhạc Thừa Thiên được thành lập chính thức vào năm 1974. Hội đứng ra làm Ban tổ chức, cùng với sự tham gia đông đảo của các nghệ nhân, nghệ sĩ, diễn viên, nhạc công và những người có niềm đam mê cổ nhạc... Tuy nhiên, vào ngày ấy, thời tiết ở xứ Huế thường xuyên diễn ra tình trạng mưa to, lụt lội nên công tác tổ chức kỳ lễ tế tổ nghề gặp rất nhiều khó khăn. Do đó từ năm 1996, Ban tổ chức lễ tế tổ nghề đã quyết định chuyển kỳ lễ tế tổ sang ngày 16 tháng Ba âm lịch. Một buổi lễ tế tổ nghề vào ngày 16 tháng Mười âm lịch theo truyền thống vẫn được duy trì nhưng với quy mô nhỏ hơn.

Lễ tế tổ nghề diễn ra tại nhà thờ Cổ nhạc suốt cả ngày với hai phần quan trọng: Lễ tế tổ nghề và sinh hoạt văn nghệ cổ nhạc. Phần lễ tế tổ nghề tổ chức ở chính đường nhà thờ, từ hiên ngoài đến bệ thờ trong cùng. Các nghệ nhân cổ nhạc cao tuổi và có uy tín trong nghề đóng vai quan viên tế. Họ đều mặc theo phẩm phục nghi lễ Nho giáo chỉnh tề, sắp hàng đứng hai bên. Các gian chính đường đều có chiếu dành cho chủ tế và hai bồi tế. Dàn nhạc bát âm đứng tập trung ở gian tả chính đường nhà thờ. Ngoài hiên có hai người đánh trống và chiêng. Các nhạc công mặc lễ phục dân tộc cổ truyền. Bàn thờ nào cũng khói hương nghi

ngút, đèn nến sáng choang, hoa quả sắp đầy. Dàn nhạc chỉ cử trong từng tiết lễ. Bản nhạc dùng cho tế tổ nghề là những bài cơ bản như: Đàng đàn đơn, xàng xê, kèn chiến, long ngâm được tấu bằng kèn, trống, sinh tiền... Điểm nhịp cho từng hồi xướng lễ là chiêng và trống lớn.

Sau khi lễ tế tổ nghề kết thúc, các thành viên tham dự lễ tế tổ trao đổi kinh nghiệm biểu diễn nghệ thuật, trình diễn nhạc cụ, các bài ca, điệu đàn tâm đắc nhất sau một năm xa cách. Đặc biệt, những nghệ nhân cổ nhạc có uy tín, đức cao vọng trọng sẽ trình diễn những bài bản ca nhạc Huế đặc sắc với tất cả tài năng và tâm hồn của mình.

Ngày lễ tế tổ nghề là dịp để các diễn viên, nghệ sĩ, nghệ nhân cùng nhau gặp gỡ, trao đổi về nghề nghiệp, đồng thời cũng là dịp để tỏ lòng thành kính, biết ơn đến các vị tổ nghề, tri ân các bậc tiền nhân đã có công khai sáng và để lại cho ngành cổ nhạc nhiều tác phẩm bất hủ, lưu danh sử sách. Lễ tế tổ ngành cổ nhạc là một sinh hoạt văn hóa, một nghi lễ nghề nghiệp cổ truyền rất đáng trân trọng, bảo tồn và phát huy giá trị. Nó thể hiện đậm đà truyền thống “tôn sư trọng đạo” của dân tộc Việt Nam qua nhiều thế kỷ. Bởi vì nơi ấy, trong tận cùng sâu thẳm của tâm thức, nhà thờ Cổ nhạc vẫn được xem là nơi linh thiêng, là mái nhà chung, là nơi tụ họp của con cháu trong ngành cổ nhạc mỗi dịp tế tổ nghề hàng năm. Niềm tin đối với các vị tổ nghề giúp người trong nghề qua các thế hệ sống tốt hơn, cả trong nghệ thuật âm nhạc lẫn cuộc sống. Với nghề nghiệp, họ phải cố gắng trau dồi kỹ năng thực hành để vươn xa về nghệ thuật, trao truyền tri thức cho thế hệ trẻ nhằm duy trì và phát triển ngành, sao cho xứng đáng với công lao khai mở và phát triển nghề nghiệp của các vị tổ sư. Giữa cuộc sống đời thường, họ phải giữ gìn sự trong sạch, hướng thiện, không được làm

những điều xấu xa để tránh bị chư vị tổ nghề quở phạt,

Từ Dục Đức đường đến Cổ nhạc từ là một hệ quả của những cơ duyên lịch sử. Hiện tượng di tích chồng lớp lên di tích này liên quan mật thiết đến cuộc đời và hành trạng của vua Dục Đức, hoàng hậu Từ Minh và vua Thành Thái, làm tăng lên ý nghĩa và giá trị của di tích nhà thờ Cổ nhạc. Biết đâu đó, những viên gạch ngói còn sót lại dưới lớp đất của phế tích Cung Tôn miếu vẫn còn thồn thức, vang vọng mãi đến ngàn năm, minh chứng cho chiều sâu giá trị văn hóa lịch sử của vùng đất Cổ đô Huế. Với những giá trị lịch sử, ý nghĩa văn hoá tâm linh và nhân văn đặc sắc, di tích nhà thờ Cổ nhạc xứng đáng để chúng ta quan tâm bảo tồn và phát huy giá trị trong đời sống đương đại. ■

Tài liệu tham khảo

1. Tôn Thất Bình (2003), *Huế, lễ hội dân gian*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
2. Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc (1995), *Nguyễn Phúc tộc thế phả*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
3. L. Cadière (2006), *Kinh thành Huế: Địa danh*, Những người bạn cố đô Huế; B.A.V.H, tập XX, 1933, bản dịch Hà Xuân Liêm, hiệu đính Nhị Xuyên, Nxb Thuận Hóa, Huế.
4. Nhà Bảo tàng Huế (2009), *Lý lịch Di tích Lịch sử Văn hóa Nhà thờ Cổ nhạc*, Bản lưu tại Phòng tư liệu Bảo tàng Lịch sử và Cách mạng Thừa Thiên Huế.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn (1964), *Đại Nam nhất thống chí, Tập Kinh Sư*, Tu Trai Nguyễn Tạo dịch, Nha Văn hóa Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn (1974), *Đại Nam thực lục chính biên*, Tập XXXI, Dịch giả: Tổ phiên dịch Viện Sử học, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam thực lục chính biên Đệ lục kỷ phụ biên*, Cao Tự Thanh dịch và giới thiệu, Nxb Văn Hoá - Văn Nghệ TP.HCM.



Về địa điểm Mai Sơn và Mai Khâu ở Gia Định xưa

Bài và ảnh: TÔN THẮT THỌ

Mai Sơn (hay còn gọi là gò Cây Mai) là địa danh lịch sử-văn hóa của đất Gia Định xưa. Tại đây đã từng hiện diện một ngôi chùa cổ được gọi là chùa Cây Mai. Nhiều tài liệu ghi lại sử dĩ chùa có tên Cây Mai vì ở đây trồng nhiều loại mai trắng, khi hoa nở bay tỏa ngát hương thơm gây cho con người những cảm giác lâng lâng... “Thị xã Bạch Mai” nổi tiếng của thi nhân Gia Định thời nhà Nguyễn thường lấy địa điểm chùa này làm nơi hội họp. Năm 1847, Nguyễn Tri Phương lúc còn làm Kinh lược sứ Gia Định (Nam Kỳ), vì ngưỡng mộ chùa Bạch Mai đã dựng nhà thủy tạ “Phương Đình” để thưởng thức bạch mai và ngâm vịnh mỗi năm vào dịp Tết.

Trong sách *Sài Gòn năm xưa*, tác giả Vương Hồng Sển viết:

“Theo ông Trịnh Hòa Đức, chùa Cây Mai tên chữ là *Thúy Lãnh tự*” và “chùa Cây Mai tên chữ khi gọi *Mai Sơn tự*, khi gọi *Thúy Lãnh tự*...” ([3], tr.100, 111).

Cũng như thế, trong cuốn biên khảo *Gia Định xưa và nay*, tác giả Huỳnh Minh viết:

“Khi xưa ở vùng này có cái cầu nhỏ bắc ngang qua rạch Ông Suông, người địa phương gọi là cầu Ông Tiêu, vì nơi đây có một ít người ‘Triều Châu’ làm rẫy quanh năm. Bên trên là một gò đất cao, là địa điểm chùa Cây Mai, mang tên là *Thiếu Lãnh tự*, ngôi chùa được xây cất nơi nền chùa cũ người Miên, chung quanh có đào hào rộng.

Dưới đời Minh Mạng, chùa được trùng tu lại khang trang hơn, lúc bấy giờ ông Phan Thanh Giản và Nguyễn Tri Phương có lập tại đây một nhà thủy tạ, trên có gác cao, là nơi các cụ ngâm thơ, đọc sách thưởng trăng. Nơi đây lại có một cỗ thụ bạch mai, mỗi độ xuân về khoảng tháng giêng thì bạch mai nở rộ, đồng bào quanh vùng nô nức đến thưởng mai...” ([5], tr.83)

Cũng theo tác giả, khi quân Pháp mang quân sang xâm chiếm nước ta, chúng chiếm địa điểm gò Cây Mai ở Phú Lâm xây đồn cất trại để phòng thủ sự phản công của quân dân ta. Hàng ngày chúng điểm binh thổi kèn gọi lính, chào cờ với tiếng kèn tồ le...

Về phương diện lịch sử, cùng với đồn Kiểng Phước, gò Cây Mai là nơi quân Việt đồn trú sau khi Pháp tấn công đánh chiếm Gia Định tháng 2 năm 1859. Hai

năm sau, tháng 2 năm 1861, khi viện binh của Pháp do Charner chỉ huy kéo sang, chúng tấn công đồn, quân ta dưới quyền chỉ huy của Tôn Thất Hiệp phải kéo sang đóng quân ở Đại đồn Chí Hòa. Một tác giả người Pháp, ông Alfred Schreiner trong cuốn *Đại Nam quốc lược sử* (1905) đoạn viết về thời gian quân Pháp tiến hành đóng quân khi mới xâm chiếm Gia Định đã đề cập đến gò Cây Mai ở trên như sau:

“Còn tại *Chợ Lớn* thì người ta (tức quân Pháp) choán lấy chùa Cây Mai lập trên một gò đất kia... Gò này nổi lên như một cái nổng dốc hầm; nó có trồng nhiều cây mai, mấy gốc củ mọc xiên téo nhau. Mấy cây ấy có bông trong lúc trở sương muối, lá nó bay mùi thơm, bông nó thông với các vị thần trên trời, lại mấy vị thần ấy làm cho nó nở ra. Đem mấy cây này mà trồng thử nơi khác thì không đặng. Chót gò có chùa An Tôn... chung quanh gò có nước trong sạch, thấy có nhiều xuống nhỏ bơi đi hái bông sen. Chùa này lập tại nền cũ chùa Cao Miên Hồ Tằng Trân Tháp. Trong đời vua Tự Đức, quan Kinh lược Lục tỉnh là Nguyễn Tri Phương có cất cho chùa ấy một cái nhà mát có lầu...” ([4], tr.252-253).

Gần đây, khi đề cập đến ngôi chùa này, nhiều tác giả còn cho rằng ngoài tên gọi Mai Sơn tự, chùa còn có tên là *Mai Khâu tự*. Tác giả Duy Hào đã viết trên website *quangduc.com*, mục *Lịch sử Phật giáo* là:

“Chùa Cây Mai còn có tên là *Bạch Mai*, *Mai Sơn tự*, **Mai Khâu tự** hoặc **Thúy Sơn tự**. Chùa được dựng trên gò đất nổi cao (nằm trên đường ra Phú Lâm - Chợ Lớn), xưa kia có dòng nước bao quanh tạo nên phong cảnh hữu tình. Không biết chùa hình thành năm nào, chỉ biết cảnh chùa đã không còn vào khoảng cuối thế kỷ XIX...”

Như thế, phải chăng gò Mai Sơn và gò Mai Khâu cũng như chùa Cây Mai (Mai Sơn tự) và Mai Khâu tự chỉ là một nơi?

Tác giả Nguyễn Khuê trong cuốn *Ba mươi năm cầm bút* của mình đã khẳng định:

“*Mai Sơn* và *Mai Khâu* vốn là hai thắng cảnh của vùng Gia Định xưa, hiện là hai di tích lịch sử của thành phố Hồ Chí Minh. *Mai Sơn* và *Mai Khâu* đều có nghĩa là gò Cây Mai (hay gò Mai), nên nhiều người hoặc đã lầm tưởng hai gò này là một, hoặc đã lầm gò này với gò kia. Thật ra,

đó là hai gò khác nhau, và cả trên hai gò này đều có chùa, đó là Mai Sơn tự và Mai Khâu tự...”

Cũng theo tác giả Nguyễn Khuê, Mai Sơn là tên một gò đất cao ở Phú Lâm, đường Hùng Vương (tức đường Lục Tỉnh cũ) thuộc quận 11 bây giờ. Xưa ở Mai Sơn có một ngôi chùa rất nổi tiếng, tên chữ là Mai Sơn tự, cũng gọi là Mai tự. Trên bản đồ tỉnh Gia Định của Trần Văn Học vẽ năm 1815 chùa được ghi nửa Hán nửa Nôm là *Cây Mai tự* (dấu x đỏ).

Còn *Mai Khâu* là một gò đất nổi cao nằm ở cuối đường 3 tháng 2 cũng thuộc quận 11 hiện nay, và đây mới là một trong ba mươi thắng cảnh tiêu biểu của Gia Định xưa được Trịnh Hoài Đức gọi là *Gia Định tam thập cảnh* để đưa vào sách *Cấn Trai thi tập*.

Thực tế, trong sách *Gia Định thành thông chí* biên soạn dưới thời Gia Long (1802-1820), cụ Trịnh Hoài Đức ghi chép có một địa điểm ở phần “Trần Phiên An”:

“*Mai Khâu (Gò Mai), ở cách trấn lỵ về phía nam 13 dặm rưỡi, gò đất nổi cao, có nhiều cây mai, cối già ngả nghiêng, nhưng mùa nở hoa thì không có tuyết, lá vẫn còn mùi thơm; hoa cảm khí thiêng mà sinh ra, không thể đem trồng nơi khác được. Trên có chùa Ân Tông, đem vang tiếng kinh, chiều khua chuông lớn, thanh âm réo rất ở trong chốn khói mây, dáng như thế giới trên núi Thửu, suối trong chảy quanh chân núi, có thuyền hái sen, các cô gái nhân chiều chơi mát mà bơi chèo; ngày tốt tiết lành, thi sĩ văn nhân xách nạm mang bầu, leo từng bậc mà lên, ngâm vịnh ở dưới hoa đầu núi, chữ câu thơm nức, thực là nơi du lãm thắng cảnh...*”

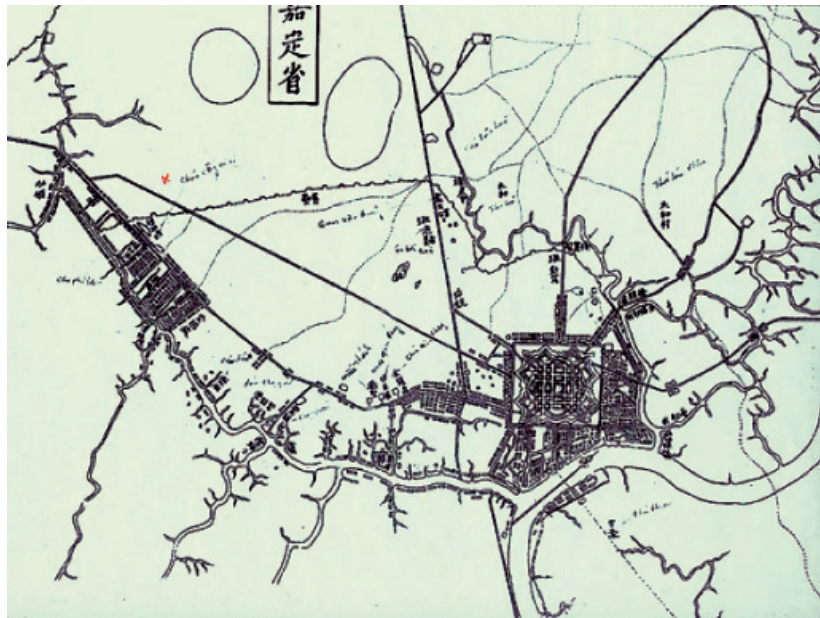
... Năm Bính Tý Gia Long thứ 15 (1816), nhà sư sửa lại ngôi chùa, đào lấy được những gạch lớn và ngói cổ rất nhiều, được 2 tấm vàng lá to đến 1 tấc, nặng 3 đồng cân, ngoài mặt chạm hình Bụt cưỡi voi, có lẽ là vật của sư Hồ để để trấn áp tháp chướng?” ([1], tr.32).

Sách *Đại Nam nhất thống chí* soạn dưới thời Tự Đức cũng ghi nhận một ngôi chùa ở tại địa điểm giống với sự mô tả của cụ Trịnh Hoài Đức ở trên:

“*Chùa Mai Khâu ở thôn Phú Giáo, huyện Tân Long, có cái gò cổ, trên gò có bảy cây mai, bóng ngang thưa thớt, mùi hương thoang thoảng. Trước kia có người dựng chùa dựng chùa An Tôn trên đỉnh gò; năm Gia long thứ 15, nhà sư ở chùa sửa sang lại, đào được 3 phiến vàng lá, rộng chừng một tấc, mỗi phiến nặng 3 đồng cân, trên mặt khắc tượng Phật cỡi voi...*” ([2], tr.237).

Ngôi chùa mà *Gia Định thành thông chí* và *Đại Nam nhất thống chí* đề cập ở gò Mai Khâu nói trên chính là chùa Gò (Phụng Sơn tự hiện nay). Khu đất chùa Gò tọa lạc là một di tích khảo cổ học. Tài liệu của Bảo tàng Lịch sử Việt Nam (thành phố Hồ Chí Minh) cho biết vào các năm 1988 và 1991, các nhà khảo cổ học đã tìm được những mặt người bằng đất nung, đồ gốm... thuộc văn hóa Óc Eo. Ở đây cũng đã tìm thấy một tượng Phật bằng đồng theo phong cách Thái Lan...

Tài liệu ở chùa cho biết năm 1909, nhà sư Huệ Minh



đã đem giống mai, có nguồn gốc từ chùa *Cây Mai* về trồng ở chùa. Đây là giống mai quý hiếm, được nhiều nhà thơ thuộc nhóm *Bạch Mai thi xã*, như Trịnh Hoài Đức, Nguyễn Thông, Tôn Thọ Tường... ca ngợi, và cho đến nay chỉ còn lại một cây mai già ở bên hông chùa.

Qua thực tế, cũng như những ghi chép trong *Gia Định thành thông chí*, *Đại Nam nhất thống chí*, ta có thể kết luận đúng như tác giả Nguyễn Khuê đã viết: *Mai Sơn* và *Mai Khâu* là hai cái gò khác nhau, do đó hai ngôi chùa ở trên hai cái gò đó cũng khác nhau: chùa *Cây Mai* (*Mai Sơn tự*) đã không còn dấu tích do quân Pháp đã triệt hạ trong thời gian chúng chiếm lĩnh vùng gò này làm cứ điểm quân sự năm 1861, chống lại các cuộc tấn công của quân dân ta do Nguyễn Tri Phương và Tôn Thất Hiệp chỉ huy. Hiện nay khu vực này thuộc doanh trại QĐNDVN trên đường Hùng Vương.

Còn *Mai Khâu tự* (hay chùa Gò) ở trên gò Mai Khâu (cuối đường 3/2 hiện nay) thì vẫn còn dấu tích một ngôi chùa cổ: *Phụng Sơn tự*; ngôi chùa này do địa điểm đặc biệt nên đã được ghi chép trong *Gia Định thành thông chí*, cũng như *Đại Nam nhất thống chí* sau này. Nhiều tài liệu của các tác giả cho rằng, hai gò đất cũng như hai ngôi chùa nói trên chỉ là một, đó là sự nhầm lẫn do tên gọi của hai gò đất đều có nghĩa là gò *Cây Mai*! ■

Tài liệu tham khảo:

- [1] *Gia Định thành thông chí*, Trịnh Hoài Đức, Đỗ Mộng Khương & Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Nxb Giáo Dục, 1999.
- [2] *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5, QSQTN, Nxb Thuận Hóa, 1992.
- [3] *Sài Gòn năm xưa*, Vương Hồng Sển, Sài Gòn, 1960.
- [4] *Đại Nam Quốc lược sử*, Alfred Schreiner, Nguyễn Văn Nhân dịch, Saigon, 1905.
- [5] *Gia Định xưa và nay*, Huỳnh Minh, Sài Gòn 1973.
- [6] *Ba mươi năm cầm bút*, Nguyễn Khuê, Nxb Trẻ, 2004.



Chùa Nhấm Dương

Tổ đình tông Tào Động Việt Nam

Bài và ảnh: QUẢNG TÂM – CẨM VÂN

Huyện Kinh Môn tỉnh Hải Dương không chỉ nổi tiếng với dòng sông Kinh Thầy thơ mộng, vùng đất này còn được biết đến nhờ có đền thờ An Sinh vương Trần Liễu, phụ thân của Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn, và thắng cảnh động Kính Chủ, từng được gọi là Nam thiên đệ lục động, vùng hang động thiên nhiên độc đáo, nổi tiếng hàng thứ sáu dưới trời Nam. Trên đất huyện Kinh Môn từng có những ngôi chùa cổ được xây dựng trên triền núi đá, trong số đó có chùa Nhấm Dương, còn gọi là chùa Thánh Quang, nằm tại thôn Nhấm Dương, thuộc xã Duy Tân. Ngôi cổ tự này được coi là đệ nhất chốn Tổ của tông Tào động Việt Nam vì Đệ nhất Tổ Tào Động Việt Nam là Hòa thượng Thủy Nguyệt từng trụ trì ở đây và chọn nơi này gửi nhục thân.

Hòa thượng Thủy Nguyệt thế danh Đặng Giáp, sinh năm 1636, quê xã Thanh Triều, huyện Hưng Nhân,

tỉnh Thái Bình. Ngài xuất thân nhà Nho, năm 18 tuổi thi đậu Cống tử Tứ trường nhưng sau đó chán cảnh đời tục lụy nên quyết chí đi tu, tìm đến chùa xã Hồ Đội huyện Thụy Anh xin xuất gia. Đến tháng 3 năm Giáp Thìn (1664), niên hiệu Cảnh Trị triều Lê, ngài cùng hai đệ tử lên đường sang Trung Quốc đến núi Phượng Hoàng ở Hồ Châu yết kiến ngài Nhất Cú Tri Giáo, vốn là tổ đời thứ 35 tông Tào Động Trung Quốc, được tổ chỉ dạy rồi truyền giới Cụ túc, trao cho tâm pháp và ban pháp hiệu là Thông Giác Đạo Nam Thiên sư. Sau ba năm tham học dưới sự hướng dẫn trực tiếp của Tổ, ngài được cho về nước để phát triển tông Tào Động ở Việt Nam. Như vậy, ngài thuộc đời thứ 36 tông Tào Động và là Đệ nhất Tổ tông Tào Động ở Việt Nam.

Chùa Nhấm Dương vốn là một ngôi chùa cổ, được xây dựng trong thế kỷ XIII dưới thời nhà Trần giữa một vùng núi non trùng điệp có nhiều hang động cảnh trí đẹp tuyệt vời. Trên bước đường du hóa, Hòa thượng



Thủy Nguyệt đã dùng chân tại nơi đây một thời gian để giáo hóa đồ chúng. Ngài cũng từng qua lại các ngôi chùa quanh vùng để hoàng dương Phật pháp, tích cực truyền tâm ấn của tông phái Tào Động. Dấu chân của ngài in khắp vùng Côn Sơn, Quỳnh Lâm, Yên Tử... Ngài cũng trụ lại ở chùa Hạ Long một thời gian dài. Vào năm Giáp Thân niên hiệu Chính Hòa thứ 20, đời Lê Huy Tông (1704), Hòa thượng Thủy Nguyệt bước sang tuổi 68. Một hôm, ngài cho gọi các đệ tử đến và dặn rằng: "Nay ta lên chơi trên núi Nhấm, nếu bảy ngày không thấy về, thì các người tìm thấy chỗ nào có mùi thơm thì ta ở đấy". Đệ tử tứ chúng đợi đúng bảy ngày vẫn không thấy Hòa thượng nhập thất bèn chia nhau nương theo mùi thơm lên núi vào hang vạch cỏ tìm kiếm và phát hiện thấy ngài như đang thiền định trên một tảng đá trong hang núi. Tới nơi thân thể vẫn còn nóng ấm, mềm mại, sắc diện hồng hào như đang còn sống, nhưng hơi thở đã tắt lịm và từ cơ thể vẫn tỏa ra hương thơm ngào ngạt mùi trăm bạch đàn. Hôm đó là ngày 6 tháng 3 năm Giáp Thân (1704). Tứ chúng thỉnh nhục thân ngài về hỏa táng chia linh cốt thờ ở hai nơi, một ở chùa Hạ Long, một ở chùa hang núi Nhấm. Điều kỳ lạ là ngay tại chỗ Hòa thượng Thủy Nguyệt ngồi kiết-già để nhập niết-bàn, người ta phát hiện phía trên đầu ngài có một vết lõm to bằng đầu người in sâu vào trần đá, còn phía dưới chân ngài cũng có những vết lõm giống như bàn

chân người in sâu vào nền đá. Truyền thuyết cho rằng khi Hòa thượng đắc đạo, ngài đã thúc đầu đập chân vào núi nhằm lưu lại thánh tích tại cõi ta-bà, nên cái hang nơi phát hiện nhục thân ngài được đặt tên là hang Thánh Hóa.

Chùa Thánh Quang (Nhấm Dương) đã được Nhà nước cấp bằng công nhận khu di tích cấp quốc gia năm 2003. Nơi đây không chỉ có ý nghĩa về tâm linh tín ngưỡng mà còn mang giá trị khảo cổ học hết sức quan trọng đóng góp nhiều cho sự nghiên cứu khoa học về sự có mặt, phát triển, tiến hóa của nhân loại. Chung quanh hang Thánh Hóa, các nhà khảo cổ học đã phát hiện được rất nhiều di cốt hóa thạch của các loài động vật... có niên đại cách ngày nay từ 30.000 đến 50.000 năm cùng nhiều di vật khảo cổ các thời đại đồ đá, thời đồng thau và các pho tượng Phật bằng đá có niên đại thời nhà Nguyễn. Địa tầng văn hóa ở đây vẫn đang chờ giới khảo cổ học tiếp tục đánh thức, khám phá.

Nhằm kế thừa và phát huy nền văn hóa Phật giáo Việt Nam, hiện nay Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam cùng các Tăng Ni, Phật tử trong sơn môn đang dần hoàn thiện việc tu bổ và bảo quản những di tích còn lưu giữ lại của chùa Nhấm Dương, Tổ đình thứ nhất của phái Tào Động Việt Nam để ghi dấu một thời phát triển rực rỡ của Phật giáo Việt Nam gắn liền với lịch sử văn hóa dân tộc. ■

Lang thang
trong chữLiên tục
ngả mũ kính cẩn

HỒ ANH THÁI

Cính tả những năm 1970-1980 quy định rằng chỉ có mấy danh từ chung cần viết hoa: chữ Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam, chữ Bác là chỉ Bác Hồ, chữ Người là cũng để nói về chủ tịch Hồ Chí Minh. Vậi thôi.

Viết hoa là để tỏ lòng kính trọng. Đây là cách giải thích.

Nhưng rồi bây giờ ngập tràn chữ viết hoa. Một bài báo, một trang sách chỉ chít chữ viết hoa, đến rối cả mắt, hoa cả mắt. Tự giải thích là đối tượng cần kính trọng đã nhiều hơn ngày trước, hơn gấp nhiều lần. Người ta viết hoa chữ tổng thống, trong chữ Tổng thống Obama. Obama là danh từ riêng, chắc chắn là viết hoa. Nhưng tổng thống là danh từ chung, ai quy định viết hoa chữ này? Cũng thế là những chữ Thủ tướng, Bộ trưởng, Thứ trưởng, Vụ trưởng, Giám đốc, Tổng thư ký... thôi thì hoa hết.

Chuyện vui: một nhạc sĩ, trong tác phẩm của mình, đã cóp nhật của mỗi bậc thầy một tí. Bản nhạc được tấu lên, một người thưởng thức chốc chốc phải đứng dậy, cúi mình chào cung kính. Hỏi làm sao phải chào liên tục như vậy, ông bảo vì nãy giờ tôi liên tục gặp người quen.

Đọc một bài báo bây giờ, cũng phải liên tục ngả mũ cúi mình chào, cung kính. Gặp nhiều chữ phải cung kính quá.

Cung kính trước đối tượng xứng đáng là cần thiết.

Nhưng ít ra cũng phải có một cơ quan có trách nhiệm quy

định cái chính tả cung kính này. Không một ai đứng ra quy định. Thế là thả lỏng cho cánh làm báo có ngoại ngữ, cứ thế bê nguyên xi chính tả tiếng Anh tiếng Mỹ vào tiếng Việt. Chính tả của họ thì các ngày trong tuần cũng viết hoa: thứ Sáu, thứ Bảy, Chủ nhật, Friday, Saturday, Sunday. Tháng cũng viết hoa: tháng Tư, tháng Năm, tháng Sáu, April, May, June. Tiếng Việt của các vị cứ vậy mà phá vỡ quy chuẩn, người theo chính tả tiếng Việt thì không viết hoa, người theo chính tả ngoại ngữ thì viết hoa. Làm rối loạn cả lên.

Cung kính quá, đến mức viết cũng thừa cũng sai mà không tự biết. Bây giờ có cái mốt thư gửi mào đầu:

- Kính thưa *quý* vị khách *quý*,

để mở đầu xin được phép trích một câu *danh* ngôn *lùng danh*

của một nhà *danh* nhân *danh* tiếng,

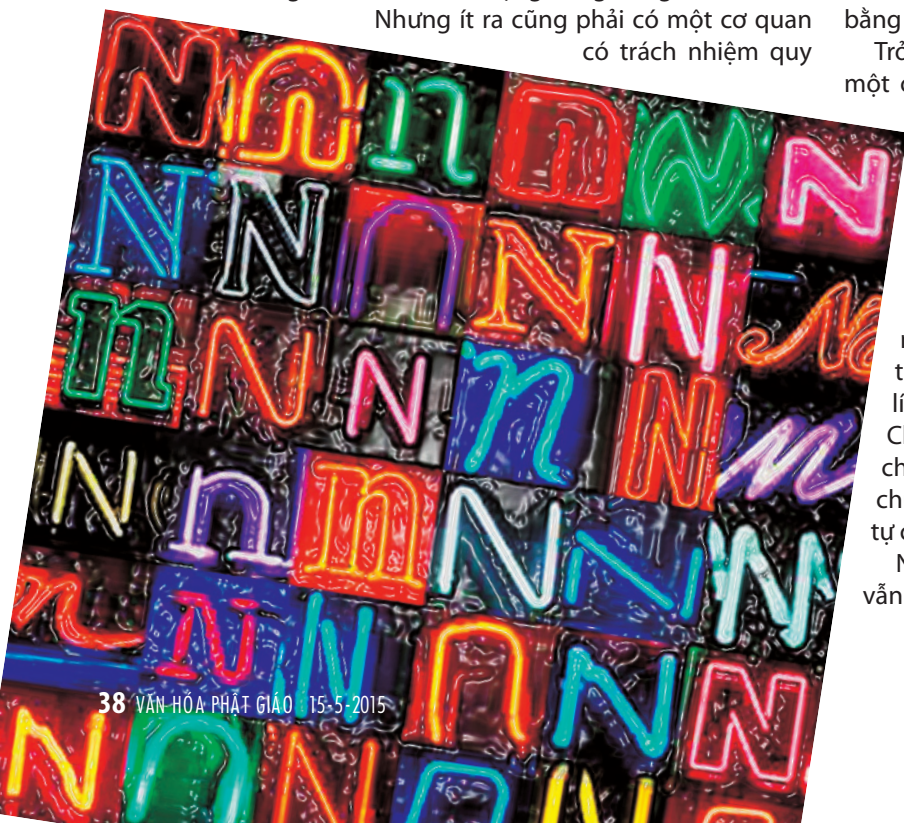
một người từng nắm giữ những *trọng* trách quan *trọng*.

Tôi chưa phải nghe ai nói một tràng những từ kính cẩn thừa thãi như vậy. Nhưng từng chữ thì có. Nhiều lúc nhiều nơi.

Có một chữ mà tôi vẫn tránh dùng: *bạn đọc*. Tôi quen dùng những chữ mang tính trung lập: người đọc, độc giả. Người đọc chưa hẳn là bạn ta. Dù có là bạn, thì cũng nên để cho họ có một vị trí trung lập và khách quan tương đối. Gọi là bạn đọc, có một cái gì đó mang tính lấy lòng, mua chuộc, chưa gì đã phủ đầu người ta bằng một thứ tình cảm mỹ dân, cầu mong sự thiên vị.

Trở lại với việc không có quy chuẩn chính tả của một cơ quan có trách nhiệm. Nhìn bìa những cuốn sách giáo khoa của học sinh phổ thông, thấy những chữ Địa lí, Vật lí... thì bản khoán: bộ Giáo dục tự cho mình sửa chính tả từ bao giờ, và nếu đã đứng ra chịu trách nhiệm sửa thì phải phổ biến để báo chí sách vở tài liệu sửa theo cho thống nhất. Đảng này chỉ riêng hệ thống giáo dục là sửa những chữ i li ti kiểu này. Một mình một kiểu. Chữ hi vọng mà viết i ngắn thì có cảm tưởng không còn thấy hy vọng gì ở trong ấy. Chữ lí tưởng thì cũng chẳng thấy đẹp đẽ lý tưởng gì. Chữ iêu quý mà i ngắn thì chẳng thấy yêu mà cũng chẳng thấy quý. Nó bí, nó ti hí, nó li ti, nó xấu xí... chữ i ngắn tượng thanh ra thế, mà tượng hình mẫu tự cũng ra thế.

Nói vậy thôi, chữ i một khi viết đúng chính tả thì vẫn có thể đẹp. Chữ tri thức chẳng hạn. ■



Nhu cầu tha ái hiểu và thể ái hiểu bản thân

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Mới đây, báo chí đưa tin cơ trưởng và tiếp viên của Hãng hàng không Vietnam Airlines bị phát hiện giấu 6kg vàng trong đế giày khi vào Hàn Quốc. Nhân vụ này, có một bài báo mà tác giả đã dựa vào tháp nhu cầu của Maslow để diễn tả cho thấy, do thỏa mãn không đúng một nhu cầu của bản thân mà viên phi công đã giấu vàng trong đế giày để mang lậu vào xứ Hàn.

“Mang tháp nhu cầu của Maslow áp vào với vai trò của một phi công sẽ thấy năm tầng nhu cầu, một người phi công đã được thỏa mãn đầy đủ bốn tầng: nhu cầu căn bản thể lý; nhu cầu an toàn về công việc, sức khỏe, gia đình; nhu cầu có cộng đồng, có tình cảm, được tin cậy; nhu cầu được quý mến, tôn trọng. Tầng cuối cùng, cao nhất: tự thể hiện bản thân. Và thay vì phát huy sáng tạo, thể hiện khả năng của mình để được công nhận, được đóng góp vào sự phát triển, anh phi công đã thể hiện bằng cách mang lậu vàng dưới đế giày”.

(Anh phi công và tháp nhu cầu, *Tuổi Trẻ* thứ Sáu 17-4-2015)

Trước hết, xin nói về tháp nhu cầu của Maslow.

Để tồn tại và phát triển, con người phải thỏa mãn và được đáp ứng các nhu cầu của mình. Nhu cầu là đòi hỏi, mong muốn, nguyện vọng của *con người về vật chất* và tinh thần để tồn tại, phát triển và là yếu tố thúc đẩy con người hoạt động. Năm 1943, nhà tâm lý học người Mỹ Abraham Maslow trong bài viết: “Lý thuyết về động cơ của con người” (A Theory of Human Motivation) đưa ra mô hình gọi là tháp nhu cầu của Maslow. Tháp nhu cầu có 5 tầng, trong đó, những nhu cầu con người được liệt kê theo một trật tự thứ bậc hình tháp kiểu kim tự tháp. Những nhu cầu cơ bản ở phía đáy tháp phải được thỏa mãn trước khi nghĩ đến các nhu cầu cao, phức tạp hơn. Các nhu cầu bậc cao sẽ nảy sinh và mong muốn được thỏa mãn ngày càng mãnh liệt khi tất cả các nhu cầu cơ bản ở dưới (phía đáy tháp) đã được đáp ứng đầy đủ.

Năm tầng trong Tháp nhu cầu của Maslow từ dưới đáy lên đỉnh gồm có:

Tầng thứ nhất: Các nhu cầu căn bản nhất thuộc về sinh lý hay có người gọi “thể lý” của con người (*physiological*). Nói gọn là nhu cầu thở, ăn, mặc, ở... nếu thiếu thì con người không tồn tại được. Nói rộng hơn, đó là nhu cầu: thức ăn, nước uống, nơi trú ngụ, không khí trong lành, ngủ nghỉ ngơi, bài tiết, hoạt động tình dục (trong đó có nhu cầu truyền giống).

Tầng thứ hai: Các nhu cầu an toàn (*safety*). Đó là nhu cầu con người cần có cảm giác yên tâm về an toàn thân thể, an toàn sức khỏe, an toàn việc làm, an toàn cho gia đình, an toàn tài sản, an toàn môi trường...

Tầng thứ ba: Các nhu cầu yêu thương và được yêu thương, được tùy thuộc vào ai đó (*love/belonging*). Như muốn có gia đình yên ấm, tràn ngập yêu thương; muốn được giao lưu tình cảm, tình thân hữu trong một tập thể nào đó. Các nhu cầu này có khi còn gọi là nhu cầu xã hội (*social needs*) bởi vì con người không thể nào sống một mình mà phải tùy thuộc vào xã hội.

Tầng thứ tư: Các nhu cầu được quý trọng, kính mến (*esteem*). Đó là nhu cầu được tôn trọng trong xã hội nhờ địa vị, danh tiếng, sự thành đạt...

Tầng thứ năm: Các nhu cầu về sự thể hiện bản thân (*self-actualization*). Tức là nhu cầu được thực hiện những gì mà bản thân mong muốn và có tiềm năng để đạt được sáng tạo, đỉnh cao trong lĩnh vực nào đó.

Tháp nhu cầu của Maslow được xem là một phát minh về lý thuyết giúp hiểu rõ hơn về bản chất và giá trị trong cuộc sống của con người. Từ khi ra đời, nó đã được thừa nhận rộng rãi và được sử dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm cả lĩnh vực giáo dục, tâm lý. Đặc biệt, nó được ứng dụng triệt để trong lĩnh vực quản trị như quản trị kinh doanh, quản trị nhân sự, quản trị tiếp thị thị trường... Bên cạnh sự tán dương, vẫn có nhiều ý kiến phê phán sự không toàn vẹn của tháp nhu cầu của Maslow. Như lý thuyết này cho rằng: “Những nhu cầu cơ bản ở phía đáy tháp phải được thỏa mãn trước khi nghĩ đến các nhu cầu cao hơn. Các nhu cầu bậc cao (ở tầng trên) sẽ nảy sinh và mong muốn được thỏa mãn ngày càng mãnh liệt khi tất cả các nhu

cầu cơ bản ở dưới (ở tầng dưới, phía đáy tháp) đã được đáp ứng đầy đủ” thì e không phải luôn luôn như vậy. Bởi vì, người ta có thể bị hạn chế đến mức rất tệ việc ăn, uống, ngủ nghỉ, ở nơi trú ngụ hết sức thiếu thốn và không an toàn chút nào, vẫn có nhu cầu mãnh liệt là thể hiện bản thân nhằm phục vụ cho sự nghiệp cao cả, làm lợi cho toàn xã hội. Hoặc có rất nhiều người sẵn sàng hy sinh nhu cầu về an toàn bản thân, chấp nhận sự chết chóc nhằm cứu mạng người khác.

Như vậy, không luôn luôn có sự tuần tự nảy sinh và thỏa mãn các nhu cầu từ thấp đến cao mà sự nảy sinh và thỏa mãn có thể song song, thậm chí đảo lộn. Như hoạt động tình dục của con người, trong quá trình tiến hóa, nhận thức của con người về hoạt động tình dục có nhiều biến đổi. Khác với các động vật khác, tình dục không chỉ mang ý nghĩa “bảo tồn nòi giống” sinh con đẻ cái, mà còn mang ý nghĩa “tình yêu”, hay đối với một số người sau thời kỳ gọi là “giải phóng tình dục”, nó còn

mang ý nghĩa “thú tiêu khiển” (recreation). Rõ ràng là hoạt động tình dục của con người không chỉ là nhu cầu cơ bản thuộc tầng thứ nhất mà còn song song là nhu cầu thuộc tầng thứ ba. Nếu không đồng thời là nhu cầu thuộc tầng thứ ba tức nhu cầu thể hiện tình yêu trong sáng thì hoạt động tình dục chỉ là nhu cầu thuộc bản năng, là “thú tiêu khiển” đơn thuần mang lại biết bao hệ lụy khổ ải. Hoặc có sự đảo lộn, nhu cầu bậc cao trở nên cơ bản, chiếm ưu thế kiểm soát các nhu cầu bậc thấp. Như có nhiều người, ngay từ thời xa xưa, có nhu cầu thể hiện bản thân là sống vừa đủ, thể hiện qua câu nói: “Tri túc thường lạc” (Biết đủ thì sống vui) mà làm chủ các nhu cầu cơ bản (ăn, mặc, ở...) là thứ rất dễ được phóng đại làm hại xã hội.

Tháp nhu cầu Maslow gồm 5 tầng khi ra đời đã được ghi nhận là chưa toàn vẹn. Sau này, từ 5 tầng, nó được bổ sung tầng nhu cầu về nhận thức (cognitive) tức mong muốn được hiểu biết; tầng nhu cầu về thẩm mỹ



(aesthetic) tức nhu cầu thể hiện cái đẹp và thưởng thức các lĩnh vực nghệ thuật; tầng nhu cầu về sự siêu nghiệm (self-transcendence) tức nhu cầu thể hiện những gì nằm ngoài và trên bản ngã vị kỷ của con người như lòng bác ái, tính vị tha (có thể kể lòng thành cầu thấu đạt “vô ngã” của Phật giáo cũng thuộc tầng này).

Trở lại vụ cơ trường và tiếp viên của Hãng hàng không Vietnam Airlines bị phát hiện giấu vàng trong đế giày. Những người này đã thực hiện nhu cầu thể hiện bản thân là nhu cầu bậc cao theo cách sai trái. Biết bao vụ việc sai trái kiểu như vậy đã, đang và sẽ xảy ra trong cuộc sống của con người. Xét cho cùng, suốt quá trình tồn tại và phát triển, con người gây ra biết bao tàn nhẫn, khổ đau cho mình và cho người xuất phát từ “cái tôi” luôn muốn được bành trướng phóng hiện, cái “bản ngã” chứa quá nhiều dục vọng mà chính họ không kiểm soát được. Vấn đề được đặt ra là nếu con người thấu hiểu bản thân họ, tỏ ngộ sự xấu ác luôn hiện diện

và dục vọng luôn phóng hiện trong bản ngã thì phải chăng họ sẽ thể hiện bản thân khác đi thay vì thể hiện một cách sai trái? Rõ ràng là con người chỉ thể hiện bản thân một cách đúng đắn, lợi mình và lợi người, khi họ thấu hiểu bản thân, thấu hiểu toàn bộ quá trình của dục vọng không ngừng phóng hiện. Thiển nghĩ, tầng thứ năm nhu cầu Maslow nên là “*các nhu cầu thấu hiểu và thể hiện bản thân*” (self-understanding and actualization) chứ chỉ khu trú “*các nhu cầu thể hiện bản thân*” (self-actualization) là không đầy đủ.

Cách đây không lâu, tôi đã viết bài “*Học để sống và hiểu bản thân*” nhằm làm rõ hơn bốn trụ cột cho việc học của con người.

Dựa vào trả lời cho câu hỏi: “*Học để làm gì?*”, Ủy ban Quốc tế về Giáo dục của Cơ quan Giáo dục, Khoa học và Văn hóa thuộc Liên Hiệp Quốc (UNESCO) đã công bố bốn trụ cột cho việc học. Theo UNESCO, học là làm bốn việc sau, tức xây dựng bốn trụ cột của giáo dục theo tiếng Anh là: “*learning to know, learning to do, learning to live together and learning to be*”. Dịch sang tiếng Việt, ba việc đầu là: học để biết, học để làm, học để chung sống với người khác”, nhưng việc thứ ba thì ôi thôi, tiếng Việt mình phong phú quá, được dịch thành hàng lô việc như sau: học để xác lập mình, học để hoàn thiện mình, học để sống cho mình, học để khẳng định bản thân. Riêng “*học để khẳng định bản thân*” có vẻ được chuộng nhất vì đã có một số trường học trương bảng hoành tráng hoặc sơn chữ to trước mặt tiền trường nêu bốn trụ cột: “*Học để biết, học để làm, học để chung sống và học để khẳng định bản thân*”. Nếu học để khẳng định bản thân hay học để xác lập mình, học để sống cho mình dịch từ trụ cột thứ tư việc học của UNESCO thì rõ ràng là không ổn. Vì sao như vậy? Chính các con chữ như “*khẳng định*”, “*xác lập*”, “*sống cho mình*” rất dễ làm cho tâm thức tôn sùng “*cái tôi*” đưa đến bóp méo, làm sai lệch mục đích của việc học. Trên con đường phát triển, con người luôn luôn hiện hữu với “*cái tôi*” xấu xí. Thoát thai từ một động vật, con người dính liền với bản năng luôn phóng chiếu của đủ loại dục vọng. Đơn cử, một nhu cầu động vật trong con người là luôn mong muốn an toàn, an toàn về thể chất và an toàn về tinh thần - tâm lý và thường vì sự an toàn đó mà bất kể lợi ích của tha nhân. Từ đó con người sinh ra tham lam, đố kỵ, tị hiềm... trong quan hệ với nhau. Chính vì thế, tôi mạo muội đề nghị cột trụ thứ tư của việc học là “*học để sống và hiểu bản thân*”. Toàn bộ bốn trụ cột việc học theo UNESCO theo tôi là: “*Học để biết, học để làm, học để chung sống, và học để sống và hiểu bản thân*”.

Cũng với nhãn quan “*vô ngã*” mà tôi luôn gắng trau dồi, tôi mong muốn mọi người trong cuộc sống có nhu cầu tầng thứ năm của Maslow là “*nhu cầu thấu hiểu và thể hiện bản thân*” chứ không chỉ là “*nhu cầu thể hiện bản thân*”. ■



Một cuốn sách tham khảo thiếu ñoã tin cậy

VĂN THỨC

Sách “*Tóm tắt niên biểu lịch sử Việt Nam*” của hai tác giả Hà Văn Thư – Trần Hồng Đức được NXB Văn Hóa - Thông Tin ấn hành năm 2015. Đây là một tập sách thuộc loại tham khảo, giúp cho bạn đọc dễ dàng tra cứu về sự kiện, thời gian, nhân vật qua các thời kỳ trong lịch sử nước nhà.

Tuy vậy, khi đọc chúng tôi đã phát hiện cuốn sách có khá nhiều chỗ nhầm lẫn, hoặc thiếu ñộ tin cậy về mặt kiến thức lịch sử. Ở đây, xin tạm lược ra một số sai sót, nhầm lẫn đáng chú ý.

Ở trang 17, các tác giả viết: “*Nhà Thục (257-208 TCN) 50 năm, quốc hiệu Âu Lạc, kinh đô Phong Khê (Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội)*”. Sự thật từ trước đến nay, các sách lịch sử chính thống đã xuất bản đều thống nhất là nhà Thục thành lập năm 208 TCN; còn mốc thời gian 257 TCN thì hiện nay có một số tài liệu không chính thống để cập nhưng chưa ñủ sức thuyết phục, với ñộ tin cậy không cao. Là sách tra cứu nhưng các tác giả lại sử dụng tài liệu chưa ñược kiểm ñịnh kỹ là không ổn. Hơn nữa các tác giả tự mâu thuẫn với mình khi ở trên ñề mục ghi nhà Thục thành lập năm 257 TCN, nhưng ñoạn dưới lại viết: “*Năm 218 TCN, Tần Thủy Hoàng huy ñộng 50 vạn quân, chia làm 5 ñạo, ñi chinh phục Bách Việt... Các Lạc tướng ñã suy tôn Thục Phán là lãnh tụ chung ñể chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân Tần*”, như vậy chúng ta thấy ngay sự vô lý: Năm 218 TCN, các Lạc tướng mới tôn Thục Phán làm thủ lĩnh chung ñể chống quân Tần, ñiều ñó chứng tỏ lúc ñó ông chưa lên ngôi vua thì làm gì có chuyện ông ñã làm vua từ 39 năm về trước (năm 257 TCN) (!)

Tiếp theo, ở trang 18, các tác giả viết: “*Triệu Đà, người Hán, huyện Chân ðịnh, nhân lúc nhà Tần suy loạn giết Trường lại của nhà Tần, chiếm giữ ñất Lĩnh Nam, xưng ñể*

đòi ngang với nhà Hán, hưởng nước truyền ngôi ñược 5 ñời gần 100 năm”. Viết như vậy là không rõ ràng, ñể gây nhầm lẫn; sự thật Triệu Đà là một viên quan của nhà Tần ñược Tần Thủy Hoàng cử làm Huyện lệnh huyện Long Xuyên, quận Nam Hải (Quảng ðông ngày nay), nhân lúc nhà Tần suy yếu, ông ta ñã chiếm lấy vùng ñất Nam Hải ñể cát cứ.

Ở trang 21, sách viết: “*Năm Tân Sửu (41), nhà Hán sai Mã Viện hiệu “Phục Ba tướng quân” là viên tướng có nhiều kinh nghiệm chiến trận làm chủ tướng cùng với tên Lưu Long làm phó tướng và tên Lâu thuyền tướng quân Đoàn Chí ñem 20 vạn quân sang xâm lược nước ta*”. Mã Viện ñưa quân sang nước ta không phải vào năm Tân Sửu (41) mà là năm Nhâm Dần (42), Phục Ba tướng quân không phải hiệu mà là tước hiệu do vua Hán ban tặng. Quân Hán kéo sang ñợt này gồm hai vạn quân thủy bộ ⁽¹⁾ chứ không phải là 20 vạn như sách ñã viết; số liệu 20 vạn quân do các tác giả ñưa theo cuốn sách “*Các triều ñại Việt Nam*” của Quỳnh Cư – ðỗ ðức Hùng là không chính xác vì bản thân cuốn sách này chứa khá nhiều sai sót, nhầm lẫn, không phải là loại tài liệu lịch sử ñáng tin cậy.

Ở trang 68, khi các tác giả viết về cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý, ñã có ñoạn ca tụng quá ñáng, vừa không ñúng với sự thật lịch sử: “*Đúng vào lúc giặc Tống ñang bị ñồn vào tình thế khốn ñốn nhất, Lý Thường Kiệt hạ lệnh tấn công. ðó là một ngày cuối mùa xuân 1077. Trước hết, hai vị hoàng tử là Hoàng Chân và Chiêu Văn ñùng 400 thuyền chiến bắt ñờ ñánh mạnh vào khu vực ñóng quân của Quách Quỳ. Hoàng Chân và Chiêu Văn vừa ñánh vừa phô trương thanh thế, cốt thu hút toàn bộ sự chú ý của quân xâm lăng... Nhưng ñúng lúc Quách Quỳ và Triệu Tiết ñồn hết sức chú ý vào cánh quân của hai vị hoàng tử thì ñại quân do Lý Thường Kiệt chỉ huy ñánh*

dồn dập vào khu vực đóng quân của Triệu Tiết như sấm sét nổ trên đầu giặc. Đại bộ phận quân Tống ở đây đều bị tiêu diệt... Quách Quỳ và Triệu Tiết vội vã ra lệnh rút quân tháo chạy về nước”.

Sự thật, trận tấn công của quân nhà Lý vào quân Tống ở bờ Bắc sông Như Nguyệt trong một đêm mùa xuân năm 1077 đã không thành công. Quân ta vượt sông lúc nửa đêm, trời lạnh như cắt. Khi quân ta đổ bộ lên bờ bắc, quân Tống đã phòng thủ sẵn nghênh chiến, chúng dùng máy bắn đá bắn như mưa xuống sông làm chìm nhiều chiến thuyền của ta, một số quân Việt bị chết đuối trong đó có hai vị hoàng tử là Hoàng Chân và Chiêu Văn. Lý Thường Kiệt đành phải thu quân về phòng thủ bờ Nam sông Như Nguyệt. Quân Tống tiếp tục đóng ở bờ Bắc sông Như Nguyệt cho đến mùa hè 1077, lương thực cạn dần, trời nắng nóng, binh lính mệt mỏi, đau ốm bệnh tật. Trước tình hình đó, Lý Thường Kiệt chủ động giảng hòa; đang trong tình thế nguy ngập nên Quách Quỳ đồng ý ngay và sau đó vội vã rút quân về nước.

Sự sai lệch của các tác giả lại được tiếp nối khi viết về cuộc kháng chiến chống Mông Cổ thời nhà Trần: “...năm 1257, Hốt Tất Liệt sai danh tướng Ngột Lương Hợp Thai đem 10 vạn quân sang xâm lược nước ta,... để quốc Mông Cổ hung hãn và mạnh nhất thời đại bấy giờ (quân Mông Cổ đã chiếm đóng hầu khắp châu Âu đến tận Ba Tư và đã chiếm đóng gần hết Trung Quốc)”. Thực ra theo sử sách đã ghi chép từ trước đến nay thì lần thứ nhất xâm lược Đại Việt, quân Mông Cổ chỉ có 3 vạn thôi ⁽²⁾. Nói Mông Cổ chiếm đóng hầu hết châu Âu là phóng đại, sự thực Mông Cổ chỉ chiếm được một phần đất đai ở khu vực Đông Âu; và vào thời điểm 1257, họ chỉ mới chiếm được khu vực miền Bắc Trung Quốc, trong khi khu vực phía Nam vẫn do triều đình Nam Tống quản lý.

Khi biên soạn sách, có lẽ các tác giả không chịu tra cứu cẩn thận nên làm sai lệch cả sự thật lịch sử. Đơn cử như đoạn ca tụng danh tướng Trần Nguyên Hãn: “Theo lệnh của Lê Lợi – Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn lại một lần nữa thể hiện tài năng cầm quân xuất chúng của mình. Ngày 20 tháng 9 năm Đinh Mùi, Liễu Thăng kiêu ngạo tự đốc suất quân tiên phong từ ải Pha Lũy tràn xuống Chi Lăng. Lập

tức Trần Nguyên Hãn, Lê Sát tung quân ra phục đánh, chém được Liễu Thăng ở núi Mã Yên. Các trận đánh diệt viện binh diễn ra suốt tuyến đường từ Chi Lăng về Xương Giang. Nghĩa quân Lam Sơn dưới sự chỉ huy của viên dũng tướng tài giỏi, dày dặn kinh nghiệm, chỉ trong 25 ngày đã đánh bại 10 vạn binh hùng tướng mạnh của nhà Minh. Trong chiến công vang dội ấy, Trần Nguyên Hãn nổi lên như ngôi sao sáng chói” (tr. 172). Năm 1427, để đập tan đạo quân tiếp viện của Liễu Thăng, Bộ chỉ huy nghĩa quân Lam Sơn đứng đầu là Lê Lợi đã phái các tướng lĩnh như Lê Sát, Lê Ngân, Lưu Nhân Chú, Trần Lựu... đem quân lên Lạng Sơn chặn giặc; chính các ông này đã lập mưu mai phục giết chết tướng giặc Liễu Thăng tại ải Chi Lăng; còn Trần Nguyên Hãn thì lãnh nhiệm vụ đánh chiếm thành Xương Giang (thuộc tỉnh Bắc Giang ngày nay) làm cho bọn quân Minh tiến thoái lưỡng nan khi tràn từ Lạng Sơn xuống thì bị chặn mất đường tiến về Đông Đô (Thăng Long)⁽³⁾. Như vậy Trần Nguyên Hãn



không trực tiếp tham chiến ở trận Chi Lăng và không phải là người chỉ huy cao nhất trong chiến dịch Chi Lăng – Xương Giang như các tác giả đã cường điệu. Viết như thế, vô hình trung đã phủ nhận hết vai trò và công lao quan trọng của các tướng lĩnh khác như Lê Sát, Lê Ngân... trong chiến dịch này.

Khi viết về triều đình Tây Sơn, các tác giả đã vương một số sai lầm: “*Tàn quân của Tôn Sĩ Nghị chạy đến Phượng Nhãn thì bị đạo quân của đại đô đốc Lộc đồ ra đánh giết phải chui lủi theo đường rừng chạy về nước, khi qua Tuyên Quang, chúng cũng bị các đội dân binh người Tày đón đánh toi bời, phải vất vả lắm đám tàn quân này mới chạy được về đến Vân Nam*” (tr.220). Ở đây có một thiếu sót về kiến thức địa lý, do không phân biệt được địa danh nên đã “lấy râu ông nọ cắm cằm bà kia”: Cảnh quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị trực tiếp chỉ huy rút chạy theo tuyến đường Thăng Long – Lạng Sơn để về Quảng Tây, đến huyện Phượng Nhãn (Bắc Giang), thì bị quân Tây Sơn do Đô đốc Lộc chỉ huy đón sẵn chặn đánh, nên viên tổng đốc Tàu đã phải vất vả ẩn nấp, mũ măng, luồn rừng lội suối để chạy thoát thân qua biên giới. Còn Tuyên Quang ở tương đối gần phía tuyến đường Thăng Long – Lào Cai, cách quá xa Phượng Nhãn hàng trăm km nên cánh quân Tôn Sĩ Nghị không thể rút ngược theo đường đó; chỉ có cánh quân Thanh đóng ở Sơn Tây do Ô Đại Kinh chỉ huy đã chạy theo đường này về Vân Nam và không bị quân Tây Sơn tập kích vì mặt trận này chỉ là thứ yếu và xa xôi nên vua Quang Trung không điều quân lên mai phục ở đây. “*Vua Quang Trung đã sai Đô đốc Vũ Văn Dũng làm chánh sứ sang triều kiến vua Kiền Long. Vua Kiền Long đã chuẩn tấu gả công chúa khuê các sang đẹp duyên cùng Quốc vương nước Nam và tỉnh Quảng Tây được hứa sẽ nhường cho Quốc vương phò mã đống đơ*” (tr.221). Sự thực theo sử sách ghi chép từ trước đến nay, phái bộ Tây Sơn do Vũ Văn Dũng dẫn đầu đang đàm phán với triều đình nhà Thanh chưa đi đến kết quả thì nghe tin vua Quang Trung đã băng hà đành phải bỏ cuộc trở về⁽⁴⁾; không biết các tác giả dựa vào nguồn sử liệu nào để khẳng định như vậy?

Tương tự, khi viết về triều Nguyễn ở thế kỷ XIX, cũng có chỗ không chuẩn, sai chi tiết lịch sử, thậm chí không ổn cả về câu cú ngữ pháp: “*Dưới triều Minh Mệnh, nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra ở nhiều nơi như: Nông dân nghèo khổ nổi lên chống các quan lại những nhiều, hà khắc do Phan Bá Vành khởi xướng ở Bắc Bộ (Lê*

Duy Lương cứu thân nhà Lê) nổi lên chống lại triều đình Huế. Nông Văn Vân (người thiểu số) nổi lên ở Hòa Bình, Thanh Hóa... Minh Mệnh phải cử các tướng Trương Minh Giảng, Tạ Quang Cự, Nguyễn Công Trứ đem quân đánh dẹp”(tr.228). Ở đây các tác giả không viết rõ là Lê Duy Lương nổi lên ở đâu, còn Nông Văn Vân nổi dậy chống triều đình ở Cao Bằng chứ không phải Hòa Bình, Thanh Hóa. Các tướng đem quân dẹp Phan Bá Vành và Nông Văn Vân không có Trương Minh Giảng.

“*Đầu năm Tân Dậu (1861) giặc Pháp đánh chiếm thành Gia Định (Sài Gòn)... Tiếp sau đó năm 1867 triều đình Huế lại nhường nốt 3 tỉnh miền Tây Nam Bộ (Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên) cho Pháp, tức là toàn bộ Nam Kỳ trở thành nhượng địa của Pháp*” (tr.233)... Thật lạ lùng, vì sự thật quân Pháp đánh chiếm thành Gia Định từ ngày 17 tháng 2 năm 1859, còn đầu năm 1861 họ tiến công và phá hủy Đại đồn Chí Hòa, sau đó thừa thắng đánh chiếm luôn Biên Hòa và Định Tường cũng trong năm này; đến năm 1867, quân Pháp tiếp tục đánh chiếm 3 tỉnh Tây Nam Kỳ (Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên) chứ không phải triều đình Huế “*nhường nốt 3 tỉnh miền Tây Nam Bộ*” như các tác giả đã viết.

Cuốn sách chỉ non 300 trang in khổ nhỏ mà sai sót gần 50 lỗi lớn nhỏ khác nhau, đó là đã tái bản lần thứ 19 có sửa chữa và bổ sung theo lời các tác giả. Như vậy không biết là 18 lần xuất bản trước đây cuốn sách đã sai sót đến mức độ nào? Điều nguy hiểm là những người muốn tìm hiểu các sự kiện lịch sử, dùng sách này sẽ sai theo. Thật là nguy hại! ■

Chú thích:

1. Nguyễn Quang Ngọc – *Tiến trình lịch sử Việt Nam* – Nxb Giáo Dục, 2007, tr.41.

2. Đoàn quân Mông Cổ do Ngột Lương Hợp Thai chỉ huy khi đánh xuống Vân Nam có trên 3 vạn quân nhưng đã bị tiêu diệt rất nhiều, sau đó để bổ sung quân số, bọn tướng lĩnh Mông Cổ đã huy động gần 2 vạn gồm người dân tộc Di ở Vân Nam, người Lô Lô do Đoàn Hưng Trí (vua nước Đại Lý bị bắt và đầu hàng) chỉ huy làm tiên phong dẫn đường cho quân Mông Cổ đánh xuống Đại Việt (Huỳnh Nghi – *Lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quân sự thời cổ và trung đại* – TP.HCM, 2000).

3. Nhiều tác giả - *Lịch sử Việt Nam* (tập 3) – Nxb Trẻ, 2007.

4. Nguyễn Phan Quang – *Phong trào Tây Sơn và cải cách Quang Trung* – Trường Đại học Sư phạm TP.HCM, 2000.

Khoảng sân trước nhà

TƯ HƯƠNG

Trong tâm khảm những người đi xa, quê hương bao giờ cũng là hai tiếng yêu thương, tin cậy nhất. Quê hương về trong nỗi nhớ, lung linh kỷ niệm tuổi thơ, rất riêng trong ký ức mỗi người. Là cánh đồng trước làng, dòng sông đầu ngõ, là cánh cò chao nghiêng mỗi lúc chiều về, là con đường đất mịn, hàng tre xanh biếc quanh năm, là bờ giậu mẹ thả mỏng tươi, là sân gạch trước nhà rêu phủ... quê hương bao giờ cũng thật gần gũi, thân quen, “ai đi xa cũng phải nhớ nhiều”.

Cái sân trước nhà êm đềm qua mưa nắng tháng ngày, gắn bó với cuộc sống của người nhà quê hồn hậu, thân thương như khung cửa sổ, căn phòng, mái hiên. Nếu ngôi nhà là không gian khép kín của tổ ấm thì sân là không gian mở đầu tiên đưa người ta ra với thế giới bên ngoài. Bước xuống thêm nhà là góc sân dưới chân. Góc sân ấy gắn với buồn vui của cuộc sống thường ngày, với nhọc nhằn lam lũ của đời nhà nông vất vả, với những phút giây đầm ấm cả nhà bên nhau. Và không biết từ lúc nào, khoảng sân quen thuộc ấy trở thành nơi những yêu thương của tình thân trao gửi.

Khoảng sân trước nhà là nơi đếm những bước chân đầu tiên của mỗi người lúc mới lớn lên. Với những bước chân chập chững trong đời, trên hiên nhà, dưới khoảng sân bình yên, ta từng ngày khôn lớn. Có khi vấp chân ngã xoài giữa sân, lại đứng dậy phủ tay mà bước đi vững hơn. Rồi qua một thời chân bước lon ton, người ta lớn lên, đi trên đường đời, sẽ có những lần vấp ngã và ném trái những túi nhục đắng cay, có cả khi không bao giờ vấp dậy được, ta mới hiểu rằng không nơi đâu an toàn như khoảng sân trước nhà, nơi lỡ bị ngã ta có thể bị đau, có thể òa khóc vô tư nhưng khi đứng dậy thì vẫn vui cười.

Góc sân trước nhà nâng những bước chân ngày thơ bé xíu, từ những bước đi dè dặt đầu đời ta âm thầm lớn lên. Đối với trẻ con, khoảng sân là cả thế giới thần tiên của tuổi thơ hồn nhiên chưa biết lo biết nghĩ. Nơi góc sân

thân quen ấy, có những niềm vui không dứt. Đó là vương quốc của những trò chơi: bắn bi, đánh cù, chơi chuyền, chơi thẻ, chơi ông làng, chơi đồ hàng... mà không đứa trẻ ở quê nào không biết. Ở nơi ấy, mỗi sớm mỗi chiều, tiếng cười nói cứ đầy ăm ắp. Ai cũng có một trời tuổi thơ yêu thương để nhớ. Hẳn là trong ký ức mỗi người, góc sân sẽ hiện về với thật nhiều kỷ niệm ngọt ngào.

Khoảng sân trước nhà cho ta biết thương mẹ cha. Mẹ cha cả đời tần tảo, dáng gầy theo năm tháng in bóng trên sân. Vào những ngày mùa, sân là nơi phơi ngô, phơi thóc mà cha mẹ dầm mưa dãi nắng làm ra. Góc sân trước nhà là nơi cha sửa lại cái cày, cái cuốc mỗi sáng trước lúc ra đồng, là chỗ mẹ cho đàn gà ăn mỗi chiều làm đồng về, là nơi cha mẹ ngồi xuống nghỉ mệt, uống nhanh bát nước rồi vội vã đi làm. Khó nhọc bao nhiêu cũng chẳng bao giờ cha mẹ nói ra, chỉ mong cho con yên tâm ngồi học, như góc sân phơi mình mưa nắng, lặng lẽ cho ta tuổi thơ êm đềm.

Góc sân nhỏ trước nhà cho ta biết yêu gia đình, biết trân trọng hơi ấm tình thân. Còn gì quý hơn trên đời bằng tình yêu thương nơi tổ ấm. Đó là tình yêu thương vô tư, trong trẻo, ngọt mát, thủy chung cho đến trọn kiếp người. Sân trước nhà cho ta những chiều ngồi chuyện trò với mẹ, những sáng pha trà cho cha, những đêm trời mùa hè oi bức cả nhà ra ngồi ngắm gió. Thương những quả chín trong vườn cha hái về giấu trong thùng lúa để dành cho, nhớ những nồi chè mẹ nấu mỗi lần đi học xa về, góc sân nhỏ trở thành nơi thương yêu chia sẻ.

Rồi ai cũng phải lớn lên, có người phải đi xa, ngôi nhà xưa và khoảng sân sẽ dần lùi vào ký ức. Có người lại về cố hương, có người gửi thân viễn xứ. Rồi nhiều thứ sẽ khác dần. Nhưng tin rằng tuổi thơ, quê cũ có mái nhà yên bình, góc sân với những kỷ niệm êm đềm và hình bóng mẹ cha sẽ còn đẹp mãi, chẳng bao giờ đổi thay, là khung trời yêu thương cho ta tìm về mỗi lúc trên đường đời nghe đôi chân thấm mệt... ■

Phú quý có sinh lễ nghĩa?

LÊ HẢI ĐĂNG

Sau khi tốt nghiệp bước chân vào một cơ quan nghiên cứu, tôi từng bị người thân, bạn bè chế nhạo: nơi ấy chỉ dành cho những người già! Quả thật, viện nghiên cứu cách đây 20 năm hầu hết tập trung những cô, chú lớn tuổi, có thâm niên nghề nghiệp. Với tiền lương ít ỏi, người nhà lại tiếp tục than thở: lương cơ quan này trả cho những người đến để đọc báo, chứ không phải làm việc! Trải qua thời gian gần thử sức với công việc mà mình lựa chọn, tôi phát hiện ra những sai lầm ẩn sau suy nghĩ của đại đa số mọi người.

Nghiên cứu thực sự là một lĩnh vực không dành riêng cho người lớn tuổi. Kiến thức có được nhờ quá trình tích lũy, cũng như đạo hạnh nhờ tu dưỡng, tuyệt nhiên chẳng hề có liên quan gì đến tuổi tác. Tuổi già lão hóa theo quy luật tự nhiên, cũng chẳng có khả năng chuyển hóa một cách tự nhiên thành thứ tài sản, giá trị vô hình mà loài người tích lũy trong tiến trình lịch sử. Liên hệ với tình hình hiện tại càng thấy nội hàm của câu “Phú quý sinh lễ nghĩa” xa vời với hiện trạng xã hội. Mặc dù quan niệm “Phú quý sinh lễ nghĩa” củng cố khá nhiều niềm tin cho con người về khả năng chuyển hóa sức mạnh vật chất thành giá trị tinh thần. Đối với những quốc gia có nền văn hiến lâu đời càng có cơ sở duy trì tính lưu truyền văn hóa phản ánh bên trong thực thể xã hội. Có điều, suy thoái đạo đức, khủng hoảng niềm tin đang tạo ra những thách thức cho các quốc gia từng tự hào về truyền thống lễ nghĩa mấy nghìn năm. Trong lịch sử phát triển kinh tế, nước Trung Quốc hiện đại đang ở giai đoạn cường thịnh nhất chưa từng có, vượt xa thời kỳ nhà Tần trước Công nguyên, thời Đại Đường vàng son, rực rỡ, mà người Hoa ly tán khắp nơi trên thế giới vẫn tự hào nhận mình là người Đường, khu China Town ám chỉ phố người Đường (Đường nhân nhai)... Chính phủ Trung Quốc hiện là chủ nợ của cả nước Mỹ siêu cường, có khối lượng tài sản khổng lồ khiến các thế lực bên trong và bên ngoài phải nhòm ngó một cách thù địch góp phần làm hình thành các nhóm lợi ích. Song, đứng trước sự phát triển kinh tế nhanh chóng, ngoạn mục sau hơn 30 năm cải cách mở cửa, lễ nghĩa vốn là tài sản vô hình của đất nước mấy nghìn năm tuổi này mau chóng bị thui chột, xói mòn, thậm chí biến mất. Giới trẻ Trung Quốc ngày nay không thèm đếm xỉa gì đến những giá trị từng đem lại niềm tự hào cho đất nước. Tượng Khổng Tử, ông

tổ của lễ nghĩa Nho gia được sử dụng như một công cụ chính trị, lúc trưng bày giữa Quảng trường Thiên An Môn rộng lớn, lúc di dời vào góc khuất. Bởi vậy, nhà điêu khắc đã sáng tạo hình tượng Khổng Tử với vẻ mặt đăm chiêu, đầy ưu tư! Từ đó, người ta có thể nhận thấy ngay rằng, đạo đức, văn hóa không hề tăng trưởng cùng với đời sống kinh tế. Mặt khác, quá trình thay thế giá trị truyền thống lâu đời bằng nền đạo đức cách mạng chưa qua kiểm chứng trong sinh hoạt đã biến vùng đất văn hóa nghìn năm thành sa mạc. Trong khi tại hòn đảo nhỏ Đài Loan, xuất phát từ hệ lụy lịch sử đã sớm tách khỏi đất nước Trung Hoa đại lục, lại duy trì, xiển dương nhiều giá trị truyền thống. Người Đài Loan giúp cho Trung Quốc giữ được nhiều giá trị văn hóa tốt đẹp. Nơi đây vẫn bảo lưu văn tự phồn thể, các chuẩn mực trong giao tiếp và đặc biệt là không tiến hành cuộc cách mạng làm sa mạc hóa như thời Cách mạng văn hóa động trời. Hòn đảo nhỏ này cũng không rơi vào chủ nghĩa sùng bái cá nhân, chỉ biết suy tôn một người, ý lại vào sự anh minh lãnh tụ. Chính thể dân chủ kết hợp hài hòa với truyền thống văn hóa ngàn năm khiến cho Đài Loan vượt qua nhiều giai đoạn khó khăn, sớm trở thành một trong những con hổ châu Á.

Có thể làm phép so sánh tình trạng bảo lưu văn hóa truyền thống trên hai khu vực Trung Hoa đại lục và bán đảo Đài Loan nhỏ bé. Đài Loan nhờ thoát khỏi sự kiểm tỏa của Trung Quốc mà sớm hóa hổ, đặc biệt có công giữ gìn cho Trung Quốc nhiều giá trị văn hóa ngàn đời. Đứng ở khía cạnh văn hóa, Đài Loan đã ngăn cản đáng kể dòng suy thoái đạo đức ở Trung Quốc rộng lớn. Nơi đây không chỉ duy trì nhiều tập quán truyền thống, phát huy bản sắc trong điều kiện tiếp cận với trào lưu văn minh, tiến bộ trên thế giới, mà còn giữ được khoảng cách nhất định giữa hai bờ eo biển. Người ta có thể nhận thấy ở Đài Loan một Trung Quốc nhân văn trong quá khứ, không hề bị mất gốc. Vậy, có thể khẳng định rằng: Lễ nghĩa không sản sinh trên cơ tầng của phú quý. Tôn giáo, triết học, nghệ thuật... cũng vậy. Giá trị vật chất có thể tạo nên sự bình đẳng, còn giá trị tinh thần dựa trên nền tảng của sự khác biệt. Hai thuộc tính đó khó thể chuyển hóa được cho nhau. Điều này chỉ ra tính hoang tưởng trong tư duy Kinh tế quyết định luận.



Nguồn: www.vov.giaothong.vn

Đạo đức xuống cấp bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, nếu nhìn dưới góc độ lịch sử, cải cách ruộng đất, cách mạng văn hóa và phát triển kinh tế theo xu hướng quật khởi tác động sâu sắc đến những biến đổi văn hóa. Cách thức hàn gắn vết thương xã hội thông qua biện pháp khôi phục truyền thống, pháp chế hóa văn hóa ngày nghỉ và ngày lễ tuy có những tác dụng tích cực, song tình trạng sa mạc hóa văn hóa vẫn tiếp tục phát tác âm thầm do di chứng của Cách mạng văn hóa để lại quá nặng nề cùng với nguồn sức mạnh chuyển hóa từ biến đổi xã hội. Các ngày hội truyền thống tuy được phục hồi, nhưng chủ yếu duy trì loại hình văn hóa du hí, ẩm thực; còn bộ phận nghi lễ quan trọng từ lâu đã không còn khả năng tái sinh, đặc biệt là bản chất thiêng liêng ở nghi lễ. Tại các đô thị lớn ở Trung Quốc, không gian cư trú của thị dân đã biến đổi hoàn toàn. Ngôi nhà không còn là sở trú của thần linh. Tín ngưỡng dân gian đa thần chỉ bảo lưu ở những vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa... thậm chí ngay cả tục thờ cúng tổ tiên truyền thống cũng không còn duy trì. Trong khi người Hoa hải ngoại, ly tán khắp nơi trên thế giới vẫn bảo lưu văn hóa truyền thống, tín ngưỡng đa thần... Cõi thiêng trong một ngôi nhà bị tước đoạt, xóa sổ, vô hình trung làm mất đi cơ năng giám sát của các vị thần khiến cho hành vi đồi bại tăng thêm cơ hội phát tác. Đó là nguyên nhân lý giải tại sao con người hiện đại càng ngày càng sống trong tiện nghi, song chẳng thể chuyển hóa

Phú quý thành Lễ nghĩa, thậm chí đang xuất hiện nguy cơ chuyển Phú thành Họa. Tệ tham nhũng chủ yếu tập trung vào phần tử có địa vị xã hội, quyền thế, giàu sang... Tình trạng đó phản ánh những rạn nứt bên trong cơ thể xã hội, có khả năng tích tụ nguy cơ đem đến tai họa cho đất nước.

Lễ nghĩa nói riêng và đạo đức nói chung là công trình xây dựng trên mảnh đất hiện thực của xã hội. Công việc này đòi hỏi phải tiến hành thường xuyên, lâu dài. Lễ nghĩa không hình thành từ kết quả phát triển kinh tế, càng không phát sinh theo tư duy "Phú quý sinh lễ nghĩa". Không có công ty bảo hiểm nào cung cấp loại dịch vụ về niềm tin, lễ nghĩa, hiếu thảo... Những tổ chức liên quan, như giáo dục, văn hóa, pháp luật... cần thấy rõ trách nhiệm thiết kế, tạo dựng môi trường sinh thái nhân văn cho những giá trị đạo đức tồn tại. Không thể đùn đẩy trách nhiệm cho toàn dân, toàn thể xã hội, như vậy, quá trình phục hồi giá trị đạo đức sẽ tiếp tục rơi vào bế tắc. Khái niệm toàn dân, toàn xã hội vốn đã tù mù về mặt nội hàm, không phân định quyền hạn, trách nhiệm các bên liên quan và không có khả năng truy cứu trách nhiệm trong hoạt động thực tiễn. Vì vậy, trong điều kiện giá trị đạo đức nền tảng bị xâm hại, cần ưu tiên sử dụng công cụ pháp luật, pháp chế hóa như một biện pháp tạm thời nhằm củng cố địa vị xã hội của hệ thống chuẩn mực đạo đức. Có như thế, lễ nghĩa mới có cơ hội được tiếp tục hồi sinh trên mảnh đất văn hóa bạc màu. ■



Hợp tác là giúp đỡ nhau

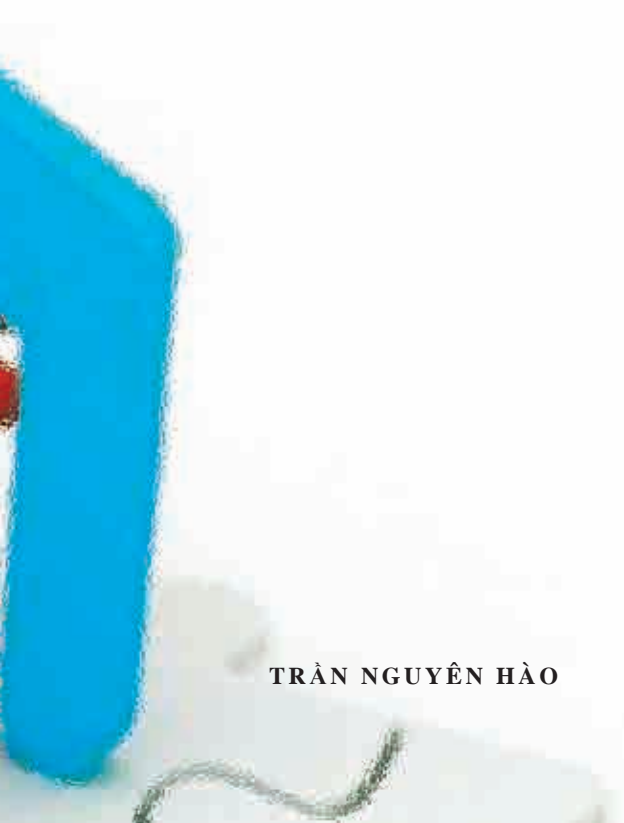
Cùng với những người khác chung tay, góp sức hoàn thành những mục tiêu mà cuộc sống và công việc đặt ra, chúng ta đều nhận được nhiều lợi ích và giá trị tốt đẹp và có những cảm nhận bổ ích khác nhau. Hợp tác là một nhu cầu cần thiết trong công việc giúp chúng ta giải quyết việc riêng cũng như việc chung tốt hơn và hiệu quả hơn, đồng thời người biết hợp tác sẽ luôn nhận được sự hợp tác của người khác. Thế nhưng nhiều người vì những lý do khác nhau lại không có thói quen thường xuyên hợp tác với người khác.

Có ông trí thức làm việc thành phố khi về hưu mua đất làm nhà ở một làng quê. Với thói quen của người làm việc cơ quan ở thành phố, ông không coi trọng sự hợp tác của những người nông dân đối với gia đình và sống khá khép mình, chỉ quan hệ với láng giềng khi cần thiết. Cho đến một ngày, khi xã thông báo cho các hộ gia đình tham gia đào cây, dọn cỏ đoạn đường đi qua nhà mình để chuẩn bị làm đường bê-tông đáp ứng tiêu chí nông thôn mới, thì ông rất lo vì gia đình ông ít nhân lực mà thuê người làm thì không phù hợp. Sáng ngày diễn ra buổi lao động công ích, mọi lo lắng của ông đã tiêu biến khi đoàn thanh niên và nhiều người dân khác đã giúp đỡ những nhà neo người như

gia đình ông. Những người mà ông chưa từng gặp mặt không những đã vui vẻ giúp ông hoàn thành nhanh chóng đoạn đường trước nhà theo phân công mà còn hỏi han, quan tâm đến cuộc sống của gia đình ông nữa. Ông đã thay đổi suy nghĩ về sự hợp tác ở làng quê, nơi những người nông dân chân lấm tay bùn với tinh thần tự lực tự cường sớm chiều cày sâu cuốc bẫm trên thửa ruộng của mình. Cảm ơn những người đã giúp đỡ mình, ông đã hợp tác với những người khác trong xã tiếp tục công việc công ích ngày hôm ấy.

Câu chuyện trên đã khắc sâu trong chúng ta một điều giản dị mà rất ý nghĩa là phải biết hợp tác. Người biết hợp tác trước hết là người thân thiện, cởi mở, luôn sống gần bó, đoàn kết với mọi người; là người biết phát huy sức mạnh tập thể và biết khiêm tốn, học hỏi; là người luôn đề cao, trân trọng những sự đóng góp của người khác dù là nhỏ nhất.

Khi bạn là người biết hợp tác, điều bạn nhận được đầu tiên là món quà tình cảm từ những người khác. Sự nhiệt tình, trách nhiệm, sự chia sẻ khó khăn; sự chung tay góp sức cùng với những người khác là nguồn vui, niềm hạnh phúc và cảm hứng cho bạn trong công việc. Sự hợp tác giúp bạn và những người khác xích lại gần nhau hơn, hiểu nhau và thông cảm với nhau, yêu



TRẦN NGUYỄN HÀO

thương nhau hơn. Từ những người mới quen cùng làm việc với nhau, khi hợp tác, bạn và họ sẽ trở thành những người bạn. Đây là điều mà cha ông ta từ xưa trong lao động chinh phục thiên nhiên đã thể hiện và làm gương cho con cháu noi theo. Trong tâm thức của tôi, câu ca dao sau có sức lay động đến ám ảnh bởi nó giàu tình cảm và khơi gợi trí tưởng tượng: “*Nhớ mùa toóc¹ rã, rơm khô/ Bạn về quê bạn, biết nơi mô mà tìm*”. Câu ca dao chẳng thấy bóng dáng của người dân, chẳng thấy cảnh lao động đang diễn ra. Vụ mùa thu hoạch đã qua, kết quả lao động kết thúc, cánh đồng sau mùa gặt hái trở nên vắng tênh và buồn tẻ, không còn sức sống với “toóc rã, rơm khô” nhưng người đọc vẫn hình dung và tưởng tượng ra cảnh lao động hăng say, vui vẻ, sôi động trong đó những người nông dân chân lấm tay bùn đang hợp tác lao động nhịp nhàng với nhau, ai đó rót nước mời nhau rôm rả thân tình. Điều đáng nói ở đây là mối quan hệ giữa những người lạ - sau những ngày mùa làm việc, họ đã trở thành bạn. Những người lạ là người dân bản địa và những người dân làm thuê ở địa phương khác đến. Phải có một thời gian làm việc nhiệt tình, gắn bó, quan tâm lẫn nhau và mến nhau thì khi xa mới có sự nhớ nhung, luyến tiếc đến mức họ phải thốt lên rằng “Bạn về quê bạn, biết nơi mô mà tìm”. Đó là những giá trị cuộc

sống có ý nghĩa hơn cả những lợi ích về hiệu quả công việc từ sự hợp tác mang lại. Vì vậy sự hợp tác của người khác mà bạn nhận được không chỉ đơn giản thể hiện ở sự chung tay, góp sức, sự đóng góp về kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng giúp bạn và mọi người hoàn thành công việc tốt hơn mà còn ở những điều tốt đẹp khác.

Nhiều người chỉ nhìn nhận sự hợp tác như một phương pháp làm việc mà chưa chú trọng đến nền tảng làm nên hiệu quả và chất lượng của nó - đó là lòng can đảm, suy xét thấu đáo, sự quan tâm chăm sóc và chia sẻ với người khác. Trước hết là bạn phải biết can đảm nhận ra những hạn chế về nhận thức, kỹ năng, khả năng làm việc của mình, nói ra trước tập thể để nhận được sự giúp đỡ, cộng tác và can đảm đón nhận những lời phê bình, góp ý. Bạn phải biết can đảm vượt qua khó khăn, sẵn sàng đón nhận những công việc khó khăn, thử thách chứ không phải là đùn đẩy cho người khác. Tinh thần can đảm chính là tinh thần trách nhiệm của mỗi người.

Cũng cần có sự suy xét thấu đáo trước và trong khi hợp tác. Bạn phải biết lựa chọn cần phải hợp tác với ai, hợp tác như thế nào để có hiệu quả. Trong khi hợp tác, bạn cần biết được đặc điểm, thế mạnh, sở trường của mình của người khác; biết được tính chất, yêu cầu công việc để bạn và những người mình hợp tác biết phân công, phối hợp công việc tốt hơn. Hãy nhìn nhận các đối tác như năm ngón tay trên một bàn tay: có ngón ngắn, ngón dài, mỗi ngón có thế mạnh khác nhau nhưng đều gắn liền với nhau và cùng nhau hợp lực làm nên sức mạnh của một bàn tay. Bạn cần phải thấu hiểu những người đang hợp tác với mình, đồng cảm với họ và hiểu được ý tưởng, phương pháp làm việc của họ để có sự đồng thuận cao và phát huy sức mạnh từng người và sức mạnh tập thể.

Nền tảng vững chắc nhất của sự hợp tác là sự quan tâm chăm sóc và chia sẻ với người khác. Trong suy nghĩ của nhiều người, hợp tác chỉ là sự hợp lực và tương tác với nhau trong quá trình làm việc, chỉ là sự phân công và phối hợp nhau để làm việc; hoặc hợp tác chỉ là một kỹ năng làm việc nhóm. Họ chú trọng nhiều đến yếu tố công việc - xem hợp tác là phương pháp, cách thức làm việc mà ít chú trọng đến yếu tố tình cảm giữa con người. Trong khi hợp tác thật sự hiệu quả và có ý nghĩa khi mỗi người xuất phát từ tấm lòng rộng mở, mong muốn những điều tốt đẹp đến với người khác để hỗ trợ, giúp đỡ họ. Đôi khi chỉ cần một lời hỏi han, động viên nhau, một cử chỉ nhỏ như đưa một chiếc khăn cho nhau sẽ xoa tan đi tất cả mệt nhọc và tạo động lực làm việc tốt hơn cho mỗi người. Hợp tác là cơ hội giúp mọi người xích lại gần nhau hơn, thấu hiểu nhau hơn và hòa vào nhau để biết yêu thương nhau. Và bạn sẽ nhận được niềm cảm hứng trong công việc và thật sự hạnh phúc bên cạnh những hiệu quả công việc đạt được. ■

1. Toóc, tiếng địa phương, có nghĩa là gốc rạ.

Kyùөөѳ thàng Tồ

NGUYỄN VĂN ƯƠNG



Cuối xuân, trời xứ Huế đã chia tay hẳn cái rét giêng hai để cái nóng đón những đợt gió Lào bắt đầu tràn về nung chín cây trái. Sau vườn, những chùm quả cam, quít, bưởi, thanh trà... đang kỳ thiếu niên trong khi vài đã vào mùa, nhãn bắt đầu cho vào lồng dưỡng ngọt trái. Dưới hồ, sương mai vo tròn hạt nước chao động theo gió lung linh những tấm lá sen. Hồ đã bắt đầu cho hoa, những cánh sen trắng nõn nà rập rình giữa thảm lá xanh đung đưa với bóng nước. Trên đường đến trường, phượng đã nhú những nụ hoa đỏ mời gọi tiếng ve mùa hè.

Tháng Tư hè về, học sinh rạo rức vào kỳ nghỉ dài cuối năm học:

*Sung sướng quá giờ cuối cùng đã hết
Đoàn trai non hơn hờ rủ nhau về
Chín mươi ngày nhả nhót ở đồng quê
Ôi tất cả mùa xuân trong mùa hạ...!*

(Nghỉ hè - thơ Xuân Tâm)

Và

*Trời hồng hồng
Sáng trong trong
Ngàn phượng rung nắng ngoài song
Cành mềm mềm
Gió ru êm*

Lọc màu mây bích ngọc qua màu duyên...!

(Hè về - nhạc Hùng Lân)

Ngày hè vui chơi thỏa thích bỏ công bù lại những tháng ngày miệt mài đèn sách. Hè sao mà vui thế! Về quê nhẩn nha bên ruộng lúa xanh vờn ngọn sóng, bên con trâu với đám mục đồng chiều chiều ve vút tiếng sáo diều ngoài bờ đê. Thích quá!

Tháng Tư mùa thi, những học sinh cuối cấp chuẩn bị hành trang từ già trường cũ để vào giai đoạn mới với nhiều điều mới mẻ đang chờ phía trước. Phải hoàn thành thật tốt những điều đã học tập với thầy cô, cùng bè bạn những ngày qua để dọn mình vào ngôi trường mới: Lớp Nhất (lớp 5) thi Tiểu học rồi Concours vào lớp Đệ thất (lớp 6) trường công lập. Lớp Đệ tứ (lớp 9) thi Trung học Đệ nhất cấp để lên lớp Đệ tam (lớp 10) Đệ nhị cấp. Lớp Đệ nhị (lớp 11) thi Tú tài một, lớp Đệ nhất (lớp 12) thi Tú tài hai và... còn nhiều kỳ thi ngành nghề để học sinh con nhà khó "rẽ bước sang ngang" vào đời kiếm công ăn việc làm. Thi "mệt" mà "vui". Nhưng thử hỏi không thi thì tháng Tư bây giờ còn gì để nhớ... để có kỷ niệm tuổi học trò hoa bướm!

Tháng Tư mùa Phật đản, những oanh vũ tíu tít tập hát, học kinh, tham gia sinh hoạt Gia đình Phật tử, góp tay chung sức cùng anh chị thiếu, thanh, huynh trưởng trang trí xe hoa mừng Đản sanh. Chiếc xe hoa của khuôn hội phải thật đẹp, nhiều ý nghĩa, nhiều màu sắc để dự lễ ở chùa Từ Đàm và sáng mai, diễn hành qua phố xá.

Điều Đăng đàn cung tha thiết:

*Vui mừng gặp ngày nay mừng Tám tháng Tư
Ngày khánh tiết Phật Thích-ca ngài
Hiện về Ca-tỳ-la-vệ trong đời khổ nạn Đức Từ Bi.
Dày công đức độ chúng tam thừa
Vượt vòng vô minh triển phước chứng tâm tỏ bày
Chúng con cùng một lòng tin qui y Phật-đà...*

(Lời và nhạc Bửu Bác)

Và điệu tân nhạc rộn ràng:

Ngày mồng Tám tháng Tư về đây

Ngày trần gian chào đón đức Phật Từ Tôn chúng ta

Ngàn ánh sáng tung bùng lan trong nắng mai

huy hoàng

Ngày mồng Tám tháng Tư lòng vang

Đài sen ngát trầm hương hòa lòng thành tâm

chúng ta

Nguyện nhớ ơn dày cao Đức Từ Bi..."

(Mùng ngày Phật đản-?)

Lúc ấy lễ Phật đản còn tổ chức vào ngày 8/4 âm lịch hàng năm.

Nhạc vang lừng theo đoàn xe hoa diễu qua các phố trong niềm háo hức của Phật tử và con dân Thần kinh. Thật thương cho Gia đình Phật tử ở làng, mấy bé oanh vũ không được hân hạnh tham gia diễu hành vì khuôn hội không có xe hoa. Làng xa Huế quá mà!

Có một tháng Tư của cậu học trò vừa thi Trung học Đệ nhất cấp xong. Kỳ thi có kết quả chỉ trước lễ Phật đản vài ngày. Một đám bạn bè tổ chức du ngoạn dã ngoại vui Tết Phật đản và chia tay tháng ngày trường cũ. Từ chùa Bảo Quốc lên Từ Đàm qua Trà Am rồi cuối cùng ngược đường về Thiên Mục. Đám trẻ ngộ trai cơm chùa rồi quây quần vui chơi dưới bóng râm vườn cây sau chùa. Có chú tiểu đang tu học tại chùa là bạn học cùng lớp Đệ tứ. Bạn bạn bận với nhiều công việc của một tu sinh trong ngày đại lễ vẫn thỉnh thoảng ghé lại góp vui với đám bạn trẻ một hai phút. Đến rồi đi. Đi rồi đến. Thương chú quá! Giới luật nhà chùa mà!... Hàng cây và xanh um cuối vườn chùa chỉ chít trái non. Thềm nhỏ dãi mấy ai dám xin vài trái. Ngày ấy, chùa nào cũng có trồng loại cây này. Hàng và chùa làng tôi, hàng và chùa Linh Sơn ngay trung tâm thành phố Đà Lạt sau này, đã cho tôi những bữa ngộ trai ở nhà tăng với nhiều món ăn từ trái vả. Đó là nguồn thực phẩm hàng ngày của nhà chùa. Bây giờ vào những nơi cũ, tìm lại... như là chuyện ngày xưa...

Một tháng Tư mùa Pháp nạn. Nhiều tiếng bom nổ giữa đêm Phật đản ở nơi hàng ngàn Phật tử đang nghe pháp thoại giữa sân Đài phát thanh Huế, bên cầu Trường Tiền. Xe thiết giáp tràn vào, nhiều Phật tử đã ngã xuống sau mấy tiếng nổ kinh hoàng. Trời tháng Tư oi bức nhuộm thêm màu máu tử đạo làm cả thành phố bùng lên ngọn lửa đấu tranh bảo vệ đạo pháp. Ngọn lửa lan nhanh đến Sài Gòn, Đà Lạt và nhiều tỉnh thành khác, mở đầu cho một vận hội chuyển mình. "*Dân là nước. Nước chở thuyền nhưng nước cũng lật thuyền*". Chân lý ấy người xưa đã đúc kết, xin những ai quan tâm đến vận mệnh đất nước đừng quên đi hay bỏ qua điều này.

Một tháng Tư nữa, vui thật vui mà cũng đôi chút ngậm ngùi. Hàng triệu gia đình đoàn tụ lại cũng có hàng triệu người khác ra đi. Súng đạn hận thù đã dẫn

đi vào quá khứ. Mấy chục năm chiến tranh máu thành sông, xương đầy núi đã kết thúc, non sông liền một dải. Ngày ấy, hai tiếng "đồng bào" đã hòa hợp giữa những con người từng đứng hai bên đầu súng, kéo họ lại gần nhau, xóa đi bờ ranh chiến tuyến. Nhưng ... Mặt nhìn nhau vẫn còn ngại ngùng. Ngại ngùng dài đến 40 năm sau, đến nỗi cả nguyên Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết trò chuyện trên trang Vietnamnet Online ngày 27/4/2015 còn dẫn đo:

"Chúng ta phải tìm cách kéo họ về như những người anh em, đồng bào cùng chung Tổ quốc, chung giống nòi, làm sao ranh giới này dần dần bị nhòa đi. Hòa giải dân tộc có hiệu quả, để không còn lẩn cấn trong tâm thức về điều này nữa".

Những lớp trẻ lớn lên như những búp măng non nghe cha anh kể lại những thước phim thời sự đất nước thời chia cắt cứ ngỡ như là huyền thoại giữa đời thường.

Chung quanh ta bất trắc vẫn còn. Lòng tham còn ngự trị thì chiến tranh chưa có ngày tàn. Biển Đông đã có nguy cơ dậy sóng. Thế giới ngập trong chết chóc đau thương vì những nguy tín mù quáng, vô minh. Nguyện cầu Đức Từ Bi gia hộ thế giới hòa bình, chúng sinh an lạc để những tháng Tư Vesak mãi hoan hỷ trong hồng ân Tam bảo. ■





Lọn nắng tháng Tư

TRƯỜNG KHÁNH

Thương mơ mùa lễ hội.
Lọn nắng tháng Tư về,
Em mặc áo lam vôi,
Nhẹ bước trên đường quê.

Chuông chùa ngân nga vọng,
Âm thừa giải thoát đưa,
Dẫn tâm về nguồn cội,
Đều đặn dù nắng mưa.

Nắng tháng Tư mở lối,
Đê: Hiếu - Thương lên ngôi,
Suối nguồn từ bi hiện,
Soi sáng cho cuộc đời.

Ngày lành tháng Tư đến,
Hân hoan đón Phật về,
Đạo từ bi hóa hiện,
Tâm dào dạt tình quê.

Nắng dịch xê nguồn sáng,
Vấn đậm nét tình thương,
Hoa Vô ưu viên mãn,
Hương Từ Bi mở đường.

Mười phương hoa ngào ngạt,
Xông thơm Lâm-tỳ-ni,
Tất-đạt-đa Bồ-tát,
Tri - Hành đạo Vô Vi.

Mùa hạ lại về

THẠCH THỊ SƠN CA

Đến rồi những cơn mưa
Gội bầu trời mát rượi
Cánh đồng lúa xanh rờn
Cây dâm chồi non mới...

Tiếng gọi chiều trong gió
Tiếng ếch nhái trên đồng
Tiếng một thời xa vắng
Bỗng ủa về mênh mông...

Cò sải cánh qua sông
Bay dọc miền thơ ấu
Vô tư bầy chim sáo
Hót líu lo bên chùa...

Mùa hạ về trong mơ
Bữa sau về quê ngoại
Trâu theo đàn ra bãi
Con nước rờn bắt cua...

Mùa hạ đầy ước mơ
Tung tăng cùng lũ trẻ
Chơi chơi gà, bắt dế
Thả hồn theo cánh diều
Rời "dung dăng dung dề"
Trăng bên trời ngó theo...

Hạ vàng

NGUYỄN TỪ

Mới đây xuân đã tàn rồi
Hè sang oi ả tới bởi lá hoa
Ve sầu non nỉ ngâm nga
Giọng buồn trôi khúc ly ca nỡ nùng
Mái trường phượng đỏ chờ mong
Báo mùa thi cử vạn lòng âu lo
Vắng xa trong gió lơ thơ
Kêu cà tiếng võng... àu ơ ví dầu...
Tiếng gà eo óc vườn sau
Bờ tre kêu kẹt lao xao gió lùa
Đầm sen hoa nở lụa thưa
Bềnh bồng hoa nắn chờ mùa hè sang
Êm êm chiều xuống bên đàng
Cánh diều căng gió hạ vàng thênh thang.

Xuân Yên Tử

VŨ XUÂN HỒNG

Đường Tùng cổng nắng tinh khôi
Mây bay dẫn Khách
Về nơi
Cửa Thiên

Non cao bậc đá treo nghiêng
Xôn xao rừng Trúc
Linh thiêng
Tháp chùa

Suối reo vọng tiếng người xưa
Hạt sương núa vạt
Chuông chùa
Thắm sâu

Lắng lòng, hoan hỷ, thỉnh cầu
Cỏ non hồn cuội
Nhuộm màu
Chân kinh...!

Dấu lặng

NGUYỄN THỊ BÌNH

Tháng năm qua ngô vắng
Gió cuộn mình chênh chao
Tiếng gà khua trưa lặng
Ngõ quê bước ai về
Kỷ niệm còn đâu đó
Phía ngày xưa lạc về
Vẫn hàng râm bụi đỏ
Vọng tiếng cười trẻ thơ
Lối xưa ai về lại
Phập phồng bong bóng mưa
Vườn mùa sai cây trái
Chim dáo dác gọi đàn
Bàn chân qua ngô vắng
Chợt vấp phải ngày xưa
Roi trong lòng dấu lặng
Tháng năm xưa... bây giờ...

Tâm

PHAN THÀNH MINH

Tâm từ trải khắp thời hoa
Hân hoan nắm níu tình ta với người
Sẽ chia no ấm ngọt bùi
Gián lao vất vả nụ cười vẫn thơ

Vịn câu ru mẹ ầu ơ
Vô tư trước những khôn khờ chẳng xong
Ghét ganh đem giấu vào lòng
Ngọt ngào cả những điều không ngọt ngào

Sân si hơn thiệt thấp cao
Lao tâm khổ tứ ồn ào thị phi
Mua sàu chuốc nảo mà chi
Không danh không lợi có khi nhẹ lòng.



Troà trên dòng thời gian traँग Xóa

NHUY NGUYỄN

Lần đầu tiên chăm người nhà nằm viện thật khó diễn tả cảm xúc. Những tấm áo trắng ảo ảnh đôi lúc hiện cả vào trong giấc mơ. Nếu không gặp em, cái ký ức buồn bã thẹn thùng đã mãi nằm lại như một khối u trong tim không bao giờ được chữa trị. Em nhìn tôi ngơ ngác, gần như chết lặng. Quay đi. Căn phòng chật với ba chiếc giường đơn. Người con gái lẽ ra là vợ (để bây giờ tôi đưa em vào viện săn sóc); ai hay... Tôi toan bước tới, sẽ cầm lấy tay em. Nhưng người thanh niên nằm trên chiếc giường ấy khiến tôi khựng lại.

Không thể gây thêm phiền phức với em nữa. Không cần biết người đàn ông kia đối xử với em ra sao, tôi biết em chắc hạnh phúc. Bởi họ không như tôi, chạy trốn khỏi một con bệnh hiểm nghèo là em. Em vẫn hao gầy và đôi mắt thăm thẳm. Hình ảnh em gục xuống bởi cơn choáng nhẹ hiện về rõ nét. Chụp phim mới hay có khối u trên đầu. Tôi bàng hoàng, tưởng không còn gượng dậy nữa... Chồng em bỗng úp người và ọe. Thì ra không phải em nằm viện. Tại sao? Sao ông trời lại đẩy hai người cùng mắc bệnh hiểm nghèo đến với nhau? Căn bệnh của em phát triển đến mức nào rồi?? Chồng em ngăm đen, hơi thấp, nhìn khuôn mặt đoán biết người dân tộc. Một thanh niên vâm váp, bị u vòm họng.

Ngày hạ, lâm râm mưa. Tôi ngồi ở cửa sổ tầng hai nhìn xuống làn mưa rây trên đám cỏ hoang, mơ hồ cảm nhận tiền tài danh vọng hư huyền tựa hồ mưa móc kia. Ai vào viện cũng thăm, thăm lăm cỏi đời khắc nghiệt, hưởng là vào khoa ung bướu. Một người già bị u não đã đành nhưng đứa trẻ lên năm cũng với căn bệnh đó, biết kêu ai! Hay chẳng đó là nghiệp tồn lưu từ quá khứ? Khu vực xạ trị còn hy vọng; hóa trị phần lớn kéo dài tuổi thọ trong nỗi đau dai dẳng. Cha tôi nằm viện, nhờ trời còn đi lại dễ dàng, tự vệ sinh ăn uống. Những bệnh nhân không có người chăm hoặc được chăm sóc trong nỗi bức bối càng cảm thấu cái quy luật mang tên mệnh trời. Tôi từng tiếp cận khá nhiều thông tin trên báo, về những nhà tỉ phú có máy bay riêng chở ra nước ngoài chữa bệnh cũng bó tay, lâm vào ngõ cụt và trước mắt là một thế giới mông lung u sầu. Rồi về cuối đời ngồi cô đơn trên xe lăn trong

căn phòng với bao bằng khen, với bao nấc thang danh vọng nhưng không thể bước lên tầng thượng của ngôi nhà sang trọng thu cả thành phố vào tầm mắt để biết bầu trời cao rộng nhường nào.

Cha tôi kể cũng may mắn khi phát hiện bệnh ở giai đoạn đầu. Những đợt nhập viện ông đều không cho ai theo. Rất an nhiên. Đến hẹn của bác sĩ, chúng tôi góp tiền và cha khoác ba-lô lên đường. Ông đi cũng vui mà về cũng vui, còn mua quà cáp như sau chuyến du lịch. Lần xạ trị cuối này tôi được cử theo lo thủ tục xuất viện... Mấy ngày trước em và tôi cùng một dãy lại không gặp nhau. Bây giờ chồng em chuyển đến đúng phòng của cha tôi, là sao? Tôi bước xuống khuôn viên dãy nhà tầng hai, còn những khoảng đất rộng cỏ xanh rì. Cây bồ-đề cao lớn trùm bóng mát. Người nhà bệnh nhân được phép tận dụng không gian này nấu nướng ăn uống. Dưới gốc bồ-đề có những ghế đá. Em na chiếc giường xếp xuống để chồng nằm cho thoáng; việc nhỏ vậy song tôi cũng không dám giúp... Người ngồi san sát, tôi đảo mắt mấy lượt mới thấy em bón cháo cho chồng, liền đứng dậy bước lên phòng, hồi lâu mới xuống. Cha tôi không biết em. Hồi đó tôi định đưa em về giới thiệu, cũng tính đến một đám cưới rất gần...

Tôi đến ngồi bên em trên ghế đá dưới cội bồ-đề. Lặng lẽ, em vẫn hướng về nơi khác. Không ai quanh đó nhìn chúng tôi. Ở đây sau mấy ngày người xa lạ đều thành quen, tâm sự những điều sâu kín. Giữa rất nhiều khuôn mặt có vẻ mơ hồ về tương lai, bỗng đứng một sớm có người vác ba-lô chào tạm biệt. Những cái bắt tay, những nụ cười và niềm sẻ chia chân thành; người ở lại cứ nhìn theo bóng dáng người đang tiến về cõi sáng. Có người cũng vác ba-như vậy, cũng chào mọi người ở lại mạnh khỏe an vui, song đó lại là trường hợp bệnh viện trả về. Dĩ nhiên họ sẽ được gắn gũi với bao người thân mong ngóng, về với xóm làng thân thương nhưng phía trước là khoảng không mù mịt, là những tháng ngày mà có lẽ chỉ ánh sáng tâm linh mới soi rõ ngọn nguồn.

Em vẫn không nhìn tôi, giọng rất rõ:

- Khẩn cầu anh hai việc: đừng để bất cứ ai biết mình quen nhau từ trước. Quan trọng hơn, anh không được để chồng em biết em mắc bệnh!

Tôi giật mình. Vậy ra mấy năm qua em vẫn giấu khối u trong mình. Ý nghĩ lóe lên: giờ tôi hoàn toàn đủ điều kiện giúp em chữa trị.

Em lắc đầu, nụ cười thánh thiện. Tôi muốn ôm lấy em.

- Em đã theo Phật. Phật A-di-đà luôn trong tâm em và em sống trong bản nguyện cứu độ của Ngài.

Tôi nhìn ngơ ngác, hình như chưa hiểu gì. Em lại cười.

- Trong đạo tràng em đêm nào cũng góp mặt niệm Phật, có mấy người bị ung thư, họ chỉ niệm Phật. Đó là chữa bệnh bằng âm thanh, thứ âm thanh siêu thiện, là một dạng sóng tác động vào thân tâm; giống như khoa học thí nghiệm cho thấy khi ta yêu thương nước thì nước sẽ trong sạch, mà cơ thể ta phần nhiều là nước. Nhưng phải có niềm tin. Có thể anh sẽ không hiểu được niềm tin này trong em. Niềm tin kiên cố về ánh hào quang vô lượng cứu rỗi...

Tôi im lặng, cúi đầu như sấm hối.

- Phòng bên cạnh có một bé u não, vào Sài Gòn chữa tốn kém vẫn không giảm. Cha mẹ đưa nó ra đây, ở phòng bên anh thấy không?

- Có, nó cứ lằm chằm bước, tóc chỗ tia xạ trắng phau như gà bị nhổ lông, trông vui.

- Em còn may mắn chán, ít nhiều đã nếm vị mặn ngọt cuộc đời. Em nhớ thằng cu ở nhà, gửi cho nội nó chăm.

Những đêm trước tôi ngủ trên ghế xếp cạnh giường cha. Bây giờ khoảng nền nhỏ hẹp đó em trải cái chiếu để tiện săn sóc chồng, tôi liền đưa ghế ra hành lang. Tim chồn ngủ khá vất vả. Hành lang không rộng. Chập tối là những chiếc ghế xếp điền vào chỗ trống, nhiều người trải chiếu nằm vật vạ. Một dãy ghế dọc hành lang cái bên này cái kia theo hình dích dắc. Suốt đêm cứ vang lên tiếng lệt xệt của bệnh nhân. Khuya. Lần tôi mở mắt thì thấy chồng em bước về phía phòng tắm, rồi chốc nữa em theo sau. Tôi vờ nhắm mắt. Khó ngủ.

Gã trung niên phòng bên lúc nào cũng kéo dép sên sệt trên nền nhà,

thường vẫn dậy đi vệ sinh rất sớm. Cha tôi ngủ ngon lành, chân gác cả lên thành giường, chẳng mấy ngày nữa xuất viện. Tuổi như ông người ta nói sống quá lời rồi. Tôi trở dậy ngó vào phòng nhìn em. Không thấy. Chồng em vẫn ngủ, tay gác trán. Tôi ra súc miệng đánh răng và vội xuống tầng trệt kiếm tìm. Nhiều người lục tục đi dạo, dưỡng sinh. Người khác nhen bếp than sắc thuốc, người chuẩn bị nấu bữa sáng. Mát và trong lành nhất là trước cổng khoa. Ở đây hàng phượng vươn mình. Nghe chim hót chào ngày mới thật nhiều năng lượng. Tôi bước ra, phía trước có người ngồi trên ghế; nhìn mái tóc bóng nhận ra. Tôi chỉ muốn tới bên nhẹ nhàng đặt tay lên đôi vai mong manh, vẫn rất ngại... Mới hay em đang nhắm



mắt niệm Phật. Tôi cũng biết giới khoa học lượng tử thế giới thừa nhận tế bào ung thư có thể trẻ hóa nhờ liệu pháp tâm lý, nhờ thành tâm chuyên chú niệm hồng danh “A-di-đà Phật”, nhờ khám phá nội giới với tư cách con người là tiểu vũ trụ hoặc với một tinh thần lạc quan phi thường đến quên mình là con bệnh... Chợt nhớ đôi tay thon của em, nơi cổ tay trắng có đeo chuỗi hạt màu ngọc, đêm tối phát sáng như tín hiệu của niềm tin sâu tâm thức; điều này trong em mãi là một vùng trời tôi không dám vung tay theo thói thường bản ngã.

Câu Phật hiệu ngừng, đôi môi hồng xinh, nom em vui lắm, và tôi như đang được hưởng lây hồng mầu nhiệm.

- Em biết có người ngồi bên mình, vẫn nghĩ nếu họ ngại nghe niệm Phật đã kiếm chỗ khác. Anh có khó chịu không?

Tôi lắc đầu. Thực tình tôi đang nghĩ về viễn cảnh khác, với em.

- Anh sẽ không tìm ra một câu hát chỉ bốn từ nghe đi nghe lại mãi hoài không chán đâu. Riêng “A-di-đà Phật” thì khác.

Tôi cười. Không biết nói sao.

- Lúc có người, em vẫn thầm niệm Phật suốt. Em tin Phật sẽ cứu mình... À, sao anh dậy sớm? Em sáng nào cũng ra đây mà chưa thấy ai đến trước giàn ghế.

Tôi nhìn ra cổng khoa ung bướu, trời tản bớt sương, có mấy người tập thể dục và xa hơn chút nữa là ông già vừa được hai đứa con đẩy xe lăn ra để thay đồ, lau rửa. Tôi nhớ lần đầu tiên bước đến cái cổng này, cảm giác vừa lộng lẫy vừa hoang mang. Hàng cây phượng giữa hạ bung mình nở hoa rực đỏ, vài nhánh sà xuống ngay tắp biểng mang thông điệp sâu xa của kiếp người. Trong ngữ cảnh dễ khiến kẻ sĩ đứng lặng chiêm ngưỡng, bỗng tiếng còi cứu thương rú lên, rồi trên xe cáng một người vừa thở máu vừa ộc ra...



Tôi cũng vừa bước ngang qua những căn phòng thuộc khu vực dành cho bệnh nhân hóa trị, lắm người không ngủ được bó gối trên giường nhìn ra ngắm ngời về những thời gian đã mất! Đàn ông ngoài năm mươi thời tạm gác; đàn bà tóc còn xanh, hóa trị nửa chừng mái tóc vàng rụng dần, cuối cùng đành ngậm ngùi xuống tóc. Tôi tưởng đến khuôn mặt thật đẹp của em nếu như họ, rồi mái tóc mềm mại rụng dần và bay theo mây gió.

Chồng em mới tia xạ chưa tới chục mũi đã nằm bẹp, cứ ngủ mũi đồ ăn là nôn. Từ rất sớm em dậy tức trực bên chồng, soi đèn xúc thuốc. Yên vị mấy phút, chồng nằm sấp, nước dãi chảy ra thau. Lại xúc lại uống, lần qua trở về cả buổi. Chồng em mấy ngày không ăn được nên em mua yếm sào cảm hơi, uống vào ọe ra, vậy là tiền trời xuống cống. Trưa em tranh thủ ra chợ, về thổi lửa bắc nước lại chạy lên tầng hai tiếp tục luôn tay làm theo lời chồng. Hễ nói là đau lưỡi, giọng anh ta không rõ tiếng, em hỏi thêm liền bị nạt, vẫn tận tình chăm sóc với bộ mặt nhẫn nại tuyệt vời.

Tôi muốn xé mình ra. Sao em không chữa trị? Tôi sẽ âm thầm ở bên như cái bóng, như một “người âm” mang lỗi lầm quá khứ. Sao em lại giấu căn bệnh chết người để làm nhiệm vụ của một điều dưỡng. Tôi muốn thét vào tai chồng em: “Cô ấy đang bị u não đấy!”. Ý muốn lặn vào giấc mơ, tôi thấy mình sấn tới nhưng anh ta vẫn nằm yên cười mĩa. Còn em vừa bước vào thấy vậy liền ôm đầu, khụy xuống.

Ra khỏi khuôn viên bệnh viện, tôi tản bộ trên con đường gần đó. Chợt thấy ngôi chùa nhỏ. Ngần ngại, mới bước vào. “Nguyện cho em được lành bệnh”. Tôi nhắm mắt. Rùng mình: hình ảnh tang tóc lướt qua... Người ta nói tâm loạn động thường vẫn hiện yêu ma. Lúc quay lại, em đã đi đâu. Đứa trẻ có cái đầu trắng phau chỗ tia xạ chạy dọc hành lang tung tăng chơi trò lái xe một mình. Bác sĩ cho tôi hay người chồng không chịu nổi, tạm xin phép về nhà dưỡng sức, thủ tục xuất viện làm từ hôm qua. Vậy mà em không nói một lời. Em mang hạnh phúc của mình tránh xa lỗi lầm từ những tháng ngày viên mãn nhất trong đời? Tôi lê bước vào đêm tối. Buổi sáng thức dậy đã không còn em ngồi trên ghế đá dưới gốc phượng đỏ trời nhức nhối. Nhớ đôi mắt khép hờ lúc em tĩnh tâm, nhớ những hạt nắng sớm mai trong vắt vương trên tóc em dưới cội bồ-đề; nhớ về tháng ngày bên nhau xưa lắm, nhớ dáng em gục xuống báo hiệu cho một căn bệnh quái ác giày vò...

Tin vào nguyện lực cứu độ nhiệm mầu từ cõi xa xăm bắt đầu bằng niềm tin ở lòng vị tha của người con gái suýt nữa mình bỏ rơi vĩnh viễn. Nhiều lúc tầm nửa đêm, vẫn muốn lật tung mọi thứ bay đến ngoài ngói nhà từ dòng địa chỉ tôi trộm lấy từ bệnh án của chồng em. Lại sợ. Nỗi sợ trượt theo thời gian mòn mỏi khoét vào da thịt. Sợ một ngày lần tìm ra, niềm hạnh phúc vô biên được gặp lại dáng hình tươi tắn rõ ràng, hay là nắm mồ nhỏ nhoi nhô lên trong cơn đau vô hạn... ■

Lời cảm ơn cuộc sống

Này là vợ chồng tôi đã ở với nhau được 30 năm. Con gái út của tôi đang học năm cuối đại học. Con trai lớn đã ra trường, làm việc ở khu chế xuất với mức lương khá quan và cuối năm nay sẽ lập gia đình. Tôi vừa nghỉ hưu sau hơn 30 năm liên tục dạy học ở trường xã. Nhà tôi còn là giáo viên trường trung học cơ sở của huyện ba năm nữa. Trên khoảnh đất hơn năm trăm mét vuông do xã cấp, chúng tôi đã xây được một căn nhà gạch, phần còn lại trồng cây ăn trái. Ôn lại kỷ niệm, tôi nhớ đến dì Bảy “phong trào”, người đã “tác hợp” cho vợ chồng tôi.

Năm ấy tôi về Bình Dương học cao đẳng sư phạm thì quen với anh; sau đó biết anh cũng là người ở Chơn Thành. Trong cuộc sống khó khăn lúc bấy giờ, anh giúp đỡ tôi nhiều vì anh là dân sở tại còn tôi là con em của người đi kinh tế mới. Khi ra trường, anh và tôi đều được bổ nhiệm về dạy học tại địa phương. Khi tình cảm nảy nở và chúng tôi quyết định thành lập gia đình với nhau thì ba má anh quyết liệt ngăn cản với lý do tôi và anh không hợp tuổi; trong khi gia đình tôi rất quý trọng anh và hoàn toàn chấp nhận cuộc hôn nhân của chúng tôi. Về phần anh, anh nói nếu không lấy được tôi thì anh ở giá! Chính lúc đó, dì Bảy “phong trào” xuất hiện và sự can thiệp của dì đã giúp ba má của anh chấp nhận tôi.

Bấy giờ tôi vừa dạy một lớp tiểu học, vừa phụ trách văn thư của trường nên tôi thường xuyên về xã. Dì Bảy, lúc ấy đã lớn tuổi, là phó chủ tịch phụ trách văn thể mỹ của xã, quan tâm đến tôi vì thấy tôi lễ phép và chịu khó làm việc. Biết câu chuyện tình duyên của chúng tôi, một hôm dì Bảy kiếm có tới nhà gặp ba má của anh. Trong lúc chuyện trò, dì Bảy khéo léo nói về tôi, và cứ như tình cờ, dì ấy “tiết lộ” tuổi thật của tôi, lớn hơn tuổi trong giấy tờ của tôi một tuổi, vì năm tôi vào học cấp hai, dì đã giúp làm lại hồ sơ giảm cho tôi một tuổi để tôi có điều kiện vào học, bấy giờ việc nhập học còn nhiều hạn chế.

Thực ra gia đình anh không ghét bỏ tôi, mà rất thương tôi. Nhưng anh là con trai duy nhất trong gia đình, và đã có một ông “thầy bói” nào đó phán rằng nếu tôi và anh lấy nhau, vì không hợp tuổi, thì anh vừa tuyệt tự, vừa yếu tử; tốt nhất là chọn cho anh một cô vợ lớn hơn tuổi tôi một tuổi.

Mọi chuyện êm xuôi. Đám cưới đơn sơ của chúng tôi được tổ chức ba tháng sau đó. Sau đám cưới, chúng tôi đến cảm ơn dì Bảy vì dì đã tiết lộ tuổi thật của tôi mà chính tôi cũng không biết. Bấy giờ, dì cười và nói, “Tuổi thật của cháu vẫn là tuổi trong giấy tờ đã ghi. Chỉ vì thương hai đứa mà dì bịa ra đó thôi”.

Giờ đây, vào lúc chúng tôi kỷ niệm 30 năm ngày cưới, ba má anh và ba má tôi đều đã qua đời. Dì Bảy còn “đi” sớm hơn nữa. Dì Bảy ơi, ơn lớn của dì chúng con không bao giờ quên.

Trần Thị Tuyết Mai,

Nha Bích, Chơn Thành,
Bình Phước



ĐC: 6975E, đường Nhà Vàng,

Mỹ Hòa I, Trung Chánh, Hóc Môn, TP.HCM

ĐT: 08.37181818 - 01.222.999.666 - 01.666.000.666

Website: thienphuthao.com Email: tkhuthao@gmail.com



THIÊN PHÚ THẢO là nơi chế tác tượng Phật đáng tin cậy!
Vì Sản Phẩm luôn được bảo hành mãi mãi...!

Nấu cơm gạo lứt sao cho ngon

Ý NHI



Gạo lứt nên là thành phần chính trong mỗi bữa ăn hàng ngày của chúng ta. Tổ chức Lương nông Thế giới đánh giá gạo lứt là loại hạt bổ dưỡng nhất vì chứa đầy đủ các chất dinh dưỡng cần thiết và có nhiều axit amin và vitamin thiết yếu, phù hợp làm thực phẩm chính của con người. Một chén cơm gạo lứt chứa chất bổ dưỡng nhiều hơn gấp bảy lần chén cơm gạo đã xay xát trắng.

1. Chọn gạo

Gạo lứt tốt nhất nhất là gạo được trồng tại địa phương, không bón phân hóa học và nhiễm thuốc trừ sâu. Về màu sắc gạo lứt có 3 màu trắng, đỏ và đen. Về hình dạng có dạng hạt tròn, hạt ngắn và hạt dài. Mỗi loại có mùi vị và độ mềm dẻo đặc trưng. Thường thì gạo lứt đỏ ngắn hạt sẽ cho cơm ngọt bù hơn và gạo lứt trắng, đen hoặc hạt dài thì thơm mềm và dẻo cơm hơn.

2. Tinh thần khi nấu ăn

Tinh thần khi nấu ăn cũng rất quan trọng, đặc biệt quan trọng với người làm vợ làm mẹ và những người thường ngày làm bếp mà tâm trí thường nghĩ đến hạnh phúc của người khác. Tất nhiên ai cũng có thể nấu cơm nhưng không phải ai nấu cơm cũng ngon. Khi nấu ăn chúng ta nên chăm chú đến việc nấu nướng với tinh thần đầy yêu thương và trách nhiệm. Người làm bếp sẽ biết cách làm cho hạt ngũ cốc được hấp thụ một cách tốt nhất. Cơm nấu sao cho ngon lành, nhìn hạt cơm mới đẹp mắt hấp dẫn muốn ăn và khi ăn cảm nhận được hương vị ngọt ngào tự nhiên của hạt ngũ cốc thì đó là cả một nghệ thuật.

3. Nấu cơm

Nấu cơm tùy loại gạo mà cho nước. Nếu gạo cũ hơn thì cần nhiều nước hơn. Loại hạt tròn, ngắn cũng cần nhiều nước hơn loại hạt dài.

Có thể nấu cơm bằng nồi áp suất, nồi inox, nồi đất hoặc nồi cơm điện tùy ý và có thể nấu bằng bếp gas hay bếp điện. Nên dùng nồi có sức chứa hơn lượng cơm muốn nấu để tạo nhiều hơi ép cho cơm mềm và ngon hơn. Cơm gạo lứt nấu bằng nồi áp suất mềm dẻo và dễ ăn hơn nấu nồi thường (đặc biệt đối với người lớn tuổi).

Nấu cơm gạo lứt bằng nồi áp suất

Gạo lứt đỏ 250gr

Nước sạch 400 – 450gr (tùy loại gạo)

Muối biển: 1/5 muỗng cà-phê. (Nên cho thêm tí muối để hương vị của hạt gạo tỏa ra trọn vẹn)

Gạo rửa đãi sạch, vớt ra rổ cho ráo, cho nước và muối vào nồi bắc lên bếp. Nước gần sôi cho gạo vào khuấy đều, đậy nắp nồi, cài nút áp suất. Cho lửa lớn để cơm sôi nhanh và lên hơi cho đều. Khi nút áp suất lên đúng hai vạch thì hạ lửa thật nhỏ đủ để duy trì áp suất trong nồi. Cứ để như thế 40' tắt bếp. Nhấc nồi xuống để một lúc cho áp suất hạ xuống, mở nắp lấy đũa xới đều cơm.

Nấu cơm gạo lứt bằng nồi thường, nồi đất trên bếp gas hoặc nồi cơm điện

Lượng nước cho nhiều hơn từ 700 – 750gr.

Đặt nước lên bếp, nước sôi cho gạo vào khuấy đều. Đợi cơm sôi lại cho lửa nhỏ để sôi liu riu 20 đến 25 phút cho đến khi cơm chín.

Để thêm hương vị và màu sắc cho cuộc sống, các bạn có thể làm cơm dưới nhiều hình thức và kiểu dáng khác nhau. Cơm có thể nắm thành nắm nhỏ vừa miệng hoặc nắm thành nắm lớn hơn xắt khoanh hoặc ép thành từng viên vuông nhỏ. Khi ăn có thể chấm muối mè, tương...

Khi đã quen với vị gạo lứt ngon ngọt, nếu trở lại ăn cơm gạo trắng bạn sẽ thấy nhạt nhẽo hơn.

Cửa hàng Thực phẩm dưỡng sinh Chân Nguyên

THỰC PHẨM DƯỠNG SINH
CHÂN NGUYÊN®

96H Võ Thị Sáu, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
Số 11 đường Số 2, Cư xá Đô Thành, P.4, Q.3, TP.HCM, Tel.: 08 22422951
Facebook: channguyen
Hotline: 84-8-38251659 - Web: www.channguyen.vn



CHÙA PHƯỚC TÚ TỪ TÔN
SỐ 1 ĐẠI LỘ ĐỒNG KHỞI - TAM HIỆP - BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI

Kính chúc:

*Chư Tôn Hòa Thượng, Chư Thượng Tọa Đại Đức Tăng Ni.
Các cấp Chính quyền.*

Các công ty Xí Nghiệp và Phật Tử.

Đại Lễ Phật Đản Sinh Lần thứ 2639 - Phật Lịch 2559

Thân tâm An Lạc, Sự nghiệp viên thành.

*“Bình Dương có chùa Bà
Biên Hòa có chùa Từ Tôn - Thiêng lắm”*

Đại Hồng chung

Âm thanh sánh bằng Chuông Thiên Mụ

Diệu dụng tương đồng Võ Đế chung

Biên Hòa Thành phố Từ Tôn Tự

Đêm vắng chuông Chùa nhẹ ngân vang.

Hỡi ai còn đắm trong cõi mộng

Xin hãy về đây với Đạo vàng

Khai sơn Phước Tú Từ Tôn Tự



Nguyên thúc: Thích Phước Tú
ĐT: 0919 076 446



Nhà hàng chay Thiện Duyên

Nét chấm phá mới của ẩm thực chay Sài Gòn



là những Phật tử đầy tâm huyết và rất hoan hỷ nên đã không tiếc công sức, tiền của để đầu tư cho Thiện Duyên với hệ thống nội thất hoàn chỉnh, đẹp, hiện đại nhưng rất hài hòa, mang không gian thiền, mọi thiết kế đều hết sức nhẹ nhàng và tinh tế đến từng góc nhỏ nhất. Thiện Duyên muốn tạo ra một sự khác biệt ở chất lượng và hình thức của món ăn nên đã cất công mời được những đầu bếp tài hoa, nổi tiếng, yêu nghề và đã tìm được những nguồn cung cấp thực phẩm tươi ngon và an toàn nhất. Đội ngũ nhân viên nhà hàng từ quản lý đến phục vụ được đào tạo bài bản để phục vụ thực khách với phương châm vừa trân trọng như khách quý, vừa chân thành như người nhà.

Quý khách đến với *Nhà hàng chay Thiện Duyên* để thưởng thức những món chay tuyệt hảo, để cảm nhận sự thanh tịnh của chốn thiền môn và để cùng với Thiện Duyên phát tâm thiện nguyện. Bởi nhà hàng chay Thiện Duyên sẽ dành phần lớn sự hoan hỷ ủng hộ của quý thực khách cho các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.

An chay đang là một xu thế rất thịnh hành tại Việt Nam, nhất là ở những thành phố lớn như TP.HCM. Vấn đề thừa cân, béo phì và sự mất an toàn của thực phẩm có nguồn gốc từ động vật đang được đông đảo người dân quan tâm. Những món ăn ngon lành, bổ dưỡng, đẹp mắt được chế biến từ nguồn rau, đậu, củ, quả sẽ mang lại cho con người một sự cân bằng cần có trong chế độ dinh dưỡng hàng ngày. Khoa học đã chứng minh rằng, nguồn đạm từ thực vật giúp cơ thể chúng ta hấp thu tốt nhất dưỡng chất, không tạo ra những nguy cơ hiện tại và tiềm ẩn cho sức khỏe.

Trong cuộc sống hiện đại, chúng ta không chỉ cần ăn cho ngon, ăn cho đủ dinh dưỡng mà còn hướng đến hai mục đích quan trọng là ăn để giữ gìn sức khỏe và sắc đẹp. Ăn món chay vì thế đã trở thành sự lựa chọn của nhiều thực khách khi đến nhà hàng. Các nhà hàng chay ra đời rất nhiều trong hơn mười năm qua. Điều ấy đã giúp tôn vinh ẩm thực chay, ẩm thực chay dần dần xác lập vị trí quan trọng của mình trong nghệ thuật ẩm thực của người Sài Gòn nói riêng và người Việt Nam nói chung. “Văn

hóa ăn chay” không còn dành riêng cho các bậc tu sĩ nữa mà đã là văn hóa phổ biến của mọi tầng lớp nhân dân. Các đầu bếp tài hoa của ba miền Bắc - Trung - Nam đã tôn vinh ẩm thực chay Việt, đã giúp ẩm thực chay Việt vươn đến các giá trị chân - thiện - mỹ. Ẩm thực chay đã cùng với các phương diện văn hóa khác góp phần giúp cho con người sống khỏe, sống tốt và sống đẹp hơn.

Như một nét chấm phá mới, làm hoàn thiện và độc đáo hơn cho “ẩm thực chay Sài Gòn”, *Nhà hàng chay Thiện Duyên* ra đời. *Nhà hàng chay Thiện Duyên* phát tâm hướng đến mục tiêu trở thành nhà hàng chay lớn nhất, tinh tế, ngon và làm được nhiều điều thiện nguyện nhất.

Trên con đường thiên lý xuôi ngược Bắc - Nam, đoạn Xa lộ Hà Nội, cách cầu Sài Gòn 3km, không ai không chú ý đến một ngôi chùa to lớn đang trong quá trình hoàn tất, đó là Pháp viện Minh Đăng Quang. *Nhà hàng chay Thiện Duyên* có được duyên lành đầu tiên khi tọa lạc ở ngay góc phải mặt trước của Pháp viện. Nhà hàng mang dáng dấp một ngôi chùa Việt Nam rất hiền hòa, thanh thoát với hai tầng, có sức chứa hơn 500 khách. Chủ nhân của nhà hàng

○ *Nhà hàng chay Thiện Duyên* rất hân hạnh phục vụ trên 60 món chay ngon lành, tinh tế và tuyệt đối an toàn. Ngoài ra, nhà hàng còn có không gian cà-phê rất độc đáo với hàng chục món nước bổ dưỡng, được pha chế công phu bởi những bartender lành nghề.

○ Tầng lầu nhà hàng được thiết kế với không gian và sân khấu để tổ chức các sự kiện như tiệc chay, đám cưới (hàng thuận), đón khách du lịch và khách hành hương. Cho thuê hội trường tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo, giao lưu...

○ Hàng tháng, nhà hàng còn tổ chức những tiệc buffet chay vào ngày rằm, mừng một và những ngày lễ Phật giáo.

○ Tổ chức tọa đàm về văn hóa Phật giáo, văn hóa ẩm thực, sức khỏe dinh dưỡng định kỳ.

Mọi chi tiết xin liên hệ:

www.nhahangchaythienduyen.vn

ĐC: 505 Xa Lộ Hà Nội, P.An Phú, Q.2, TP.HCM
(Trong khuôn viên Pháp viện Minh Đăng Quang)

ĐT: (08) 6683.8999

Email: amthucchaythienduyen@gmail.com





NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

Số mới: 411 Hoàng Sa – phường 8 – quận 3 – TP.HCM
(Số cũ: 60/116 Lý Chính Thắng – P.8 – Q.3 – TP.HCM)
Tel: 08.38482028

Kính mừng Đại lễ Phật đản PL. 2559 (2015)

PHẬT QUANG ĐẠI TỪ ĐIỂN

Bồi dưỡng kiến thức Phật học,
cung cấp đầy đủ các thuật ngữ,
làm phong phú văn học Phật giáo.



GIỚI THIỆU SÁCH

PHẬT QUANG ĐẠI TỪ ĐIỂN trọn bộ 8 tập dày gần 10 ngàn trang do Sa-môn Thích Quảng Độ dịch, trong đó có phần index ngoại văn mà các bộ in trước đây chưa có. Sách được xuất bản và phát hành lần đầu tiên tại Việt Nam do Nhà xuất bản Phương Đông và Nhà sách Văn Thành liên kết.

Sách được in trên giấy đặc chủng bible Hà Lan, chuyên dụng in từ điển để thời gian sử dụng lâu bền hơn. Bìa cứng được đựng trong thùng giấy carton dày. Hòa thượng dịch giả cho biết hiện nay chưa có

bộ Từ điển Phật học nào đầy đủ và phong phú hơn bộ này.

Toàn bộ sách được biên tập bởi 50 học giả Phật giáo thuộc Phật Quang Đại Tạng Kinh Biên Tu Ủy viên hội ở Đài Loan biên soạn bằng Hoa ngữ trong mười năm 1978-1988. Riêng việc dịch ra tiếng Việt, Hòa thượng dịch giả dịch mất 7 năm, từ đầu năm 1990 đến cuối năm năm 1997 mới hoàn tất.

Với bảy triệu chữ giải thích các từ đề mục, kèm theo chữ Hán và chữ Phạn tương đương.

CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, đường số 8, P.Phước Bình, quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pàli và Sanskrit.

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

Kính mừng Mùa Phật đản 2559

- Kinh sách văn hóa phẩm về lĩnh vực Phật giáo.
- Pháp phục Tăng Ni, áo tràng Phật tử...
- Phật cụ pháp khí, hàng lưu niệm, hàng mỹ nghệ...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu.
- Chuyên tượng Phật, Bồ-tát, đại hồng chung, chuông mõ loại lớn.

Nhà sách chân thành cảm ơn Chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử
quý khách hàng đã ủng hộ Nhà sách Tâm Thuận trong thời gian qua.

**KÍNH CHÚC VÔ LƯỢNG AN LẠC
VÔ LƯỢNG CÁT TƯỜNG NHƯ Ý**



- ☐ Đ/C: cuối hẻm 380/2b Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM
- ☐ Di động: 0902 40 47 48 - 0972 898 818 ☐ Email: hoinguyen.kt@gmail.com
- ☐ STK: 76935619 NH ACB chi nhánh Bình Thạnh, CTK: Ngô Phương Đức
- ☐ STK: 1920206053273 NH Agribank, chi nhánh Bến Thành, CTK: Nguyễn Thị Hời

*Nhân dịp kỷ niệm ngày Phật Đản Sinh,
Sân Mây kính chúc Quý khách cùng gia đình
luôn an lành và hạnh phúc*

Nhà hàng chay Sân Mây

Sân Mây Café

Sân mây
NHÀ HÀNG CHAY

Sân Mây
CAFÉ

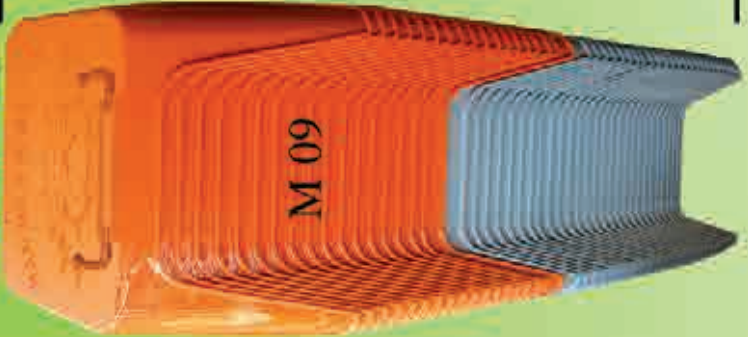
771 Lê Hồng Phong (nối dài), P.12, Quận 10, Tp.HCM
Điện thoại : 3507 1628 - 0903 369 198
www.sanmayrestaurant.com

224A-B Điện Biên Phủ, P.7, Quận 3, Tp.HCM
Điện thoại : 08 3932 2266
www.sanmaycafe.com





50 kệ chỉ cao 1,1m



M 09



M 02: GỖ



M 04: GỖ



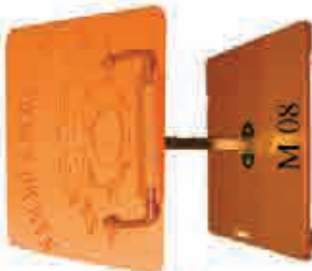
M 06



M 07



M 10



M 08



M 11

Kệ cao ngồi đọc:
Loại ghế cao 30cm và 45cm



(SAU KHI XÉP)

THUẬN AN

Kính mừng Đại lễ Phật đản PL. 2559

○ Kệ kinh Thuận An đã đoạt giải - huy chương:

- Sản phẩm-tin cậy.
- Thiết kế hoàn hảo.
- Nhãn hiệu ưa dùng 2015.

○ Kệ có ba màu tương trưng cho Phật giáo là:

- Lam - Nâu - Vàng.
- Phát huy công năng cao, tiện ích khi đọc niệm.
- Không chiếm nhiều diện tích khi cất giữ.
- Xếp thẳng tạo thẩm mỹ nơi để.
- Không công kênh tổn nhiều chi phí khi vận chuyển.
- Nhận chuyển đi xa có bảo đảm.
- Cam kết đảm bảo chất lượng và kỹ thuật.
- Bao bì đẹp và an toàn.
- Bảo hành 2 năm, thời gian sử dụng trên 5 năm.

Địa chỉ: 105M/27 Hồ Thị Kỷ, P.1, Q.10
 08-38351185-0903955150
 PD.Tuệ Hiếu (Trần Ngọc Tới)





Hoà Tiên

CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN

D13/2 Trần Nãi, P.Bình Khánh, Q.2, TP.HCM

Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin

Liên hệ để biết thêm chi tiết:

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn



Restaurant

Chay

Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rỏi, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

○ **Điện thoại:** (08) 384 82612 – 0909 023469
hoan hi gặp anh Lãnh (quản lý)

Trân trọng kính mời



SAIGON SQUARE - HOANG THANH Center

HỒNG THẢO

Chuyên sỉ & lẻ, đặc biệt sản xuất theo yêu cầu các loại mặt hàng:

Túi xách, ba lô, cặp laptop, vali....

Kính mừng Đại lễ Phật đản

ĐC: Shop 41B tầng trệt (first floor)

77 - 89 Nam Kỳ Khởi Nghĩa St., Dist. 1

HP: 0909098618 (Mrs.Thảo) - 0908662107 (Mr.Hồng)

Email: hongthao268@yahoo.com.vn



Nước Uống
ALOEPAS

Uống Ngon Ngon Nhai Giòn Giòn



○ Công ty TNHH TMDV KHÂM TÍN vừa đưa ra thị trường sản phẩm nước uống **Nha đam - Chanh dây** mang thương hiệu **ALOEPAS** được người tiêu dùng đánh giá rất cao. Ngoài việc kết hợp độc đáo của hai loại thảo dược thiên nhiên mang nhiều dưỡng chất có lợi cho sức khỏe này, nước uống **ALOEPAS** còn mang đến cho người tiêu dùng một trải nghiệm hương vị mới vô cùng hấp dẫn.

○ Với phương châm sản xuất ra những sản phẩm **Đẹp Vì Cuộc Sống, Khỏe Vì Gia Đình**, giải thưởng **Cúp Vàng Chất Lượng Việt Nam Phù Hợp Tiêu Chuẩn** chính là ghi nhận xứng đáng dành cho những đóng góp của công ty.

Sản phẩm của: CTY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHÂM TÍN
Số: 234/11 Cô Bắc, Phường, Cô Giang, Q.1, TP.HỒ CHÍ MINH
Số 2 Lô A, CỤ XÃ PHỤ LÂM Đ, P. 10, Q. 6, TP. HCM, VIỆT NAM
Website: www.khamtin.vn Email: khamtin1688@gmail.com



ĐẸP VÌ CUỘC SỐNG · KHỎE VÌ GIA ĐÌNH

CỬA HÀNG VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

NHƯ ĐỨC

Pháp phục - Pháp khí

Kính - Sách - Ấn phẩm Phật giáo

Tranh tượng Phật

Kính mừng Đại lễ Phật đản - PL.2559

530 Điện Biên Phủ, P.11, Q.10, TP.HCM (Ngã 3 Điện Biên Phủ - Bàn Cờ)

ĐT: 08.22419056 - 08.22419057 → DĐ: 0908808836

Email: nguyenkimhien1958@yahoo.com



THÁI LONG VINA

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI
THÁI LONG VINA**

THAI LONG

**Kính mừng
Đại lễ Phật đản
PL.2559 - DL.2015**



○ **Chuyên sản xuất và kinh doanh:**

- Muối thực phẩm - Muối công nghiệp - Muối Iốt
- Muối (NaCl): Hóa mỹ phẩm - Thủy hải sản
Xử lý nước - Thức ăn chăn nuôi - Thuộc da

Từ muối hạt thiên nhiên, công ty chúng tôi đã tạo ra được nhiều sản phẩm đa dạng như muối sấy, muối I-ốt, muối xay, muối hầm, muối nấu để đáp ứng cho nhiều ngành nghề khác nhau...

Ngoài ra, chúng tôi còn cung cấp các loại muối nhập khẩu.



○ **Để biết thêm chi tiết xin vui lòng liên hệ:**

Ông Huỳnh Văn Lộc (0903 824 480)

ĐC: 79/3 Phan Văn Trị, P.14, Q.Bình Thạnh, TPHCM

ĐT: 08 3516 3286 - Fax: 08 6294 2936

Website: www.muoithailong.com.vn

Email: thailongvina@yahoo.com

Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



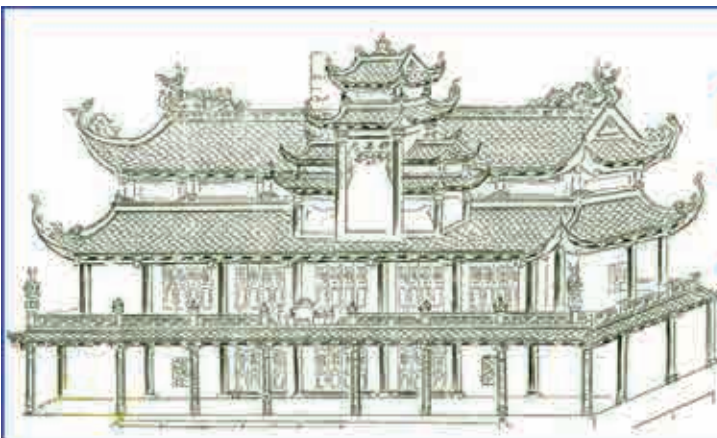
Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thời Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ ymail.com



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035
"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



MIỄN PHÍ THIẾT KẾ CHÙA - ĐÌNH

Kiến trúc: KTS Huỳnh An - Huỳnh Kim Tường
0908 790 200 - nguyen_an01@yahoo.com

Kết cấu: KS Nguyễn Văn Đức
0903 735 580 - duc@tannherong.vn

Công ty Tư vấn xây dựng TÂN
chuyên thiết kế chung cư xanh

THƯ NGỎ

Chương Trình Xây Dựng Chùa Phước An

Kính thưa quý thiện nam tín nữ Phật tử, quý nhà hảo tâm và mạnh thường quân xa gần!
Kính thưa quý liệt vị!

Xây chùa tô tượng đúc chuông, in kinh ấn tống được muôn phước lành! **Chùa Phước An** tổ chức lễ động thổ đại trùng tu vào ngày 18/5/2014 (nhằm ngày 20/4 Giáp Ngọ), tài khoản nhờ vào quý Phật tử phát tâm ủng hộ, Việc thi công theo từng giai đoạn.

Giai đoạn xây cất nhà Tổ gồm các khoảng thi công và kinh phí xây dựng như sau

Khởi công ngày 20/6 năm Giáp Ngọ đã thực hiện hệ thống móng và đúc 56 chân cột, đúc đà kiềng và đổ đất vào nền. Đang thực hiện: đóng cốt pha, bó cột (120 cây), xây tường 20cm và đúc 600m² sàn.

Chiếc tính: 1 cây cột vật liệu và công là 6.000.000đ

Vật liệu và công 1m² sàn là 1.500.000đ

Xây tường 20cm kt: 1m² = 400.000đ

Xây tường 10cm kt: 1m² = 180.000đ

Tô vách 2.000m² mỗi mét tính vật liệu và công 100.000đ

Nhằm giúp cho nhà chùa có phương tiện thực hiện công đoạn nêu trên.

Kính mong quý liệt vị phát tâm ủng hộ tài, vật, lực giúp đỡ cho công trình sớm hoàn thành.

Công đức của quý vị to lớn vô lượng vô biên...

Chân thành niệm ơn và kính chúc quý vị vạn sự kiết tường.

Nam-mô công đức làm Bồ-tát.

Mọi sự ủng hộ xin liên hệ: Thượng tọa Thích Thiện Châu, Trưởng BTS GHPGVN TP.Thủ Dầu Một, Trụ trì **chùa Phước An**

ĐC: số 30/1 Hoàng Hoa Thám, P.Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

ĐT: 0650.823.927 hoặc 0919.520.503



VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

Sắp phát hành

đóng bộ Tập 2 năm 2014, từ số 204 đến số 215

giá: 210.000đ/cuốn



Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa đóng lại
toàn tập (tập 1 + tập 2)

2007 (tập 2): 160.000VNĐ

2008 (2 tập): 340.000VNĐ

2009 (2 tập): 360.000VNĐ

2010 (2 tập): 380.000VNĐ

2011 (2 tập): 420.000VNĐ

2012 (2 tập): 420.000VNĐ

2013 (2 tập): 420.000VNĐ

2014 (2 tập): 420.000VNĐ

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:

Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO** : 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TPHCM



Song Hỷ trà quán



Biểu diễn
nhạc Dân tộc
thứ 6 hàng tuần
lúc 20 giờ

- Một không gian thưởng trà, mang đến cho người dùng không chỉ là trà ngon và cách thưởng thức chén trà ngon nhất, mà còn hiểu rõ nguồn gốc và phẩm chất từng loại trà.
- Nơi thưởng ngoạn và trao đổi ấm của bạn yêu ẩm mền trà
- Nơi tổ chức biểu diễn nhạc dân tộc và tổ chức sự kiện...



: 08.39 30 92 03

: Song Hỷ Trà

: 6A Lê Quý Đôn, P.6, Q.3, TP.HCM



Cửa hàng NGỌC HIỂN

Số 158 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, TP.HCM - ĐT: (08) 38355590 - 0983 675570

- Chuyên: Cung cấp các sản phẩm thờ cúng, phong thủy, tượng Phật gốm sứ - đồng mạ vàng, tranh lamina, tranh điện Phật giáo...
- Nhận đặt hàng theo mẫu khách hàng và giao hàng tận chùa và tư gia (trong TP.HCM)

pháp uyển

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tường, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM

08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877

lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com

NHÀ MAY VẠN HẠNH

**CHUYÊN MAY PHÁP PHỤC TỬ SĨ:
Y - HẬU - ÁO TRÀNG - NHỰT BÌNH V.V...
QUỐC PHỤC - MÃO**

Gặp Anh Triều - Chị Thảo

241 NGUYỄN THÁI BÌNH - PHƯƠNG 4 - TÂN BÌNH
TP.HỒ CHÍ MINH *ĐT: 38853053 *DD: 0906046141

Email: nhamayvanhanh241@gmail.com

Web: phapphuctusi.com



Công ty TNHH SX-TM
QUANG NGHỆ
QUANG NGHỆ CO., LTD.
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
 - Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.
- Đặc biệt:** Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 22.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

Giày Da Công Nghệ Cao

Vina-Giày®
www.vinagiay.vn

New
Style



CÁC CỬA HÀNG Ở TP. HCM
VÀ CÁC CỬA HÀNG ĐẠT LỖY TRÊN KHẮP TOÀN QUỐC

- * 61 Đinh Tiên Hoàng, P.3, Q. Bình Thạnh
Tel: (08) 35103956 - (08) 38031193
Fax : (08) 38031192
- * 180 - 182, Lý Chính Thắng, P.9, Q.3
Tel: (08) 39319786 - (08) 39319787
Fax : (08) 39318343
- * 22 Trần Huy Liệu, P.12, Q. Phú Nhuận
Tel : (08) 39974429 - (08) 39974430 - (08) 39974431
- * 269 Trường Chinh, P.14, Q. Tân Bình
Tel: (08) 38490956
- * 608 Nguyễn Đình Chiểu, P.3, Q.3
Tel : (08) 38351407
- * 638 Nguyễn Đình Chiểu, P.3, Q.3
Tel : (08) 38331230
Fax: (08) 38331245
- * 406A Cách Mạng Tháng 8, Q.3
Tel : (08) 39316534
- * 216B-216C Quang Trung, P.10, Gò Vấp
Tel : (08) 38941621
- * TTTM AEON - Tân Phú Celadon, Tầng 1, F. 29-30,
30 Đường Bờ Bao Tân Thắng, Q. Tân Phú.



LIÊN TIẾP 19 NĂM LIÊN BÍNH CHỌN
07'08'09'10'11'12'13'14'15'
07'08'09'10'11'12'13'14'15'

HÀNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG CAO



ĐẠT CUP VÀNG THƯƠNG HIỆU VIỆT 09 NĂM LIÊN
07'08'09'10'11'12'13'14'15'
ĐƯỢC BÌNH CHỌN TRONG TOP 10 THƯƠNG HIỆU MẠNH

Thương hiệu Việt

Thương Hiệu Được Chứng Nhận

Top Ten Hàng Đầu Ngành Da Giày Việt Nam

*Kính
mừng
Đại
lễ
Phật
đản*

*Phật
lịch
2559
Dương
lịch
2015*



Diêu tường Đức Phật Thích Ca Đản Sinh - Đồng thếp vàng

Website: www.dieutuongam.com

DIÊU TƯỜNG ÂM NAM KỶ
382B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM
ĐT: (08) 38 484558 - Hotline: 0906.955.663

DIÊU TƯỜNG ÂM 3/2
212 Ba Tháng Hai, P.12, Q.10, TP.HCM
ĐT: (08) 38 684913 - Hotline: 0902.848.363